

THÀNH DUY-THỨC LUẬN

# Quán Tâm Pháp Yếu

PHẦN IV

THỨC NĂNG BIẾN THỨ BA



trưởng nam trần ngọc dụng  
hiệu đính và trình bày

2013

---

## Trong phần này

|  |    |
|--|----|
| <b>CHƯƠNG I – CHỖ SAI KHÁC CỦA SÁU MÔN TRƯỚC</b> .....   | 4  |
| <b>I. CHỖ SAI KHÁC CỦA BỐN MÔN</b> .....   | 4  |
| A. <i>Giải thích chỗ sai khác giữa sáu thức (sai biệt môn)</i> .....   | 4  |
| B. <i>Giải thích tánh tướng: hai môn</i> .....   | 6  |
| C. <i>Giải thích ba tánh (tam tánh môn)</i> .....  | 7  |
| <b>II. GIẢI THÍCH CÁC TÂM-SỞ, HAI MÔN: THỌ, CÂU</b> .....  | 10 |
| A. <i>Lược nêu tâm-sở, rộng giải thọ-môn</i> .....   | 10 |
| 1. Lược thích sáu vị tâm-sở.....   | 10 |
| a. Nêu chung .....   | 10 |
| b. Giải thích riêng (danh nghĩa ba thọ, sáu vị khác nhau) .....  | 10 |
| 2. Rộng giải ba thọ tương-ung .....  | 11 |
| a. Giải thích nghĩa ba thọ .....   | 11 |
| b. Nói rõ Câu, bắt câu.....  | 16 |
| B. <i>Rộng giải tướng riêng của sáu vị Tâm-sở - Giải thích tướng riêng</i> .....   | 16 |
| 1. Giải thích Biên hành, Biệt cảnh .....   | 16 |
| a. Nêu tụng .....  | 16 |
| b. Dùng luận giải thích .....  | 16 |
| 2. Giải thích tâm-sở Thiện .....   | 23 |
| a. Nêu tụng .....  | 23 |
| b. Dùng luận giải thích: Văn tụng: (Tín; Tàm; Quý; ba Thiện-căn: không Tham, Sân, Si; Càn, An Bất phóng dật; Hành xả; Bất hại); Tránh lập riêng; Phân biệt các môn (Giả, Thực; Biên, bắt biên; Các thức cùng khởi, các thọ tương-ung – với biệt cảnh; thu nhiếp nhau; ba cõi; học, vô-học chỗ dứt của địa vị Tu-đạo) ..... | 24 |
| C. <i>Giải thích căn-bổn phiền-não</i> .....   | 38 |
| 1. Nêu tụng.....   | 38 |
| 2. Dùng luận giải thích .....  | 38 |
| a. Giải thích văn tụng (tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến (thân-kiến, biên-kiến) .....   | 38 |
| b. Phân biệt các môn (Câu-sanh, phân biệt; tương-ung với tự-loại, thức, thọ, biệt-cảnh, ba tánh, hiện, duyên, với ba cõi; học-vô-học) .....  | 43 |
| D. Giải thích Tuỳ phiền-não .....  | 51 |
| 1. Nêu tụng.....   | 51 |
| 2. Dùng luận giải thích.....   | 51 |
| a. Giải thích (10 Tuỳ phiền-não – phần, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, hai, kiêu; 2 Trung-tuỳ – vô-tàm, vô-quý; 8 Đại-tuỳ – trạo-cử, hôn-trầm, bất tín, giải-đãi, phóng-dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri) .....  | 51 |
| b. Phân biệt các môn (giả, thực; phân biệt câu-sanh; tương-ung tự-loại; cùng khởi với các thức; tương-ung với các thọ, với biệt-cảnh, với căn-bổn phiền não, môn thuộc ba tánh; giới hệ, hiện khởi, hệ duyên; thuộc học, vô học; ba chỗ dứt, đặt tên tùy theo cảnh) .....  | 58 |
| E. <i>Giải thích Tâm-sở Bất-định</i> .....   | 62 |
| 1. Nêu tụng.....   | 62 |
| 2. Dùng luận giải thích.....   | 62 |
| a. Chánh thích văn tụng (Hối; miên; tầm, tứ) .....   | 62 |
| b. Phân biệt các môn .....   | 65 |
| G. <i>Rộng giải tướng riêng của sáu vị Tâm-sở – Gom chỉ cho thấy hai đế</i> .....  | 70 |
| 1. Hỏi đáp sơ lược.....  | 70 |
| 2. Hỏi đáp rộng rãi .....  | 71 |
| a. Văn hỏi Ly, Tức .....   | 71 |
| b. Đáp theo diệu lý .....  | 71 |
| <b>CHƯƠNG II – CHỖ DỰA CHUNG CỦA BA MÔN SAU</b> .....  | 73 |
| <b>I. DÙNG LUẬN GIẢI THÍCH</b> .....   | 73 |
| A. <i>Giải thích môn dựa Chung</i> .....   | 73 |
| B. <i>Giải thích môn cùng Chuyển</i> .....   | 73 |

|  |    |
|--|----|
| C. Giải thích môn Phần Vị .....                                      | 74 |
| 1. Giải thích ý-thức thường khởi .....                               | 74 |
| a. Khởi hay chẳng khởi đối với các thức .....                        | 74 |
| b. Thường hiện khởi đối với năm thức .....                           | 74 |
| 2. Giải thích năm cương vị, ý-thức chẳng hiện hành .....             | 74 |
| a. Nói rõ năm cương vị .....   | 74 |
| b. Giải thích các tiếng “và, cùng” .....                             | 81 |
| c. Phán định thông Phàm, Thánh .....                                 | 82 |
| II. NHẬN HIỂU BA TƯỚNG NĂNG-BIẾN CÙNG CHUYỂN ĐỂ THẤY RÕ HAI ĐỀ ..... | 82 |
| A. Tám thức cùng chuyển .....  | 82 |
| B. Liệt chọn nghĩa “cùng chuyển” .....                               | 82 |
| 1. Hỏi đáp lần đầu .....   | 82 |
| 2. Hỏi đáp lần thứ hai .....   | 82 |
| 3. Hỏi đáp lần thứ ba .....  | 83 |
| 4. Hỏi đáp lần thứ tư .....  | 84 |
| 5. Hỏi Đáp lần thứ năm .....   | 84 |
| 6. Hỏi đáp lần thứ sáu .....   | 84 |
| C. Kết luận, cho thấy hai đề .....                                   | 85 |

# CHƯƠNG I – CHỖ SAI KHÁC CỦA SÁU MÔN TRƯỚC

## I. CHỖ SAI KHÁC CỦA BỐN MÔN

### □ Giả hỏi nêu chung

**Nghĩa:** Như vậy, đã nói tướng Năng-biến thứ hai. Thức Năng-biến thứ ba, tướng của nó thể nào? Tụng nói:

*Thức Năng-biến thứ ba  
Có sáu loại khác nhau<sup>1</sup>  
Tánh tướng là Hiểu cảnh<sup>2</sup>  
Thiện, ác, và Vô-ky<sup>3</sup>*

**Thích:** Sau đây nữa, có cả thầy chín môn để giải thích tướng của Thức Năng-biến thứ ba. Nay, nêu ra trước bốn môn; đó là:

Môn nói về Tâm-sở tương-ung, tức là ba câu tụng nói về tâm-sở Biên hành, và 20 câu nói về Xúc, v.v... dưới đây;

- Môn nói về ba Thọ tương-ung, trong một câu dưới đây;
- Môn nói về chỗ dựa chung, tức năm thức hiện theo duyên, ba câu;
- Môn nói về phần vị khởi-diệt, tức Ý-thức thường hiện khởi, bốn câu.

### □ Dùng luận giải thích

#### A. Giải thích chỗ sai khác giữa sáu thức (sai biệt môn)

**Nghĩa:** Sau thức Năng-biến “Nghĩ-lường”, đến tướng thức Năng-biến “Hiểu cảnh”. Thức “Hiểu cảnh” này sai khác cộng có sáu loại, vì có sáu căn, sáu cảnh khác nhau. Ý nói: gọi là Nhãn-thức, v.v... cho đến Ý-thức, là tùy theo sáu căn mà đặt tên, vì đủ năm nghĩa, đó là: Y, phát, thuộc, trợ, như căn.

**Thích:** Đây là nói rõ: dựa vào Căn mà đặt tên cho sáu thức. Đủ năm nghĩa là:

- Y: chỗ dựa : sáu thức đều có Căn là chỗ dựa-oo73;
- Phát : sáu thức đều từ Căn phát ra;
- Thuộc : sáu thức đều hệ-thuộc vào Căn;
- Trợ (giúp) : sáu thức đều giúp phân biệt rõ ràng;
- Như-căn : sáu thức đều “như căn” duyên theo Cảnh.

**Nghĩa:** Tuy sáu thức nơi thân đều dựa vào Ý mà chuyển; nhưng theo nghĩa “chẳng chung” mà đặt tên cho Ý-thức, như năm thức ở thân, không có lỗi xâm phạm nhau, hoặc chỉ dựa vào Ý nên gọi là Ý-thức. Biện luận về lý do đặt tên cho các thức, chẳng phải chỉ dựa vào Căn mà so sánh, để đặt tên cho Tâm và Ý được.

<sup>1</sup> sáu thức sai khác

<sup>2</sup> Thể tánh và Hành tướng

<sup>3</sup> Ba tánh

**Thích:** Đây là giải thích một thắc mắc, vặn hỏi: năm thức đều dùng thức thứ bảy làm chỗ dựa nhiếp, tịnh, tại sao chỉ riêng có thức thứ sáu được gọi là Ý-thức?

Nay giải thích điều đó, nói: sáu thức tuy đều dựa vào Ý, nhưng năm thức trước chỉ dùng Ý làm “chỗ dựa chung”, cho nên theo chỗ “chẳng chung” đó mà đặt tên cho Ý-thức. Như năm thức ở thân, mỗi thức dựa vào một căn, hết thấy đều chỗ “chẳng chung” mà đặt tên, nên không có lỗi xâm phạm nhau; hoặc như sáu thức trước đều dựa vào sắc-căn, chỉ có thức thứ sáu là dựa vào Ý, nên gọi là Ý-thức.

Lại vặn hỏi: nếu thức thứ sáu chỉ dựa vào Ý, mà được gọi là Ý-thức, ắt thức thứ tám cũng chỉ dựa vào Ý thì cũng được gọi là Ý-thức sao? Lại như thức thứ bảy, chỉ dựa vào thức thứ tám, đáng ra phải gọi là nó là Tâm-thức?

Nay giải thích điều đó, nói: ở đây, chỉ biện luận về lý do đặt tên cho sáu thức. Còn thức thứ tám tên Tâm, thức thứ bảy tên Ý là dựa vào nghĩa “nhóm khởi” vào “nghĩ lường”, mạnh hơn các nghĩa khác mà đặt tên: tuy dựa vào nhau, nhưng chẳng phải chỉ dựa vào Căn mà đặt tên: chớ so sánh mà lầm.

**Nghĩa:** Như gọi “sắc thức ... cho đến pháp-thức” là theo cảnh mà đặt tên, cho thuận với nghĩa của chữ “Thức”; Ý nói: phân biệt sáu cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thì gọi là “Thức”.

Năm thức như sắc-thức, v.v... thì chỉ hiểu rõ sắc, v.v... mỗi thức hiểu một trần. Còn pháp-thức thì có thể hiểu rõ tất cả các pháp-trần, hoặc thức thứ sáu có thể hiểu chỗ sai khác của các pháp, nên riêng được gọi là pháp-thức; năm thức trước chỉ có thể hiểu tánh-cảnh của phần tự-tướng, chẳng có thể hiểu chỗ sai khác của các pháp, nên chẳng gọi là pháp-thức. Bởi thế, tên của sáu thức cũng không có lỗi xâm phạm nhau (hay vượt giới hạn của nhau).

**Thích:** Đây lại nói: dựa vào Cảnh mà đặt tên cho sáu thức.

Từ chữ “năm thức ...” về sau là giải thích một thắc mắc, vặn hỏi: năm trần cũng đều gọi là pháp, pháp cũng chỉ là năm trần và năm loại ảnh tượng còn “roi rớt” lại trong năm căn; tại sao chỉ riêng thức thứ sáu được gọi là pháp-thức?

Phân giải thích trên có hai nghĩa:

một là: năm thức trước, mỗi thức chỉ hiểu một trần; thức thứ sáu thông hiểu sáu trần;

hai là: năm thức trước chỉ hiểu một loại tánh cảnh; thức thứ sáu có thể hiểu các chỗ sai khác của các pháp. Bởi vậy, chẳng có lỗi xâm phạm nhau.

**Nghĩa:** Sau đây theo cảnh đặt trên cho sáu thức là dựa vào năm sắc căn chưa được tự tại mà nói. Nếu được tự tại, các căn được dùng thay cho nhau, một căn phát thức duyên theo tất cả các cảnh, thì chỉ có thể theo căn đặt tên mới là không có lỗi xâm phạm nhau.

**Thích:** Sáu thức có hai loại tên: trước theo căn mà đặt tên thì có Nhãn-thức, v.v... cho đến ý-thức; sau theo Căn mà đặt trên thì có sắc-thức, v.v... cho đến pháp thức.

Theo Cảnh đặt tên là chỉ có thể dựa vào Căn chưa được tự tại mà nói. Nếu đến lúc các căn được dùng thay cho nhau, thì một căn phát thức có thể thông duyên tất cả các trần, cho nên lúc bấy giờ, nói sắc-thức ... cho đến pháp-thức, đều dễ bị xâm phạm nhau, chỉ có thể dựa theo căn mà đặt tên mới không có lỗi xâm phạm nhau.

**Nghĩa:** Trong luận Trang-nghiêm chỉ nói: năm căn của Như-Lai, mỗi mỗi đều chuyên nơi

năm cảnh: đó là dựa vào cảnh đồng loại thô hiển mà nói. Kinh Phật-địa nói: Thành-sở tác-trí quyết định lựa chọn tâm hành sai khác của các hữu-tình, khởi hoá ba nghiệp, làm bốn pháp ký. Nếu chẳng duyên khắp các cảnh sáu trần thì không có công-năng ấy.

**Thích:** Đây là giải thích một thắc mắc, vặn hỏi: nếu nói các căn được cùng thay nhau, một căn phát thức duyên tất cả cảnh, tại sao trogn luận Trang-nghiêm chỉ nói: năm căn của Như-lai, mỗi mỗi đều chuyển nơi năm trần cảnh; mà chẳng nói: chuyển khắp nơi tất cả pháp?

Giải thích chỗ đó, nói đó là dựa vào cảnh đồng loại thô hiển mà nói, chẳng phải chẳng cùng khắp tất cả các cảnh. Bởi thế, lại đến kinh Phật-địa để chứng minh sự duyên theo cùng khắp. Nói “cảnh đồng loại thô hiển: là: chỉ năm trần, tướng chúng thô hiển, lại đồng một loại tánh cảnh. Các cảnh đồng loại thô hiển này, ở địa vị chưa tự tại, còn có thể duyên nhau, hướng cảnh pháp-trần xưa nay vi tế, chẳng vương ngại nhau, há ở địa vị tự tại lại ngược lại chẳng duyên cùng khắp được sao?

Nói “bốn pháp ký” tức là bốn cách giải đáp cho người ghi nhớ; đó là:

- quyết định ký
- phân biệt ký
- phản cật ký
- xả trí ký<sup>4</sup>

**Nghĩa:** Như vậy, chỗ dựa, chỗ nương của sáu chuyển thức đều thô hiển, cực thành, cho nên trong bài tụng này chẳng nói đến.

Trước theo nghĩa thuận tiện, đã nói chỗ dựa rồi. Nay cảnh nương theo, hãy đợi đến nơi thuận nghĩa sẽ nói.

**Thích:** Đây là giải thích một chỗ nghi, hỏi: trong bài tụng nói về thức thứ bảy trước đây, có chỗ dựa, chỗ nương: hai môn. Nay trong thức thứ sáu này, tại sao chẳng nói?

Đáp: sáu chuyển thức này, dựa vào sáu căn, nương theo sáu trần, thô hiển, cực thành, nên bài tụng chẳng nói đến.

Nhưng trong đoạn luận trước, bởi tiện theo nghĩa nên đã bàn bạc thêm chỗ dựa của các thức. Đến chỗ cảnh tướng sai khác của sáu thức nương theo thì hãy đợi tới nơi thuận nghĩa rồi sẽ nói đến.

## **B. Giải thích tánh tướng: hai môn**

**Nghĩa:** Nói “tánh tướng là hiệu cảnh” là đồng thời bày tỏ tự tánh và hành tướng của sáu thức; bởi vì: thức là lấy sự hiệu cảnh làm tự tánh, tức lại dùng sự hiệu cảnh ấy làm hành tướng. Do đó, giải thích bao quát chữ “thức” là “hiệu cảnh” vì có công năng phân biệt rõ các cảnh, nên gọi là “thức”.

Như Khê-kinh nói: Nhãn thức là sao? – Là dựa vào nhãn căn (mắt) phân biệt rõ các sắc. Nói rộng ra đến: Ý-thức là sao? – Là dựa vào Ý-căn phân biệt rõ các pháp.

Kinh có nói đến: “chỗ dựa chẳng chung” và ở địa vị chưa chuyển y thì kiến phần có chỗ để

---

<sup>4</sup> Thí dụ: Trắng thì không đen, phải không? – Phải! Đó là quyết định ký. Hình khác bóng, phải không? – Phải. Đó là phân biệt ký. Phản cật ký là vặn hỏi lại người hỏi. Xả-trí ký là làm thinh không đáp, vì biết có đáp thì người hỏi cũng không hiểu được.

hiểu; với “chỗ dựa chung” và ở địa vị đã chuyển y rồi, cũng có chỗ dễ hiểu, như trước đã nói.

**Thích:** “Chỗ dựa chung” là: năm thức phải có phân biệt y, nhiệm tịnh y, căn bản y. Thức thứ sáu cũng phải có căn bản y.

### C. Giải thích ba tánh (tam tánh môn)

**Nghĩa:** Hỏi: sáu chuyển thức này thuộc tánh nào?

Đáp: Thiện, ác, và vô-ký. Vô-ký là không thiện, không chẳng thiện, tức chẳng phải lành, chẳng phải dữ, nên nói “vô ký”. Thiện là lành, tức có thể làm lợi ích cho đời này và đời khác, nên gọi là “thiện”. Quả vui cõi Trời, Người, tuy ở đời này có thể làm lợi ích, chẳng phải ở đời khác, nên chẳng gọi là thiện. Có thể làm tổn hại đời này, đời khác, nên gọi là chẳng thiện. Quả khổ Ác-thú, tuy có thể làm tổn hại ở đời này, chẳng phải ở đời khác, nên chẳng phải chẳng thiện.

Trong nghĩa thiện với chẳng thiện, lợi ích với tổn hại, chẳng có thể riêng nhớ được thì gọi là vô-ký.

**Thích:** Đây là: trước giải thích nghĩa ba tánh. Nhưng trong “vô ký” lại chia ra: hữu phú, vô phú. Vì trước đã có nói rồi, nên nay chẳng lặp lại.

**Nghĩa:** Sáu chuyển thức này, nếu tương-ung với 11 món, như “tín”, v.v... thì thuộc tánh Thiện; nếu tương-ung với 10 pháp, như “vô tâm, v.v...” thì thuộc tánh chẳng thiện; nếu chẳng tương-ung với các pháp thiện hay chẳng thiện thì thuộc tánh vô-ký.

**Thích:** Đây là chỉ rõ tướng của ba tánh, trong địa vị chưa chuyển y. Nói “10 pháp như Vô-tâm, v.v...” là:

- vô tâm (không biết tự thẹn)
- vô quý (không biết xấu với người): tức hai món Trung-Tuỳ phiền-não
- niệm (nhớ)
- hận (hòn)
- phú (che giấu lỗi mình)
- não (phiền lòng)
- tật (ganh ghét)
- xan (bỏn xẻn)
- hại (làm tổn thương)
- sân (nóng giận), tức là một trong sáu căn bản phiền não

Mười món này chỉ thuộc tánh chẳng thiện.

Nếu có sáu món Đại Tuỳ, ba món Tiểu Tuỳ còn lại, và năm món căn bản phiền não còn lại, thì đều thông với chẳng thiện và thuộc tánh **hữu-phú vô-ký**, nên chẳng nói đến.

Như có người, tuy khởi tham, si, mạn, nghi, và các kiến chấp, nếu chẳng cùng với vô-tâm, vô quý đồng khởi, thì chỉ gọi là **hữu-phú vô-ký**:

- khởi trạo cử, hôn trầm, v.v... cũng như vậy;
- khởi cuồng (dối gạt), siểm (nịnh bợ), kiêu (ỷ mình khinh người) lại cũng như vậy;
- chỉ tương-ung với vô-tâm, vô-quý, mới gọi là chẳng thiện;
- chẳng cùng vô-tâm, vô-quý đồng khởi, đều gọi là hữu-phú vô-ký.

Nếu chẳng tương-ung với các tâm-sở Thiện; cũng chẳng tương-ung với các tâm-sở phiền não, chỉ tương-ung với Biền-hành, Biệt-cảnh, và một trong bốn món Bất định thì đều gọi là Vô-

phú vô ký.

**Nghĩa:** Ba tánh của sáu thức tất nhiên chẳng cùng khởi, vì sáu thức đồng chuyển ở cửa ngoài, ba tánh thiện, v.v... cùng trái nhau. Nghĩa là: năm thức trước tất do Ý-thức dẫn đường cùng sanh, đồng nương theo trần cảnh, mới thành thiện, thành nhiễm.

Nếu cho rằng: ba tánh của năm thức cùng hiện-hành, ắt lúc ấy ý-thức cũng phải thông với ba tánh, thành ra trái với Chánh-lý, cho nên nhất định chẳng cùng khởi.

Nhưng, các luận như Du-già, nói: Tầng-thức một thời cùng các chuyển thức tương-ung với ba tánh cùng khởi. Nói “một thời” là dựa vào nhiều niệm mà nói, như nói “một tâm” chẳng phải thu gọn trong một lần sanh diệt. Nay dựa vào một niệm, nhất định chẳng nhận chịu sự cùng khởi, cho nên không có lỗi trái nhau.

**Thích:** Đây nói rõ nghĩa ba tánh cùng hay chẳng cùng khởi. Nay nhà thứ nhất nói rõ nghĩa chẳng cùng khởi: trước chánh thích kể đến dẫn luận Du-già, và giải thông ý nghĩa; nhưng chưa phải hợp lý. Sau đây mới là lời giải đúng.

**Nghĩa:** Ba tánh của sáu thức nhận chịu cùng khởi, vì năm thức thuộc loại đẳng-lưu nhiễm thiện, như Nhãn-thức, v.v... nhận chịu cùng khởi hoặc nhiều, hoặc ít, trong lúc chảnh mảng.

Lại nữa, năm thức với Ý-thức, tuy nhất định cùng sanh, nhưng tánh thiện, v.v... không hẳn đồng có, cho nên đối với câu vấn hỏi: “Ý-thức bây giờ phải thông với ba tánh chăng?” Ta thấy câu nói đó quá đáng, đã phải bỏ đi. Bởi thế, luận Du-già nói: Nếu người nhập tam muội gặp âm thanh, bèn tự định dậy, đó là Ý-thức thiện tương-ung với định, cùng chuyển với Nhĩ-thức sanh, chẳng phải chỉ là Ý-thức tương-ung với cái định kia có thể giữ âm thanh đó. Nếu chẳng như vậy, tức là đã không có nhĩ-thức. đã chẳng nhận lãnh âm thanh đó, thì chẳng phải xuất định, cũng chẳng phải lúc nhận âm thanh đó, tức liền xuất định vì trước nhận lãnh âm thanh rồi, nếu có hy vọng, sau đó mới xuất: đây là nhĩ-thức tại định, chảnh mảng nghe tiếng, theo lý chẳng phải là thiện, vì phạm chưa chuyển ý thì năm tâm thức đoạ cảnh một cách chảnh mảng đều thuộc tánh vô-ký. Đây là chứng cứ cho thấy: Ý-thức cùng khởi với năm thức, chẳng nhất định cùng năm thức đồng tánh thiện, v.v... Các nơi chỉ nói: Ý-thức cùng khởi với năm thức cũng nương theo năm trần cảnh của năm thức duyên theo, chẳng nói Ý-thức nhất định cùng năm thức đồng có tánh thiện, ác, vô-ký. Bởi vậy, trong luận Tạp-tập nói: trong “Đẳng dẫn-vị”, năm thức không có: đó là dựa vào phần nhiều mà nói vậy.

**Thích:** Đây là nhà thứ hai giải thích đúng đắn: ba tánh của sáu thức được cùng khởi: như Nhãn-thức thiện đẳng lưu, chính lúc quán Phật, chính lúc đọc kinh, bỗng tai nghe tiếng. mũi ngửi mùi thơm, thân có cảm xúc, ắt tâm có chảnh mảng lười trễ, nhất định thuộc tánh vô-ký. Lại như Nhãn-thức nhiễm đẳng lưu, chính lúc xem sắc đẹp, xem kịch vui, bỗng nghe âm thanh, tâm chảnh mảng lười trễ cũng thuộc tánh vô-ký: đó là bằng chứng tỏ rõ ba tánh được cùng khởi

Nếu nói: năm thức có ba tánh được cùng hiện hành thì lúc bấy giờ ý-thức phải thông ba tánh, ắt là dứt khoát chẳng biết rằng: đồng thời ý-thức tuy tất đồng cảnh, nhưng chẳng đồng tánh: như lúc nhập định, thì ý-thức thuộc tánh thiện, mà chính trong lúc được nghe tiếng là nhĩ thức chảnh mảng vô-ký, sao nói đồng tánh được?

Lại vấn hỏi: trong định, sao có nhĩ-thức? Giải thích chỗ đó, nói: trong định ý-thức chẳng có thể nhận âm thanh; nếu không có nhĩ thức chảnh mảng, ắt chẳng có thể lãnh nhận âm thanh. Lại sợ vấn hỏi: làm sao biết trong định hẳn có nhĩ-thức chảnh mảng lãnh nhận âm thanh? Nay giải thích, nói: nếu chẳng nhận tiếng thì phải xuất định.



Sợ lại vặn hỏi nữa: lúc nhận tiếng, xuất định thì nhĩ-thức đã sanh, ắt ý-thức đã chẳng phải là thiên định? Nay giải thích, nói: chẳng phải lúc nhận tiếng, tức xuất định ngay. Chính lúc nhĩ-thức vô-ký chênh mảng nhận tiếng, thì ý-thức chính còn tại định; đợi có hy vọng, mới từ định đây, nên biết ý-thức tại định, tuy là tánh thiện, nhưng chẳng ngăn trở nhĩ-thức vô-ký đồng thời cùng khởi.

Sợ lại vặn hỏi: sao biết trong định, nhĩ-thức chẳng phải là tánh thiện? Nay giải thích, nói: vì lúc chưa chuyển y, tâm lười biếng chênh mảng quyết định vô-ký. Do đó, kết chứng, như đã biết. Tập-tập được dẫn để đả-thông trở ngại: “Đẳng dẫn” là dịch âm từ chữ Phạn “tam ma sân đả”, nghĩa là: tu-tập chỉ quán, bình đẳng chẳng lệch, dẫn sanh công đức, nên dịch là “đẳng dẫn”. Trong địa vị “đẳng dẫn”, thiện định, thiện tuệ, cùng thức thứ sáu tương-ung, xem xét thuận theo, an trụ một cách ngay thẳng cho nên phần nhiều chẳng khởi năm thức. Nay trong Tập-tập dựa vào phần nhiều, nói không có năm thức, chẳng phải nói: trong định, nhất quyết chẳng khởi năm thức chênh mảng.

**Nghĩa:** Nếu trong năm thức, ba tánh cùng chuyển thì Ý hướng theo về chỗ chú ý thiên lệch, cùng đồng tánh với sự chú ý đó; không có sự chú ý thiên lệch thì tánh nó vô-ký, cho nên với sáu chuyển thức, ba tánh chịu cùng khởi.

**Thích:** Như lúc lạy Phật, cầu xin sám hối, **nhãn** thức duyên theo sắc tượng của Phật, ắt là tánh thiện, nếu duyên theo hoa, lọng, cờ, phướn, lạng lẽ khởi lòng tham, ắt là tánh nhiễm. Nếu chẳng phải thiện hay nhiễm, tức tánh vô-ký. **Nhĩ** thức duyên theo tiếng pháp-âm, ắt là tánh thiện; nếu duyên theo âm thanh có đẹp, có ác, lạng lẽ khởi tham, giận, ắt là tánh nhiễm; nếu chẳng phải thiện, nhiễm, tức tánh vô-ký. **Tỷ** thức ngửi thấy mùi thơm mà không đắm giữ ắt là tánh thiện; nếu nương theo mùi thơm lạng lẽ tham đắm, hoặc nương theo mùi hôi, lạng lẽ oán ghét, ắt là tánh nhiễm; nếu chẳng thiện, nhiễm, tức là tánh vô-ký. **Thân** thức siêng năng vượt lên, nghiêm cẩn chẳng lười, ắt là tánh thiện; nếu nhiều buông lộng, chẳng hợp oai đức, ắt là tánh nhiễm; nếu chẳng thiện, nhiễm, tức là tánh vô-ký.

Lại như **thiệt** thức, chánh lúc đang ăn, chẳng sanh tham nhiễm nơi vị, ắt là tánh thiện; nếu thấy vị ngon, vị dở, lạng lẽ tham, giận, ắt là tánh nhiễm; nếu chẳng thiện, nhiễm, tức tánh vô-ký.

Bởi vậy, lúc năm thức cùng khởi, hoặc nhãn thức thiện, nhiễm; nhĩ thức, tỷ thức, v.v... vô-ký; hoặc nhĩ thức thiện, nhãn thức nhiễm, các thức khác vô-ký; hoặc nhiễm nhiều, thiện ít; hoặc thiện, nhiễm nhiều, vô-ký ít; hoặc vô-ký ít; hoặc vô-ký nhiều, thiện, nhiễm ít; hoặc chỉ một tánh, hoặc chỉ hai tánh; hoặc đủ ba tánh: sự chẳng giản dị. Đến như ý-thức thứ sáu, nếu theo năm thức có chỗ chú-ý thiên lệch, ắt cùng với năm thức đồng thiện, đồng nhiễm; nếu không chú ý thiên lệch thì thuộc tánh vô-ký.

Lại như chính lúc lễ lạy, chính khi ngồi hợp thì thân thức thiện, nhưng ý-thức hoặc khởi vô-ký, hoặc khởi nhiễm-tâm, vẫn chẳng đồng nhất. Bởi vậy, năm thức trước chẳng ngăn trở ba tánh cùng khởi; nhưng thức thứ sáu không có khi nào thông cả ba tánh, dù trong một niệm. Nghĩ ngược lại là có lầm lỗi.

Đến đây là chấm dứt phần giải thích về địa vị chưa chuyển y.

**Nghĩa:** Đến địa vị được tự tại thì chỉ thuộc tánh thiện. Sắc, Tâm của Phật thuộc về Đạo-đế, không có cái gì là chẳng thiện, vì đã vĩnh viễn diệt trừ các chủng-tử hý-luận; vô-ký cũng không có.

**Thích:** Được tự tại là: trong quả vị Phật, thức Dị-thục chuyển thành thức Vô-cầu. Lúc bấy giờ, Nhĩ-căn thành vô lậu, Năm thức phát khởi cũng thành vô lậu. Lại vì Ý-căn thuần vô lậu, Ý thức phát khởi cũng thuần vô lậu. Năm căn gọi là Sắc vô lậu của Phật; tám thức đều gọi là tâm

vô lậu của Phật: Sắc tức tướng tốt do công đức trang nghiêm; Tâm tức tâm-phẩm tương-ung bốn Trí Bồ-đề, nên đều thuộc Đạo-đế. Chủng-tử hý luận đã vĩnh viễn diệt hết, cho nên tâm phẩm tương-ung Diệu Quan-sát trí, tâm phẩm tương-ung thành Sở-tác trí đều chỉ thuộc tánh thiện.

## II. GIẢI THÍCH CÁC TÂM-SỞ, HAI MÔN: THỌ, CÂU

### A. Lược nêu tâm-sở, rộng giải thọ-môn

#### □ Giải hỏi nêu tụng:

Sáu thức tương-ung với bao nhiêu tâm-sở. Tụng nói:

*Tâm-sở nó: Biến hành,  
Biệt cảnh, Thiện, Phiền não,  
Tuỳ phiền não, Bất tịnh  
Tương-ung cả ba thọ.*

#### □ Dùng luận giải thích

### 1. Lược thích sáu vị tâm-sở

#### a. Nêu chung

**Nghĩa:** Luận nói: sáu chuyện thức này, cùng chung tương-ung với sáu vị tâm-sở, đó là: Biến hành, Biệt cảnh, Căn bản phiền não, Tuỳ phiền não, Bất tịnh.

#### b. Giải thích riêng

##### 1) Giải thích danh nghĩa các tâm-sở

**Nghĩa:** Hằng dựa vào Tâm mà khởi, cùng với Tâm tương-ung, hệ thuộc nơi Tâm nên gọi là Tâm-sở, giống như các vật thuộc về Ngã thì gọi là Ngã-sở. Nên biết: đối với cảnh được nương theo, tâm chỉ nhận giữ tổng tướng; còn Tâm-sở, đối với cảnh sở duyên nó đã nhận giữ tổng tướng, lại còn nhận giữ biệt tướng, giúp thành sự việc của Tâm, nên được gọi là tâm sở; giống như họa sư, trước vẽ hình dáng chung, sau mới thêm ánh sáng vào cho rõ từng bộ phận. Bởi thế, luận Du-già nói: thức có thể hiểu rõ tổng tướng của sự việc; *tác ý* hiểu phần tướng của sự việc mà thức chưa hiểu; bởi vậy, *xúc* có thể hiểu các tướng, có thể nghĩ đến về sự việc mà thức đã nương theo; *thọ* có thể hiểu các tướng đã được thu nhận về sự việc mà thức đã nương theo; *tướng* có thể hiểu cái Nhân-tướng được lời nói ra về sự việc mà thức đã nương theo; *tu* có thể hiểu các tướng chánh nhân, v.v... của sự việc mà thức đã nương theo.

Bởi vậy, tác ý, v.v... gọi là pháp Tâm-sở, Tâm-sở chẳng phải chỉ duyên theo Biệt-tướng, mà cũng duyên theo Tổng tướng vậy.

**Thích:** “Chánh nhân, v.v...” là nguyên nhân chính, nguyên nhân tà và nguyên nhân chẳng tà, chẳng chính.

**Nghĩa:** Nơi khác lại nói: *Dục* cũng có thể hiểu sự tướng tạo được niềm vui sướng của cảnh do Thức nương theo; *Thắng giải* cũng hiểu được sự tướng quyết định của Cảnh do Thức nương theo; *Niệm* cũng hiểu được sự tướng thành thói quen của Cảnh do Thức nương theo; *Định, Huệ* cũng hiểu được các tướng được thua, còn mất của cảnh do Thức nương theo. Do đó mới có thể khởi các tâm-sở thiện, nhiễm, đối với cảnh sở-duyên, và đồng thời cũng nhận giữ nghĩa biệt-tướng của Cảnh sở-duyên.

**Thích:** Đây lại giải thích các tâm-sở Biệt-cảnh đều có công năng giúp thành sự việc của Tâm. “Định, Huệ cũng hiểu các tướng được, mất” là:

- hiểu tướng “được” ắt khởi tâm-sở Thiện; tức gọi là Chánh Định, Chánh Huệ;
- hiểu tướng “mất”, ắt khởi tâm-sở nhiễm, tức gọi là tà định, tà huệ;
- hiểu tướng “chẳng được, chẳng mất”, ắt khởi các tâm-sở vô-ký, tức Định, Huệ cũng vô-ly.

2) Giải thích sáu vị khác nhau

**Nghĩa:** Tuy danh nghĩa của các tâm-sở không khác nhau, nhưng có sáu vị chủng loại sai khác, đó là: Năm biến hành; năm biệt cảnh, 11 Thiện, sáu Căn-bổn phiền não; 20 Tuỳ phiền não, và bốn Bất Định; sáu loại, tổng cộng 51 món.

- Biến hành là di khắp cả các thức;
- Biệt cảnh là duyên theo cảnh riêng mà sanh;
- Thiện là chỉ được sanh trong tâm thiện;
- Căn bổn phiền não là phiền não gốc;
- Tuỳ phiền não là phiền não có tánh đặng lưu;
- Bất định là thiện hay nhiễm chẳng nhất định.

Nhưng, luận Du-già hợp sau làm năm vị, vì Căn-bổn phiền não và Tuỳ phiền não cũng là tánh nhiễm.’

Lại dùng bốn Tất cả để phân biệt chỗ sai khác giữa năm vị, đó là: Tất cả tánh, Tất cả địa, Tất cả thời, và Tất cả cùng. Trong năm vị kia thì:

- Biến hành có đủ bốn tất cả;
- Biệt cảnh chỉ có hai tất cả, là Tất cả tánh và Tất cả địa;
- Thiện chỉ có 1, là: Tất cả địa;
- Nhiễm: không có (nhiễm: phiền não)
- Bất định chỉ có một, là: Phiền não

Do đó, năm vị có sai khác nhau.

**Thích:** Tất cả tánh là ba tánh: thiện, ác, vô-ký. Tất cả địa là chín địa ở ba cõi: từ Ngũ thú tạp cư địa (địa có năm loại thú ở lẫn lộn) cho đến Phi phi tướng địa (địa chẳng có tướng, cũng chẳng phải không có tướng). Tất cả thời là: lúc có tâm, lúc không có tâm; lúc hữu-lậu, lúc vô-lậu: phân vị có sai khác. Tất cả cùng là: cùng khởi với khắp cả tám thức Tâm-vương tương-ung.

## 2. Rộng giải ba thọ tương-ung

### a. Giải thích nghĩa ba thọ

**Nghĩa:** Sáu chuyển thức này, cõi bỏ thay đổi chẳng định, nên đều chịu nhận tương-ung với ba thọ; đều lãnh tướng thuận, tướng nghịch, và tướng chẳng thuận chẳng nghịch:

- lãnh tướng cảnh thuận thì thân tâm vui thích nên gọi là lạc thọ;
- lãnh tướng cảnh nghịch thì tâm tâm bị ép buộc nên gọi là khổ thọ;
- lãnh tướng cảnh trung dung, thân tâm chẳng vui thích, cũng chẳng bị ép buộc thì gọi là “bất khổ bất lạc thọ” (thọ chẳng khổ, chẳng sướng).

**Nghĩa:** Như vậy ba thọ, hoặc chia làm hai:

- tương-ung với năm thức thì gọi là thân thọ, vì riêng dựa vào thân;

- tương-ung với Ý-thức thì gọi là tâm-thọ, vì chỉ dựa vào tâm.

**Thích:** Thân thọ cũng gọi là Ngoại-thọ. Tâm thọ cũng gọi là Nội-thọ. Thân thọ có ba, Tâm thọ cũng có ba, thành ra sáu thọ.

Lại dựa vào sáu thức sai khác, mỗi thức có ba thọ, tổng cộng thành 18 thọ vậy.

**Nghĩa:** Lại nữa, ba thọ đều thông hữu-lậu, vô-lậu, vì khổ thọ, lạc thọ, cũng do vô-lậu khởi.

**Thích:** Vì người tu vô-lậu; tất nhiên phải trải qua đầy đủ cay đắng gian nan (bị lịch gian tân) làm khổ tâm-chí vậy.

**Nghĩa:** Hoặc mỗi thọ đều chia làm ba, đó là:

- ba thọ thuộc Kiến sở đoạn (thuộc chỗ dứt của địa vị Kiến đạo);
- ba thọ thuộc Tu sở đoạn (thuộc chỗ dứt của địa vị Tu đạo);
- ba thọ thuộc Phi sở đoạn (thuộc địa vị chẳng có chỗ để dứt).

**Thích:** Ba thọ thuộc Kiến sở đoạn là ba thọ tương-ung với Hoặc nghiệp phân biệt; ba thọ thuộc Tu sở đoạn là ba thọ tương-ung với Hoặc nghiệp câu sanh; ba thọ thuộc Phi sở đoạn là ba thọ tương-ung với tâm vô lậu.

**Nghĩa:** Hoặc hữu học, vô học, chẳng phải hữu học hay vô học là ba; (ba hạng, mỗi hạng đều có ba thọ.)

**Thích:** Ba thọ của bậc ở địa vị hữu học là ba thọ thuộc Tu-sở đoạn. Ba thọ của bậc ở địa vị vô học là ba thọ thuộc Phi sở đoạn. Ba thọ của hạng thứ ba tức của hết thảy phạm phu, ba ba thọ thuộc Kiến sở đoạn. Lại có thể nói: Ba thọ của hạng thứ ba gồm đủ ba sở đoạn; ba thọ của vị vô học chỉ thuộc Phi sở đoạn.

**Nghĩa:** Hoặc hết thảy chi ra làm bốn; đó là: lạc thọ tức thiện; khổ thọ tức chẳng thiện; bất lạc bất khổ thọ, tức hai loại tánh thọ vô ký: hữu phú và vô phú. Nghĩa là cả ba thọ, mỗi thọ đều có thể chia làm bốn tánh, vì hữu phú vô ký là các phiền não tham, si, và thuận khổ, cùng khởi với năm thức trước mà chẳng phát nghiệp ác: các thọ hữu phú vô ký này đều chịu tương-ung với khổ căn.

Luận Du-già nói: nếu lặng lẽ xoay đổi sanh tất cả phiền não thì đều có thể được hiện hành với ba thọ; nếu thông với tất cả sáu thức trước của thân, thì tương-ung khắp với ba thọ căn trong tất cả các thức; nếu chẳng thông với tất cả các thức của thân thì chỉ tương-ung với ba thọ căn của Ý-địa.

Luận Tập-tập nói: nếu các phiền não liên hệ với cõi Dục mà lặng lẽ xoay đổi phát các ác hạnh thì cùng là chẳng thiện. Còn lại bao nhiêu chẳng phát ác hạnh thì cũng đều là hữu phú vô-ký. Vậy, nên biết: ba thọ đều nhận chịu có bốn món.

**Thích:** Ba thọ, phân phối theo ba tánh: thiện, ác, vô-ký; mà vì vô-ký có hai thứ (hữu phú và vô phú) nên tổng quát có bốn: nghĩa này quá cục bộ.

Sau lấy ba thọ, mỗi thọ đều thông với bốn món: thiện, ác, vô phú, hữu phú, thì thật là đến chỗ rốt ráo.

**Nghĩa:** Hoặc tất cả chia làm năm, đó là: khổ, sướng, lo, vui, xả (buông bỏ). Trong ba thọ, thì sướng, khổ, mỗi món lại chia làm hai, vì thân, tâm bị bức bách, hay vui thích, tướng có khác nhau; vì do có phân biệt hay không có phân biệt mà có oán giận nặng nề hay nhỏ nhiệm nhẹ nhõm khác nhau. Chẳng khổ chẳng sướng thì không chia làm hai, vì chẳng làm cho thân tâm vui

thích, hay bị bức bách, nên tướng không khác nhau, vì không có phân biệt nên xoay chuyển bình đẳng.

**Thích:** Đây là giải thích ba thọ, cũng có nghĩa là năm thọ, vì khổ sanh ra lo; sướng sinh ra vui; nên nói mỗi món chia làm hai. Phạm có ba nghĩa:

- một là: bức (cưỡng ép) thân gọi là khổ; bức tâm gọi là lo; thân thích gọi là sướng; tâm thích gọi là vui;
- hai là: không phân biệt gọi là khổ, là sướng; có phân biệt gọi là lo, là vui;
- ba là: oán giận, nặng nề gọi là khổ, là sướng; nhỏ nhiệm, nhẹ nhõm gọi là lo, là vui.

Chẳng khổ, chẳng sướng, chỉ gọi là “buông bỏ”, chẳng chia làm hai, vì:

- một là không có tướng thân tâm vui thích hay bị cưỡng ép;
- hai là tánh không phân biệt, chỉ có một vị;
- ba là xoay đổi bình đẳng không có nặng nhẹ, nên không thể chia được.

**Nghĩa:** Các thọ sướng-thích, năm thức đều tương-ung, hằng gọi là sướng, vì chỉ làm cho thân thích thú, vì không có phân biệt nên chẳng được gọi là vui, vì cái vui chỉ tương-ung với ý-thức.

Nếu ở cõi Dục, và trong cõi Sắc, gần đến chỗ Chỉ (ngưng) ở hai cương vị tịnh lự ban đầu thì có thể gọi là Vui, vì tâm được thích thú. Nếu ở chỗ gốc của hai cương vị tịnh lự ban đầu thì gọi là Sướng, là Vui, vì thân, tâm đều được thích thú. Nếu ở bậc tịnh lự thứ ba thì hoặc gần, hoặc đến chỗ gốc, đều gọi là Sướng, vì được yên tịnh, không có phân biệt oán giận nặng nề.

**Thích:** Đây là giải thích nghĩa vi tế của hai thọ Vui, Sướng. Gần đến chỗ Chỉ (ngưng suy nghĩ) tức chưa đến Định. Chỗ Gốc, tức chánh trú nơi Định.

**Nghĩa:** Các thọ cưỡng ép, tương-ung với năm thức là vì thân bị cưỡng ép, vì không phân biệt, hằng gọi là khổ, chẳng được gọi là Lo, vì cái Lo cưỡng ép tâm, chỉ cùng khởi với ý-thức.

Các Thánh-giáo nói: Ý-địa nhận Lo gọi là Ưu căn. Luận Du-già nói: Sanh trong địa ngục các loại Hữu-tình, Dị-thục không gián đoạn, có Dị-thục sanh, lo khổ nối tiếp. Lại nói: Địa ngục cùng khởi với Tâm, Tư, Ưu (Tim, Nghĩ, Lo) lại có một phần quỷ thú chỉ rắc chịu khổ. Bàn sanh (các loại súc sanh) cũng vậy. Bởi thế, nên biết: Ý địa oán giận nặng nề, nhận sự lo lắng gọi là Lo, hướng là các phiền não nhẹ nhàng khác (mà gọi là khổ, chứ không phải là Lo!)

**Thích:** Sau đây là giải thích nghĩa vi tế của hai thọ Khổ và Lo. Năm thức tương-ung, hằng gọi là Khổ: điều này dễ biết.

Ý-thức bị ép bức, thì nên thông với hai tên Khổ và Lo. Nay nhà thứ nhất giải thích, chỉ chấp nhận tên Lo, chẳng nhận tên Khổ, vì chưa đạt đến mức độ “oán giận nặng nề, không còn phân biệt” mới gọi là Khổ. Dẫn chứng có thể hiểu được. Văn sau tự phá.

**Nghĩa:** Có nghĩa là: Ý-thức bị bức bách thông với hai món: Lo và Khổ. Ở trong cõi Trời, Người, hằng gọi là Lo, vì chẳng phải oán giận nặng nề; ở cõi Súc sanh, Ngạ quỷ thì gọi là Lo, là khổ: nếu thọ lẫn lộn thì gọi là Lo; nếu rắc một món thì gọi là khổ, vì có nặng nhẹ, nên nhẹ thì gọi là Lo, nặng thì gọi là Khổ.

Trong *Nai-Lạc-ca* ắt chỉ gọi là khổ, vì ở đó rắc thọ (nhận) oán giận nặng nề, không có phân biệt.

**Thích:** Đây là lối giải thích đúng của nhà thứ hai: *Nai-lạc-ca* dịch là “khổ khí” tức Địa-

ngục.

**Nghĩa:** Luận Du-già nói: nếu lặng lẽ xoay đổi sanh, tất cả phiền não thì tất cả phiền não đều có được hiện hành nơi ba thọ, như trước đã rộng nói. Lại nữa, cùng sanh với Bồ-ca-da kiến thì chỉ thuộc tánh hữu phú vô ký. Nên biết: chấp Biên kiến cũng vậy (cũng thuộc tánh hữu phú vô ký). Hai loại kiến chấp này, cùng khởi với khổ thọ, nhất định thuộc Khổ-căn, chẳng thuộc ưu căn. Vì sao vậy? Vì Luận nói: bởi Ưu-căn chẳng phải là vô-ký. Luận Du-già lại nói: các căn ở Địa ngục, ba món hiện hành khác, nhất định chẳng thành tựu. Cõi Quỷ, Súc sanh, rặc khổ cũng vậy.

Luận nói “ba món khác”, quyết định là chỉ ba căn: Sướng, Vui, Lo, vì các thú thuần khổ ở Địa ngục hẳn thành hiện hành căn buông bỏ (xả-căn).

**Thích:** Đây là dẫn luận để chứng nhận: Ý-thọ ở Địa ngục, chỉ gọi là khổ, chẳng được gọi là Lo. “Như trước đã rộng nói” là: chẳng thông với tất cả các thức của thân, mà chỉ tương-ung với ba thọ căn của Ý địa. Ý địa này được gọi là khổ: đó là một chứng cứ.

Lại Ưu-căn chẳng phải vô-ký, tuy trong thức thứ sáu cùng sanh với Thân kiến, Biên kiến, chỉ thuộc vô-ký; nó được tương-ung với khổ thọ, Ý-địa này phải gọi là khổ: đó là chứng cứ thứ hai.

Lại Du-già nói: ở Địa ngục, trong 11 căn, chỉ hiện hành có tám căn, còn hiện hành của ba căn khác nhất định chẳng thành tựu. Tuy luận chưa cùng nói rõ “ba căn khác” là gì, nhưng lấy nghĩa mà suy ra thì ba căn khác nhất định chỉ ba căn: sướng, vui, lo vại ở địa ngục tất nhiên xả căn hiện hành; ý-địa này phải gọi là khổ: đó là chứng cứ thứ ba.

Nói: “Địa ngục thành tựu tám căn” là: Nhân-căn (mắt), Nhĩ-căn (tai), Tỷ-căn (mũi), Thiệt-căn (lưỡi), Thân-căn, Mệnh-căn, Khổ-căn, Xả-căn. Nhưng trong 22 căn, chẳng nói đến *hai căn: nam, nữ*, vì trong địa ngục hai căn ấy vô dụng; chẳng nói đến Ý-căn đẳng vô-gián, vì sáu thức có lúc chẳng hiện hành. Chẳng nói đến năm căn như “tin, v.v..” và ba căn vô lậu, vì dù có chủng-tử, nhất định không có hiện hành, dễ hiểu biết vậy!

Nhất định có *năm sắc-căn* là do khổ báo chiêu cảm, tất nhiên phải có thân; giả sử không có năm căn thì chẳng có thọ khổ. Có *Mệnh-căn* là do Nghiệp Dị-thục dẫn đến quả khổ, nối tiếp chẳng dứt trong một thời hạn. Có *Khổ-căn* là vì thuần chịu khổ. Có *Xả-căn* là: trong địa ngục, hai thức thứ bảy, thứ tám, vẫn hằng tương-ung với xả thọ.

**Nghĩa:** Văn hỏi: Đành rằng không nhận có xả thọ thì Địa ngục không thành. Nhưng sao biết luận văn Du-già chỉ nói có xả thọ?

**Thích:** Đây là không nhận Địa-ngục có Xả-căn, mà phải có Ưu-căn nên hỏi như thế.

**Nghĩa:** Đáp: Chẳng nên nói rằng: Địa-ngục kia thành tựu, nhất định là do Ý-căn đẳng vô-gián mà có, vì trong luận nhận rằng: ở địa ngục, sáu thức có lúc không có.

**Thích:** Văn trước đã nói rõ: Lo không phải là Vô-ký; cho nên chỉ phá chấp đó bằng cách nói rằng: nếu bảo thức thứ tám không phải là xả căn, thì luận Du-già há dùng Ý-căn đẳng vô-gián làm thức thứ tám sao? Nhưng trong Địa ngục, sáu thức đã được nhận là có lúc không có, thì không thể lại lập Ý-căn đẳng vô-gián; Ý-căn đã không có, ắt Ưu-căn chẳng đợi phải pháp (mà tự nó đã không thành vấn đề).

**Nghĩa:** Lại văn hỏi: chẳng phải Luận ấy chỉ nói có xả thọ, mà nói suốt các căn; nhưng vì không có nguyên nhân nào khác, nên chỉ nói xả thọ.

Lại, nếu luận ấy, dù chỉ dựa vào xả thọ mà nói, tại sao nói: nhất định thành tám căn?

**Thích:** Đây là giả nhận cho Địa ngục không có Ý-căn, để được có xả xả. Nhưng chưa hẳn lấy Xả-căn làm thức thứ tám; hoặc lại cho thức thứ bảy là xả-căn, thức thứ tám là Ưu-căn, cũng chẳng có thể biết được, vì trong Luận Du-già không có minh văn có thể căn cứ được.

**Nghĩa:** Đáp: Nếu nói: vì năm thức chẳng nối tiếp, chỉ ép bức tâm, cho nên phải nói có Ưu-căn làm thức thứ tám, ắt lúc sanh, lúc giữ, lúc chết giấc, làm sao có Ưu căn? Lại chấp có hỷ-căn làm thức thứ tám, thì cũng đồng phá nó như thế.

Giả sử chấp hai căn Nam, Nữ, tùy phận, lấy một hình làm thức thứ tám, lý cũng chẳng phải như thế được, vì trong địa ngục thì hình chẳng nhất định, vì ác nghiệp chiêm cảm nhận chịu không có hình nam nữ; vì do ác nghiệp65p, khiến năm căn hằng thọ khổ, nên quyết định thành hình năm căn, như mắt, v.v... Giả sử có hình nam nữ, thì trong địa ngục, lại có công dụng gì? Chẳng lẽ trong Đại địc ngục vô gián lại có hy vọng mong cầu dâm sự sao? Do đó, thức thứ tám nhất định là xả-căn, vì hai thức thứ bảy và thức tám, hằng tương-ung với xả-thọ.

**Thích:** Đây chính là dùng lý suy luận, nêu ra, để phá chấp, cho rằng: địa ngục thành tựu ưu căn; đồng thời phá luôn các chấp Hỷ-căn, Hình-căn, cũng làm sáng tỏ: trong đó tất cả có Xả-căn.

**Nghĩa:** Như địa vị Cực-lạc, ý thích thì gọi là lạc (sướng), vì không có Hỷ-căn, nên ở chỗ hết sức khổ, ý bị bức bách thì gọi là khổ, vì không có Ưu-căn. Vậy, trong luận Du-già, nói “ba căn khác” quyết định chỉ Ưu, Hỷ, Lạc (ba căn Lo, Vui, Sướng).

**Thích:** Đây chính là kết luận, tỏ bày: Ý thọ ở địa ngục là khổ thọ, chẳng phải Ưu-thọ.

Địa vị Cực lạc là đệ tam thiên. Trong đệ tam thiên, năm thức chẳng hiện hành, chỉ có ý thích, tức có thể gọi là Sướng (Lạc), mà chẳng gọi là Vui (hỷ), bỏ so sánh với Địa ngục hết sức khổ, năm thức cũng chẳng hiện hành, chỉ có Ý bị áp bức, nhất định cũng gọi là Khổ, mà chẳng gọi là Lo (ưu, đối ứng với Hỷ trên kia).

Địa ngục đã thành tựu Khô-căn, Xả-căn, ắt trong luận Du-già nói “ba căn khác” nhất định chẳng thành tựu được hiện hành, há chẳng phải là chỉ “Ưu, Hỷ, Lạc” sao?

**Nghĩa:** Các chỗ đều nói: trong Ác đạo cũng có cái Sướng đẳng lưu giống như nguyên nhân thiện trước. Nên biết: đó là dựa theo cái lý biến chuyển mà nói, hoặc nói suốt các chỗ tạp-thọ khác, vì hẳn là không có cái Sướng dị-thục mới gọi là chỗ thuần khổ. Như vậy, các Thánh-giáo gọi cái Thọ của Ý địa lo lắng là Ưu-căn, là dựa vào số nhiều mà nói, hoặc tùy theo sự biến chuyển mà nói, nên không có lỗi trước ngược nhau. Luận Du-già nói: sanh vào Địa-ngục, các loại Hữu-tình, dị-thục không gián đoạn, có Dị-thục sanh khổ lo nối tiếp. Lại noi: trong Địa ngục, Tầm, Tư, Ưu, cùng khởi; một phần quý-thức, súc-sanh cũng như vậy: đó cũng dựa vào sự biến chuyển tùy theo trường hợp.

Lại, trong Địa-ngục khổ-căn với ý-thức cùng khởi; đó là các ý thú cùng khởi với đồng loại của Ưu-căn, giả nói là “lo”, hoặc vì khổ-căn làm hai thân tâm; tuy thuộc khổ-căn, nhưng gọi là “lo”, dụ như vào Sơ-thiên, Nhị-thiên, cái Hỷ-căn gần đến định, vì làm lợi ích thân tâm, nên tuy là Hỷ-căn, nhưng cũng gọi là Sướng (lạc): các luận, như Hiên-dương, v.v... đều bày tỏ nghĩa ấy đầy đủ. Nhưng chưa đến đi, nhất định không có lạc căn, vì trong luận nói: ở đó chỉ có: mắt, tai, mũi, lưỡi, tiếng, ý, mệnh, khổ, lo, vui, xả, 11 căn. Do đó nên biết, cái thọ của Ý địa lo lắng nếu ở nơi chỉ rạc co chịu khổ, thì cũng thuộc khổ-căn. Về vấn đề này, nói tóm tắt là: Thánh-giáo có nhiều môn sai khác nhau.

**Thích:** Đây là gom các luận văn lại để giải thông “cái sướng đẳng lưu” là: như “Lập-thế A-

tỳ-đàm” nói: người nuôi sáu loài thú, cho ăn uống các món ẩm, mát, thì tại Địa ngục nóng, có lúc mát; tại Địa ngục lạnh, có thời gian được ẩm: cái ẩm, mát này là quả giống như Nhân truơ711c, cũng là Dị-thực, giả gọi là Đăng lưu.

Lại như luận Thí-thiết nói: trong địa ngục “đăng hoạt”, có lúc gió mát thổi vào, máu thịt lại sanh ra; có lúc tiếng ca hát nổi lên, các hữu tình thành linh sống lại. Như vậy, lúc máu thịt sanh ra, các Hữu-tình tạm được vui sướng, cũng gọi là cái Sướng dị-thực. Đó là căn cứ vào Địa ngục hữu gián mà nói, chẳng phải chỉ các địa ngục vô gián.

Các “chỗ tạp-thọ khác” là chỉ Địa ngục hữu gián và phần nhiều quỷ súc. “Thuần khổ” là: Địa ngục vô gián và một phần quỷ súc. “Dựa vào phần nhiều mà nói” là: các nơi có phân biệt, như Người, Trời, Quỷ, Súc, v.v... thì cái Ý lo lắng chỉ gọi là Ưu-căn vậy.

### **b. Nói rõ Câu, bắt câu (cùng, chẳng cùng)**

**Nghĩa:** Ba thọ chẳng cùng khởi với sáu thức, vì đều là nhưng biến chuyển ở cửa ngoài, nên trái ngược nhau. Ý-thức cùng khởi với năm thức, đồng nương theo năm cảnh; nếu năm thức cùng khởi với ba thọ, ý-thức cũng phải như vậy, thành ra trái với Chánh-lý, cho nên tất nhiên chẳng cùng khởi.

Luận Du-già nói: Tàng-thức cùng khởi một thời với các chuyển thức tương-ung ba thọ; đó là dựa vào nhiều niệm mà nói, như nói “một tâm”, chẳng phải một niệm sanh diệt, nên không có lỗi trái ngược nhau.

**Thích:** Có hai nhà giải thích vấn đề này. Đây là nhà thứ nhất, giải thích nghĩa “bắt câu” (chẳng cùng). Giống như trong văn trước nói về ba tánh: nghĩa có thể hiểu được.

**Nghĩa:** Sáu thức với ba thọ nhận chịu cùng khởi, vì trong cảnh thuận, nghịch, có sự cùng thọ; vì Ý chẳng nhất định đồng thọ với năm thức; vì đối với cảnh được chú ý riêng thì khởi một thọ; vì đối với cảnh không được chú ý riêng thì khởi xả-thọ. Do đó, sáu thức, ba thọ nhận chịu cùng khởi.

**Thích:** Đây là nhà thứ hai, giải thích đúng đáng. Nghĩa đều có thể biết được.

**Nghĩa:** Đến địa vị tự tại thì chỉ có Lạc, Hỷ, Xả-thọ, vì như Phật đã dứt hết các sự lo, khổ.

## **B. Rộng giải tương riêng của sáu vị Tâm-sở - Giải thích tương riêng**

### **1. Giải thích Biến hành, Biệt cảnh**

#### **a. Nêu tụng**

**Nghĩa:** Trước đã lược nêu sáu vị tâm-sở. Nay phải bày tỏ rộng rãi tương sai khác của chúng. Hai vị đầu, tương chúng ra sao? Tụng nói:

*Trước, Biến hành: Xúc thấy, ...  
Kể, Biệt cảnh là: Dục,  
Thắng giải, Niệm, Định, Huệ,  
Cảng nương theo chẳng đồng.*

#### **b. Dùng luận giải thích**

##### **1) Giải thích Biến hành**



**Nghĩa:** Luận nói: trong sáu vị Tâm-sở, trước hết là tâm-sở Biến hành, tức năm món, như Xúc, v.v... trước đã giải thích rộng rãi rồi.

**Hỏi:** Loại Biến hành này, nên hiểu cái tướng của chúng như thế nào?

**Đáp:** Nên dùng định lượng mà hiểu theo Thánh-giáo và Chánh-lý.

Theo Thánh-giáo thì, như Khế-kinh nói: Mắt (hay Nhãn) và Sắc-pháp làm duyên sanh ra Nhãn-thức, là cái thấy biệt của on mắt: cái biết của con Mắt (Nhãn-thức) nhất định do ba món hoà hiệp mà sanh ra, khi chúng gặp nha gọi là Xúc. Cùng sanh với Xúc, ắt có ba món: Thọ, Tưởng, Tư, cho đến nói rộng ra ...; các món Xúc, v.v... đó là bốn món Biến hành.

Khế-kinh là nói: nếu Mắt hư, cảnh giới hiện ra trước mắt, chính có Tác-ý khởi, mới có thể sanh ra Thức.

Các kinh lại nói: nếu đối với Cảnh mà khởi tác-tý, tức ở nơi Cảnh mà khởi phân biệt; nếu ở nơi Cảnh mà khởi phân biệt, tức đối với Cảnh mà khởi Tác-ý. Bởi vậy, Tác-ý và Phân-biệt là hai pháp hằng chung hoà hiệp; cho đến nói rộng ra ... Do đó, Tác-ý cũng là Biến hành; cho nên, nói về Biến hành, mà lấy Thánh-giáo làm chứng-cứ, thì chẳng phải là một.

**Thích:** “Cho đến nói rộng ra ...” được dùng hai lần:

- lần đầu ý nói: cho đến Ý và Pháp làm duyên sanh ra Ý-thức;
- lần thứ hai ý nói: cho đến Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, bốn món, cũng hằng chung hoà hiệp với sự phân biệt.

**Nghĩa:** Theo Chánh-lý là: Thức khởi, tức có Căn, Cảnh, Thức; ba món hoà hiệp. Sự hoà hiệp này do Xúc mà có, từ Xúc mà sanh. Nếu không có Xúc, ắt Tâm, Tâm-sở chẳng cùng hoà hiệp, lúc bắt gặp một cảnh.

Tác ý dẫn Tâm khiến hướng về tự-cảnh; nếu Tác-ý không có, ắt Tâm cũng chẳng phải không có.

Thọ hay lãnh nhận cảnh thuận, cảnh nghịch, hoặc chẳng thuận nghịch, khiến Tâm khởi các tướng hoặc vui mừng, hoặc lo nghĩ, hoặc buông bỏ. Không từng có lúc Tâm khởi mà không có một trong ba tướng ấy.

Tưởng hay an lập phần tự tánh khác nhau; nếu lúc Tâm khởi mà không có Tưởng, ắt chẳng có thể nắm giữ phần cảnh khác nhau, tức riêng gọn của mỗi phần.

Tư (suy nghĩ) khiến Tâm nắm giữ các tướng chánh nhân, tạo tác các việc thiện, v.v... Không từng có lúc Tâm khởi, mà không có Tư, một loại suy tư, trong ba loại thường có, cho nên tất phải có Tư.

Do đó nhận biết: năm pháp như xúc, v.v... phải có, lúc Tâm khởi, cho nên đó là biến hành. Các pháp không phải là Biến hành nghĩa sẽ nói sau.

**Thích:** “Tâm cũng phải không có” là: chẳng bắt gặp, hay chẳng động chạm tự cảnh thì Tâm chẳng khởi hiện hành vậy.

“Tư nắm giữ tướng Chánh-nhân” ắt làm các việc lành; nắm giữ tướng Tà-nhân, ắt làm các việc ác; nắm giữ tướng chẳng chánh chẳng tà, ắt làm các việc vô-ký.

## 2) Giải thích biệt cảnh

### (a) Chánh thích thể dụng

### ***Thích tên thường dùng***

**Nghĩa:** Kê đến, Biệt cảnh là: Dục ... cho đến Huệ, sự cảnh nương theo phần nhiều chẳng đồng.

(b) Giải thích riêng

#### **▣ Dục**

✓ Chánh thích

**Nghĩa:** Thế nào là *Dục*? – Đối với cảnh sung sướng Nó lấy hy vọng làm tánh: dựa vào hy vọng, sanh ra siêng năng tinh tấn là nghiệp dụng của nó. Có nghĩa là: Cảnh sung sướng, tức cảnh *đáng mừng*. Đối với sự việc đáng mừng thì muốn thấy, muốn nghe, thành ra có hy vọng.

Vấn hỏi: Đối với việc chính đáng thì Mong (hy) nó chẳng hiện, trông (vọng) nó rời lia, há chẳng có Dục (muốn) sao?

Đáp: Đó chỉ là cầu cho cảnh đáng chán chẳng có lúc hiệp, hoặc xa rời cảnh đáng chán, khi nó riêng có tự thể đáng mừng cứ hiệp mà chẳng lia, chứ chẳng phải cầu sự đáng chán mà khởi hy vọng. Bởi vậy, đối với cảnh đáng mừng và cảnh bình thường mà chỉ một hướng vô-dục, tức lúc nương theo sự đánh mừng, nếu chẳng có hy vọng gì thì cũng không Dục khởi.

Cũng có nghĩa: cảnh sung sướng là *cảnh mong cầu*. Đối với cảnh đáng mừng, hay đáng chán, cầu cho nó hiệp hay lia, tức là có hy vọng. Đối với cảnh bình thường thì chỉ một hướng Vô-dục. Nương theo sự chán hay mừng, nếu chẳng mong cầu, hy vọng gì, thì cũng không có Dục khởi. Cũng có nghĩa: cảnh sung sướng là *cảnh muốn xem*. Đối với tất cả các sự, chẳng luận là đáng mừng, đáng chán, hay cảnh bình thường, mà chỉ muốn xem xét, tức trước có hy vọng. Nếu chẳng muốn xem xét mà chỉ tùy theo cái thể của Cảnh làm Nhân, khiến Tâm lặng lẽ xoay đổi nương theo, tức hoàn toàn không có Dục. Do các lẽ đó là Dục chẳng phải là Biến hành.

**Thích:** Ban đầu giải thích đúng đắn thể tánh và nghiệp dụng của Dục. Kê đến chuyên qua giải thích cảnh sung sướng. Nói chung có ba nghĩa:

- một là chỉ căn cứ vào sự đáng mừng ắt là của bộ thái quá;
- hai là căn cứ vào hai sự: đáng mừng đáng chán để giải thích chỗ mong cầu, cũng chưa ráo lý;
- ba là căn cứ vào sự muốn xem xét: mới là đúng vậy.

✓ Bác bỏ lối giải thích khác

**Nghĩa:** Có người nói: điều thiết yếu là do sức hy vọng nơi cảnh, nên các Tâm, Tâm-sở mới nắm giữ chỗ nương theo, cho nên Khế-kinh nói: “Dục là gốc của các pháp.”

Nói vậy chẳng đúng, vì do Tác-ý tâm mới giữ cảnh. Các Thánh-giáo đều nói: Tác-ý hiện tiền hay sanh ra thức. Chưa từng có chỗ nào nói: do Dục có thể sanh ra Tâm và Tâm-sở. Như nói: Ái là gốc của các pháp; há phải rằng: tâm, tâm-sở đều do Ái sanh ra sao? Bởi vậy, nói: “Dục là gốc của các pháp”, chính là nói: Dục khởi ra tất cả các nghiệp sự”, hoặc nói: thiện Dục hay phát sanh chánh-cần; do chánh-cần giúp thành hết thảy các việc thiện, cho nên luận nói: Dục ấy dựa vào Cần làm nghiệp dụng.

**Thích:** Việc lành, ắt cho Chánh cần mà thành; Chánh-Cần lại do thiện Dục mà phát, cho nên nói: thiện Dục là gốc của các pháp; chẳng phải nói: do Dục sanh ra các Tâm, Tâm-sở vậy.

#### **▣ Thắng giải**

✓ Chánh thích

**Nghĩa:** Thế nào là Thắng giải? – Đối với cảnh quyết định, Nó in giữ làm tánh; chẳng gì có thể dẫn dụ lay chuyển nó là Nghiệp. Có nghĩa là: dựa vào sức chứng minh của các giáo-lý ta hay chánh nó đã phán xét và quyết định in giữ sự cảnh mà nó đã chấp nhận; do đó các duyên sai khác chẳng có thể lay chuyển dẫn dụ nó. Bởi thế, cảnh do dự thì hoàn toàn không có Thắng-giải; chẳng có sự phán xét và quyết định thì cũng không có Thắng-giải. Vì những lẽ đó mà Thắng-giải chẳng thuộc loại Tâm-sở Biến hành.

**Thích:** “Cảnh quyết định” tức là Cảnh không gây ra sự do dự.

✓ Bác bỏ lối giải thích khác

**Nghĩa:** Có người nói: lúc tâm, v.v... giữ tự cảnh, vì không có gì ràng buộc ngăn ngại nên đều có Thắng-giải. Bởi vậy, nó thuộc loại Biến hành. Nói như thế phi lý, vì sao? – Vì chẳng làm ngăn ngại, đó là các pháp làm Sở-duyên; còn chẳng bị ngăn ngại, đó là tâm, tâm-sở Năng duyên. Có thể làm tăng-thượng thắng duyên (duyên mệnh thêm lên) phát khởi Tâm, Tâm-sở là Căn và Tác-ý. Nếu nói: vì do có Thắng-giải mà Thắng duyên kia phát khởi được, ắt Thắng giải này lại phải đợi các Thắng giải khác phát khởi, thành ra sai quấy vô cùng.

## □ Niệm

✓ Chánh thích

**Nghĩa:** Thế nào là Niệm? – Đối với cảnh quá khứ từng quen, khiến tâm biết rõ, nhớ rõ chẳng quên là tánh (của Niệm). Nó làm chỗ dựa cho Định là Nghiệp của nói. Có nghĩa là: nhớ giữ cảnh đã từng nhận biết, khiến chẳng quên mất, có thể dẫn sanh ra định. Đối với thể loại cảnh chưa từng nhận biết thì hoàn toàn không khởi Niệm. Dù cảnh đã từng được nhận, nhưng chẳng có thể nhớ rõ thì Niệm cũng chẳng sanh. Bởi thế, Niệm tất nhiên chẳng thuộc loại Biến hành.

✓ Bác bỏ lối giải thích khác

**Nghĩa:** Có thuyết nói: Tâm khởi, ắt có Niệm cùng khởi, vì do Niệm nhớ rõ cảnh, mới có thể làm Nhân cho Niệm sau.

Nói như thế phi lý, vì chẳng lẽ thời gian sau có si, tín, mà thời gian trước không có? Bởi vậy, tâm, tâm-sở trước, hoặc tương giữ cảnh, phải có thể lực ngang nhau, mới đủ làm nhân cho Niệm nhớ lại trong thời gian sau.

**Thích:** Nếu nói: thời gian sau, Niệm nhớ, do lúc Tâm khởi có Niệm làm Nhân, ắt thời gian sau có si, v.v... các ác niệm, hoặc lại có Tín, v.v... các thiện niệm, há cũng do lúc tâm khởi có Si, Tín, v.v... làm Nhân sao? Huống gì Tâm, Tâm-sở, và thể lực của Tương đã đủ để làm nhân cho Niệm, sao lại phải chấp lúc tâm khởi có Niệm cùng khởi?

## □ Định

✓ Chánh thích

**Nghĩa:** Thế nào là Định? – Đối với cảnh thực quán sát, khiến Tâm chuyên chú chẳng tán loạn, ấy là tánh của Định; dựa vào Định mà sanh ra Trí, ấy là Nghiệp của Định. Có nghĩa là: trong khi quán sát cảnh đứng, cảnh quấy, cảnh chẳng đứng, chẳng phải quấy, do Định khiến Tâm chuyên chú chẳng tán loạn; dựa vào sự kiện đó, bèn có Trí lựa chọn và quyết định sanh ra. Nhưng nói Tâm chuyên chú chỉ là bày tỏ cái ý muốn dừng lại ở chỗ nào, tức bèn dừng lại ở chỗ đó, chẳng phải nhất định chỉ dừng lại ở một cảnh. Nếu chẳng phải như thế, ắt trong định vị Kiến

đạo, quán sát trải khắp trên dưới các đế, như Khổ đế, v.v... các cảnh riêng khác trước sau chẳng phải chuyên nhất thì không bình đẳng nhận giữ đực Định sao?

Nếu không có tâm chuyên chú nơi cảnh bèn không khởi Định, cho nên Định không phải là Biến hành.

**Thích:** Như lý gọi là đúng. Nghịch lý gọi là quấy. Chẳng đúng chẳng quấy là Cảnh trung dung. Nếu là Trí quyết trạch (lựa chọn và quyết định) thiện, ắt thủ đúng và xả quấy; nếu là Trí quyết trạch nhiễm, ắt thủ quấy mà xả đúng. Nếu Trí quyết trạch vô-ký, ắt thủ cảnh tướng trung dung. Bởi vậy, Định, Huệ đều thông ba tánh.

Kiến đạo quán khắp các đế là: bốn đế ở cõi Dục, bốn đế ở cõi Sắc và Vô-sắc, quán sát cùng khắp, rồi thành tám khinh, tám trí vậy.

Bình đẳng nhận giữ, chữ nho là “đẳng trì”, chữ Phạn là “Tam-ma-địa”, bỏ trong số 1000 pháp nói trong luận, thì Tâm-sở Định vô gọi là “Tam-ma-địa”.

✓ Bác bỏ lối giải thích khác

**Nghĩa:** Có người nói: lúc chẳng để tâm chuyên chú vào Cảnh, cũng có khởi Định: đó chỉ là tướng vi-ẩn, cho nên Định cũng thuộc loại Biến hành.

Nay phá chỗ đó, nói: Phải nói thành lời rằng: “Bởi Định ấy có thể khiến tâm, v.v... hoà hiệp đồng hướng về một cảnh cho nên nó là Biến hành.” Nếu nói như thế, cũng không hợp lý, vì hoà hiệp là dụng của Xúc, chẳng phải là dụng của Định.

Nếu nói: Định ấy khiến trong khoảng sát-na, tâm chẳng thay đổi cảnh duyên theo, cho nên nó thuộc Biến hành thì cũng chẳng hợp lý, vì Tâm trong một sát-na, tự nó đối với cảnh sở duyên, không có nghĩa thay đổi. Nếu nói do Định, tâm giữ Cảnh sở duyên, nên nó thuộc Biến-hành, thì cũng phi lý, vì có Tác-ý khiến Tâm giữ cảnh sở duyên, chứ chẳng phải do Định.

Lại có thuyết nói: thể của Định ấy tức là tâm, chẳng phải Định ấy riêng có tự thể, vì Kinh nói: trong tam học thì Định là tâm học. Lại nói: Định ấy là tâm, vì tánh tam một cảnh: dẫn kinh làm chứng cứ như thế không thành, vì dựa vào Định để thu nhiếp tâm, khiến tâm duyên một cảnh, nên mới nói “tánh tâm một cảnh” và nói đến tam học; vì Định với năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chánh đạo đều là các nơi sở thuộc của Định, giống như Niệm, Tuệ, đề có tự thể, chẳng phải Định tức Tâm.

**Thích:** Trong năm căn có Định-căn; trong năm lực có Định-lực; trong bảy Giác-chi có Định-giác-phần; trong tám Chánh-đạo có Chánh-định, cho nên, như Niệm và Huệ, v.v... đều có tự-thể riêng. Lập lượng nói: Định là có pháp, chẳng phải tức Tâm: Tông. Nhân: vì thuộc về Căn, Lực, Giác, Đạo, Dụ: như Niệm, Huệ.

## □ Huệ

✓ Chánh thích

**Nghĩa:** Thế nào là Huệ? – Đối với Cảnh được quán sát, tánh của Huệ là thấy chỗ sai khác của Cảnh và quyết định sự lựa chọn; Nghiệp của nó là đức nghị. Có nghĩa là: trong lúc quán sát các cảnh đúng, quấy, chẳng đúng, chẳng quấy, do Huệ tìm hiểu, được sự quyết định. Đối với cảnh chẳng quán sát, thì trong tâm mù mịt, không có sự lựa chọn nào, nên Huệ chẳng thuộc Biến hành.

**Thích:** Huệ thiện, ắt quyết định nơi cảnh đúng; Huệ nhiễm, ắt quyết định nơi cảnh quấy;

Huệ vô-ký, ắt quyết định nơi cảnh chẳng đúng chẳng quấy.

✓ Bác bỏ lối giải thích khác

**Nghĩa:** Có người nói: trong lúc tâm mù mịt, cũng có Huệ khởi; đó là tướng vi-ẩn, nên giống như không có, cũng như một vật nhỏ bị một vật lớn thu nhận nên phải hoà hợp, thành ra có mà không thể nhận ra, đành phải nói là không, bởi vì trong *Đối-pháp tàng* có nói: Huệ này là pháp đại địa.

**Thích:** *Đối pháp tàng* tức là luận *A-tỳ-đàm*. Đây là bày tỏ lối chấp; dưới đây sẽ phá.

**Nghĩa:** Các phần trong *Đối pháp* xoay vần trái ngược nhau, làm sao họ có thể chấp là định lương? Chỉ có năm món như Xúc, v.v... kinh nói là Biến-hành, họ nói là Đại-địa, vốn cũng chẳng phải là Kinh vậy, vậy, chớ nên cố chấp.

(c) Kết luận: Chẳng phải Biến-hành

**Nghĩa:** Như vậy, như Dục, v.v..., vì chẳng phải là Xúc, v.v... nên nhất định chẳng phải là Biến-hành, cũng Tín, Tham, v.v...

**Thích:** Năm món tâm-sở như Dục, v.v... là có pháp, nhất định chẳng phải là Biến-hành: Tông. Nhân: vì chẳng phải là năm món như Xúc, v.v... Dụ: như Tín, Tham, v.v...

(2) Phần-vị hiện khởi

(a) Nhất định cùng khởi là sai

**Nghĩa:** Có thuyết nói: năm món tâm-sở này nhất định cùng giúp đỡ nhau: tùy theo một món khởi, ắt có bốn món khác.

(b) Chẳng nhất định cùng khởi là đúng.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: chẳng nhất định như vậy. Luận Du-già nói: năm món Tâm-sở Biệt-cảnh này, đối với bốn Nhất thiết, thì chúng không có hai thứ Nhất thiết sau, là Nhất thiết thời và Nhất thiết cùng. Lại nói: năm món này nương theo bốn cảnh mà sanh; đó là: cảnh sung sướng, cảnh quyết định, cảnh từng quen, cảnh muốn xem. Bốn cảnh được nương theo (Sở duyên) và năm pháp hay Nương theo (Năng duyên) đều chẳng nhất quyết cùng khởi. Nên nói năm món này, hoặc có lúc chỉ một món khởi, như đối với cảnh sung sướng thì chỉ khởi hy vọng; hoặc đối với cảnh quyết định thì chỉ khởi hiểu rõ; hoặc đối với cảnh từng quen thì chỉ khởi ghi nhớ; hoặc đối với cảnh muốn xem thì chỉ khởi chuyên chú. Nghĩa là: loại ngu muội, vì muốn dùng tâm tán loạn lại, tuy chuyên chú duyên theo cảnh, những chẳng có thể lựa chọn. Người đời gọi đó là định mà không Huệ. Ấy chỉ vì hạng người ngu muội này, lúc ở địa vị *gia hạnh*, ít có “nghe, nghĩ” (văn, tư) cho nên nói: “đăng trì” duyên theo cảnh sở quán.

Hoặc dựa vào cảnh sở quán, phần nhiều có Định, Huệ cùng khởi, nên nói là: đăng tri duyên theo cảnh sở-quán. Như có người lúc chơi đùa, ngửa mặt lên trông trời, chuyên chú nhìn một cảnh, mà lòng khởi tham, sân, v.v...: trường hợp có Định, không Huệ như thế rất nhiều, nên chẳng có thể nói rằng: có Định tất có Huệ.

Hoặc đối với cảnh sở-quán, chỉ khởi “lựa chọn”, gọi là chẳng chuyên chú giữ tán-tâm, mà chỉ tìm hiểu, thì đó là có Huệ mà không Định. Hoặc có lúc năm tâm-sở, mà đồng thời chỉ khởi có hai, là: đối với cảnh quyết định sung sướng thì khởi Dục, Thắng-giải; hoặc đối với cảnh từng quen sung sướng thì khởi Dục và Niệm; như vậy, cho đến đối với cảnh sở-quán, lại khởi Định và Huệ: hai món hiệp khởi như thế; có 10 cặp.

**Thích:** 10 cặp hiệp khởi là: **1.** Dục-Giải; **2.** Dục-Niệm; **3.** Dục-Định; **4.** Dục-Huệ; **5.** Giải-Niệm; **6.** Giải-Định; **7.** Giải-Huệ; **8.** Niệm-Định; **9.** Niệm-Huệ, **10.** Định-Huệ.

**Nghĩa:** Hoặc có lúc năm tâm-sở, mà đồng thời chỉ khởi ba, là: đối với cảnh từng quen quyết định sung sướng, thì khởi Dục, Giải, Niệm, như vậy ... cho đến đối với cảnh từ xem xét, lại khởi Niệm, Định, Huệ. Có 10 trường hợp khởi ba món như thế.

**Thích:** 10 trường hợp khởi ba món là: **1.** Dục, Giải, Niệm; **2.** Dục, Giải, Định; Dục, **3.** Giải, Huệ; **4.** Dục, Niệm, Định; **5.** Dục, Niệm, Huệ; **6.** Dục, Định, Huệ; **7.** Giải, Niệm, Định; **8.** Giải, Niệm Huệ; **9.** Giải, Định, Huệ; **10.** Niệm, Định, Huệ.

**Nghĩa:** Hoặc có lúc năm tâm-sở, mà đồng thời khởi bốn món, là: đối với cảnh được xem từng quen định sung sướng, thì khởi bốn món trước, như vậy cho đến đối với cảnh được xem từng quen quyết định, lại khởi bốn món sau. Hiệp chung có năm trường hợp khởi bốn món như vậy.

**Thích:** Năm trường hợp khởi bốn món là: **1.** Dục, Giải, Niệm, Định; **2.** Dục, Giải, Niệm, Huệ; **3.** Dục, Giải, Định, Huệ; **4.** Dục, Niệm Định, Huệ; **5.** Giải, Niệm, Định, Huệ.

**Nghĩa:** Hoặc có lúc khởi năm món, là: đối với cảnh được xem từng quen quyết định sung sướng, đều khởi năm món.

Như vậy, đối với bốn cảnh, khởi năm món như Dục, v.v... thì:

- khởi một món, có năm trường hợp;
- “ hai “ “ mười “ ;
- “ ba “ “ mười “ ;
- “ bốn “ “ năm “ ;
- “ năm “ “ một “ ;

Tổng cộng có 31 trường hợp.

Hoặc trong địa vị có tâm, năm món đều chẳng khởi, như lúc chẳng có bốn cảnh, lúc tâm chênh mảng đoạ cảnh, và lúc tàng-thức cùng khởi: đó là những địa vị mà năm món đều chẳng khởi. Loại này chẳng phải là một.

### (3) Phân biệt các môn

#### (a) Các thức tương ưng

**Nghĩa:** Đối với thức thứ bảy, thứ tám, thì năm món Biệt cảnh này, tùy theo địa vị chưa chuyển ý hay đã chuyển ý, mà có, hay không có, như trước đã nói. Đối với ý-thức thứ sáu thì các địa vị đều nhận chịu cùng khởi, đã chuyển hay chưa chuyển, đều chẳng ngăn ngại.

**Thích:** Thức thứ tám chưa chuyển, đều không; đã chuyển rồi đều có. Thức thứ bảy, chưa chuyển thì chỉ được có Huệ; đã chuyển rồi cũng được có cả năm. Thức thứ sáu có thể biết.

**Nghĩa:** Đối với năm thức trước, thì năm món Biệt cảnh đều không có, vì chúng đã duyên được cảnh, nên không có hy vọng; vì chẳng có thể thăm quyết; nên chúng chẳng in giữ; vì hằng giữ cảnh mới, nên chúng chẳng nhớ lại; vì tánh chúng phân tán, loạn động, nên chẳng chuyên chú; vì chúng không thể suy lường, nên không có sự lựa chọn.

**Thích:** Có hai nhà giải thích năm thức trước. Đây là nhà thứ nhất giải rõ thẳng là: không có năm món tâm-sở Biệt cảnh này.

**Nghĩa:** Có người nói: năm thức nhận chịu có năm món tâm-sở ấy, vì tuy không có hy vọng

đối với cảnh tăng-thượng, nhưng có nghĩa được chút ít sung sướng, vì đối với cảnh tuy không có sự thâm quyết tăng thượng, nhưng có nghĩa in giữ cảnh chút ít, vì tuy không nhớ rõ thể cảnh từng quen, nhưng có chút ít nhớ loại cảnh; vì tuy chẳng có tác-ý buộc niệm vào một cảnh, nhưng có chút ít nghĩa chuyên chú, chỉ ngăn chặn sự *đăng dẫn*; tuy luận nói tánh của năm thức xoay động tản mát, nhưng chẳng ngăn chặn sự đăng trì cho nên năm thức cũng nhận chịu có Định; tuy đối với cảnh sở duyên, năm thức chẳng hay suy lường, nhưng có chút ít nghĩa lựa chọn. Do đó, thánh-giáo mới nói: thiên nhãn, thiên nhĩ là hai món thần thông, tức là nhãn thức và nhĩ thức tương-ung với tánh Trí vậy. Dựa theo nhãn, nhĩ thức mà nói thì ba thứ – tỷ, thiệt, thân thức – cũng có thể có Huệ, không sai.

**Thích:** Đây là nhà thứ hai giải thích, nhận năm thức có năm tâm-sở Biệt-cảnh. *Đăng dẫn* là dịch chữ Phạn *Tam-ma dẫn-đa*, có nghĩa là: lia hôn trầm và trạo cử, gọi là *đăng*; dẫn sanh công đức gọi là *dẫn*, cho nên chỉ có ý-thức thứ sáu là tu tập được. *Đăng trì* là dịch chữ Phạn *Tam-ma địa*, tức tâm-sở Định, chẳng vượt quá nghĩa chuyên chú vào một cảnh, cho nên năm thức cũng có được nó.

**Nghĩa:** Ở địa vị chưa tự tại, thì năm thức không có năm tâm-sở ấy; lúc được tự tại thì năm thức nhất định có, vì sung sướng xem xét các cảnh thì Dục không giảm; vì năm cảnh rõ hơn thì thường không giảm; vì nhớ quen từng nhận thì Niệm không giảm; lại nữa, năm thức của Phật, vì duyên theo ba đời, nên duyên quá khứ tức là Nhớ (Niệm) đó, vì Như-lai không có lúc nào mà tâm chẳng định, vì năm thức đều có trí làm việc.

**Thích:** Lúc được tự tại, là: lúc chuyển năm thức ra Thành-sở tác-trí vậy.

(b) Các thọ tương-ung

**Nghĩa:** Hỏi: năm món Biệt-cảnh này, tương-ung với món thọ nào? Đáp: Tâm-sở Dục tương-ung với ba thọ, là Vui, Sướng, Buông-bỏ (Hỷ, Lạc, Xả) trừ hai thọ: lo, khổ, vì hai cảnh này chẳng phải là cảnh sướng của nói. Còn lại bốn tâm-sở kia thì thông với bốn thọ, chỉ trừ khổ thọ; vì các tâm-sở thâm quyết thì năm thức không có.

**Thích:** Đáp có hai nghĩa: nghĩa đầu chưa đúng hẳn. Nghĩa dưới đây mới đúng.

**Nghĩa:** Lại đáp: Hết thấy đều tương-ung với năm thọ. Luận nói: ưu-căn, đối với pháp vô-thượng thì “nghĩ, nhớ, sầu, lo” vì mong cầu được chúng: đó là Dục tương-ung với ưu-thọ. Chỗ chỉ có chịu khổ thì mong cầu giải thoát đó là Dục tương-ung với khổ thọ. Ý có khổ căn trước đã có nói rồi.

Luận nói: tham yên tương-ung với ưu-khổ, vì tham yêu cùng khởi tất có Dục. Khổ-căn đã có ý-thức tương-ung, ắt bốn món thâm quyết cùng khởi với khổ lại có lỗi gì? Và lại, năm thức cùng khởi cũng có bản cảnh in giữ vi tế, nghĩa như trước đã nói. Do đó, Dục, v.v.... đều cùng tương-ung với năm thọ.

(c) Kết luận, so sánh với các môn khác

**Nghĩa:** Năm món tâm-sở này lại dựa vào ba tánh, ba cõi, học và vô học, v.v... Phân biệt các môn, nên biết như lý.

## 2. Giải thích tâm sở Thiện

### a. Nêu tụng

**Nghĩa:** Đã nói xong hai vị Biến-hành và Biệt-cảnh. Nay vị tâm-sở Thiện, tướng của nó thế

nào? Tụng nói:

*Thiện là: Tín, Tàm, Quý,  
Ba căn, như: không tham ...  
Cần, An, Bất phóng-dật,  
Hành xả và Bất hai.*

## **b. Dùng luận giải thích**

1) Giải thích văn tụng

(a) Nêu chung

**Thích:** Vì chỉ cùng khởi với tâm Thiện, nên gọi là tâm-sở Thiện. Đó là: Tín, Tàm, v.v... có 11 món.

(b) Giải thích riêng

2) Giải thích tên các món

### **▣ Tín**

**Nghĩa:** Tín là thế nào? – Tánh của lòng tin là tâm thanh-tịnh muốn sung sướng, đối với các đức Chơn-thực, có thể chịu đựng một cách sâu đậm; nghiệp của nó là sung sướng cầu mong các điều lành, đối trị lòng chướng tin.

Nhưng, đức tin sai khác nhau, lược có ba loại:

- một là *tin thực có*, nghĩa là: đối với các pháp trong Chân-lý thực sự vì tin sâu nó là thực có, nên có thể tùy thuận chịu đựng;
- hai là *tin có đức*, nghĩa là: đối với ba đức: thực, chân, tịnh, vì tin sâu mà vui sướng;
- ba là *tin có khả năng*, nghĩa là: đối với các điều lành tại thế và xuất thế, vì sâu tin nó có sức, có thể được kết quả sung sướng có thể thành đạo lý, mà khởi hy vọng.

Do đó, để đối trị lòng chướng tin vào cái tâm *có thức, có đức, có khả năng*, kia, người ta vui sướng tin yêu sự tu chứng các điều lành tại thế và xuất thế.

**Thích:** Đây là giải thích đúng đắn thể tính và nghiệp dụng của lòng tin. *Có thực, có đức, có khả năng* là chỗ dựa của lòng tin; *chịu đựng* là nguyên nhân của lòng; *muốn sung sướng* là kết quả của lòng tin; *tâm thanh tịnh* là tự tánh của lòng tin.

Sự thực của các pháp tức là Dục-đề. Lý thực của các pháp là đệ nhất nghĩa đế. Hy vọng tức muốn vậy. Các chỗ khác, có thể biết được.

**Nghĩa:** Hỏi: Chịu đựng là thắng-giải (hiểu rõ); nó là nguyên nhân của lòng tin. Muốn sung sướng tức là Dục; nó là kết quả của lòng tin. Hãy trình bày đích thực cái tự-tướng của lòng tin là thế nào?

Đáp: Tánh của lòng tin là tâm thanh-tịnh. Đó há chẳng phải là lời nói đúng đắn sao? Lại hỏi: Đây là con chưa hiểu lời nói *tâm thanh tịnh* mà hỏi. Nếu giải thích là *giữ nghiệp*, ắt thanh thanh-tịnh tức là tâm, thì chẳng phải là tâm-sở. Nếu giải thích là *chỗ dựa làm chủ* ắt là khiến tâm thanh-tịnh, thì then (Tàm) có khác gì?

Nếu giải thích là “chỗ gần kề”, ắt là tịnh pháp cùng khởi với tâm thì cũng chẳng khác gì với tâm, v.v...



Đáp: Cái thể của lòng tin này, tự tánh nó lắng trong, lại có thể làm cho các tâm, tâm-sở thanh tịnh; nhưng vì tâm là hơn, nên chỉ gọi là *tâm thanh-tịnh*, như viên ngọc *thủy thanh châu* có khả năng làm cho nước đục thành trong. Các món Thẹn (Tâm), v.v... tuy thiện, nhưng chẳng lấy thanh-tịnh là tướng cho nó được. Tâm-sở Tía này lấy thanh-tịnh là tướng, không có cái lỗi tràn qua giới hạn của các món Thẹn, v.v... kia.

Lại nữa, các pháp nhiệm đều có tướng riêng, chỉ có Bất-tín (chẳng tin) thì tự tướng nó vẫn đục, lại có thể làm vẫn đục các tâm và tâm-sở như vật dơ ứ, tụ làm dơ nó và làm dơ các vật khác. Chính là Tin, đối ngược lại thành Chẳng tin. nên chỉ một mình nó lấy Thanh-tịnh làm tướng.

**Thích:** Đây là Hối – Đáp, để giải thích các chỗ còn nghi. Dưới đây bác bỏ các lối giải thích khác.

**Nghĩa:** Có người nói: Yêu, Sướng là tướng của Tin. Bác bỏ điều đó, nói: Vậy là phải thông với ba tánh; lại cái thể của nói, tức phải là Dục trong Biệt-cảnh. Lại nữa, hai đế Khổ, Tập, ắt phải không có Yêu, Sướng, nên chẳng phải là cảnh sở duyên của Tin.

Lại có người chấp: tùy thuận là tướng của Tin. Bác bỏ điều đó, nói: Ắc cũng phải thông với ba tánh. Lại tức là Thắng-giải và Dục, vì nếu in thuận tức Thắng-giải; nếu sướng thuận, tức là Dục vì lia hai thể Giải (hiểu rõ) và Dục (muốn) thì không có tướng thuận theo (tùy thuận).

Bởi vậy, nên biết: Tâm thanh-tịnh là Tin.

### ▣ Tàm, Quý:

**Nghĩa:** Tàm (tự thẹn) là thể nào? – Tánh của nó là dựa vào pháp lực của tự mình, xem quý trọng các việc hiền lành; Nghiệp của nó là làm cho ác hạnh dừng lại, đối trị sự không biết tự thẹn. Có nghĩa là: dựa vào tự thân và các pháp, sanh lòng tôn-kính, quý trọng tài hay đức lành thêm lên; do đó, mà lấy làm nhục nhã với các điều ác đã qua, không dám làm nữa. Nói riêng thì nó đối trị thói không biết tự thẹn; nói chung thì nó chặn đứng các ác hạnh.

Quý (xấu hổ) là thể nào? – Tánh của nó là dựa vào thế lực người đời, khinh bỉ, chống đối các điều bạo ác; Nghiệp của nó cũng làm cho ác hạnh dừng lại, đối trị thói không biết xấu hổ. Có nghĩa là: dựa vào thái độ người thế gian mà chán trách thêm lên, khinh bỉ, chống đối các điều tàn bạo, ác độc; do đó mà nhục nhã đối với các tội lỗi đã qua, không dám làm nữa. Nói riêng thì nó đối trị thói không biết xấu hổ; nói chung thì nó chặn đứng các ác-nghiệp.

**Thích:** Đây là giải thích đúng đắn thể tánh, nghiệp dụng của Tàm và Quý (xấu hổ với người).

Khinh bỉ chống đối bạo ác là: khinh bỉ người tàn bạo chẳng muốn gần, chống đối việc ác đã qua của họ không thích dừng lại.

**Nghĩa:** Hồ thẹn đối với việc ác đã qua là hai thông tướng, cho nên các Thánh-giáo giả nói nó làm Thể. Nếu chấp hồ-thẹn là hai tướng riêng khác thì thể của Tàm Quý phải không riêng khác ắt hai pháp ấy nhất định chẳng tương-ung, vì chẳng phải như thọ, tưởng, v.v... mà có nghĩa ấy. Nếu đợi Tự, Tha, mới lập hai món riêng, thì đáng ra chúng chẳng thực có, lại trái với Thánh-giáo.

Nếu chấp nhận Tàm Quý thực có, nhưng khởi riêng, lại trái với Luận nói có 10 món tâm-sở cùng khắp thiện tâm.

**Thích:** Đây lại giải thích hai pháp Tàm, Quý: nên dùng thái độ “trọng thiện, chống ác” mà

làm tướng riêng, chớ nên lấy sự “hỗ thẹn với việc ác đã qua mà làm tướng riêng: Nhân vì các Thánh-giáo mỗi mỗi đều lấy sự hổ thẹn đối với việc ác đã qua mà giải thích nghĩa của Tàm, Quý nên kẻ mê muội bèn chấp đó làm tướng riêng. Bởi thế, nay giải thích như vậy: hai pháp Tàm, Quý, tên gọi chúng có hai tướng thông, biệt khác nhau nhưng đều nói *hỗ thẹn với việc ác đã qua* là nói thông tướng của hai pháp, cho nên các Thánh-giáo giả nói: hổ thẹn là thể của Tàm, Quý.

Nếu chấp nhau hổ thẹn là thể của Tàm Quý, ắt hai pháp phải không có sai khác; đã không có sai khác ắt phải chẳng cùng sanh; đã chẳng cùng sanh, ắt nhất định chẳng tương-ung với nhau, ví như Thọ, Tướng, v.v... là các pháp tương-ung, nhất định đều có cái Thể riêng, chẳng phải có cái Thể riêng mà nghĩa lại không sai khác nhau.

Lập lượng nói: Tàm, Quý, là có pháp, mỗi món có thể riêng; Tông. Nhân: vì nhất định tương-ung nhau. Dụ: như Thọ, Tướng, v.v...

Hoặc suy rộng ra, nói trái với Lượng, rằng: Tàm, Quý, nếu đồng lấy hổ thẹn làm Thể, là có pháp, nhất định chẳng tương-ung: Tông. Nhân: vì không có hai sự Hổ, Thẹn trong một Tâm. Đồng dụ: như Phần, Hận, v.v... Dị-dụ: như Thọ, Tướng, v.v...

Người còn chấp, tự cứu chữa rằng: chỉ có một sự hổ thẹn, mà căn cứ vào sự đối đãi giữa Ta với Người, để lập ra hai tên Tàm, Quý, sao lại chẳng cùng khởi. Nay, phá chỗ đó, nói: Nếu đợi Ta, Người, mà lập hai món riêng, ắt là dựa vào phần vị mà giả lập, đáng lẽ chẳng thực có, hoá ra trái với Thánh-giáo nói: Tàm, Quý là hai pháp thực có.

Người còn chấp, lại tự cứu chữa, nói: Tàm là đối với mình, Quý là đối với người khác, hai món này đều là thực, cho nên chẳng cùng khởi?

Nay phá chỗ đó, nói: Nếu cho Tàm, Quý là thực, nhưng riêng khởi, ắt chính lúc khởi Tàm, hẳn phải không có Quý; chính lúc khởi Quý, hẳn không có Tàm: như thế lại trái với Luận nói: trong số 11 tâm-sở Thiện, chỉ có “khinh an” là chẳng cùng khắp, còn lại 10 món nhất định là có nghĩa cùng khắp thiện tâm.

**Nghĩa:** Quý trọng, khinh chống, nếu là hai tướng riêng thì cảnh sở-duyên có khác nhau, ắt phải chẳng cùng sanh: lỗi này và lỗi trước đã đồng, sao còn trách lệch?

**Thích:** Đây là người chấp, vặn hỏi ngược lại, hỏi rằng: nếu lấy sự quý trọng cảnh thiện là tướng riêng của Tàm; lấy sự khinh chống cảnh ác làm tướng riêng của Quý, ắt cảnh sở-duyên thiện, ác có khác, nhưng cũng chẳng được cùng sanh.

Đối với thuyết trước, cũng nói là thực, nhưng riêng khởi, thì hai thuyết lỗi đồng nhau, tại sao trách riêng: thuyết này lỗi?

**Nghĩa:** Đáp: Ai nói hap pháp sở-duyên có khác? Vặn hỏi: chẳng vậy thì sao?

Đáp: lúc khởi Tàm thiện, dù duyên theo cảnh nào, cũng đều có quý trong điều thiện và khinh chống điều ác. Bởi vậy, Tàm, Quý, đều cùng khắp thiện tâm, cảnh nương theo không riêng.

Người cứu chữa nói: Thuyết tôi nói: “*Hỗ thẹn với việc ác đã qua là hai tướng riêng há chẳng có nghĩa ấy sao?*”

Phá điều đó nói: Người chấp Tàm, Quý, tự tướng đã đồng thì lý nào có thể ngăn chặn câu hỏi vặn giả bày ra trước? Bởi thế, Thánh-giáo nói: hai pháp Tàm, Quý này, quay nhìn Mình, Người, đối đãi mà có, chẳng đồng như Người chấp thể không riêng. Thánh-giáo lấy pháp Mình gọi là *Tự*, thể gian gọi là *Tha*, hoặc tức trong đó có sự quý trọng, khinh chống Thiện, Ác, vì có

ích lợi, hay tổn hại đến Minh mà gọi Tự, Tha vậy.

**Thích:** Đây là xoay chuyển giải đáp để làm sáng tỏ cái Thể riêng có của mỗi món Tàm, Quý, cho chúng được cùng khởi, khắp cả thiện tâm.

Phá mình gọi “Tự”, thể gian gọi “Tha”, biết quay nhìn mình, hẳn biết nhìn thể-gian; chánh lúc tôn trọng điều lành, tức hẳn khinh chống việc ác. Lại nữa, hoặc quý trọng điều lành, đối với mình có ích, nên gọi “vì mình”; khinh chống việc ác, đối với mình không mất mát gì, nên gọi là “vì thể gian”, há giống như người ta chấp: đồng lấy “hồ thẹn” làm Thể, rồi bày đặt nói đó là “giả”, ắt trái với Thánh-giáo; bày đặt nói đó là “thực”, lại trái với Luận văn vậy.

### ▣ Ba thiện căn: không Tham, không Sân, không Si

**Nghĩa:** “Không tham ....” là: không tham, không sân, không si, ba món này gọi là thiện-căn (gốc lành), vì có thể sanh ra pháp lành hơn hết. Lại, đối với ba món bất thiện-căn thì chúng có khả năng đối trị gần hơn.

**Thích:** Đây là giải thích trước nghĩa của ba món thiện-căn: một là hay sanh pháp lành; hai là khả năng đối trị.

**Nghĩa:** Không tham là thế nào? – Tánh của nó là không tham đắm ba cõi và các “hữu cụ” của ba cõi. Nghiệp của nó: nói riêng là đối trị lòng tham đắm; nói chung là hay làm các việc lành.

**Thích:** Ba cõi là: quả báo ở tam giới (hay tam hữu). *Hữu cụ* là: y báo, tức cảnh giới sống ở ba cõi, hoặc-nghiệp, tức sự mê lầm riêng ở mỗi nơi.

**Nghĩa:** Không sân là thế nào? – Tánh của nó là không giận ghét đối với ba khổ và ba khổ-cụ. Nghiệp của nó: nói riêng là đối trị giận ghét; nói chung là hay làm việc lành.

**Thích:** Khổ là: quả khổ của ba cõi. Sướng là hoại-khổ (tức khổ vì phải hư hoại); khổ là khổ-khổ (tức khổ vì phải khổ hoài); chẳng khổ chẳng sướng gọi là hành-khổ (khổ vì phải chịu biến đổi không ngừng). Vì vậy, nên gọi là ba khổ.

*Khổ-cụ* tức nguyên nhân gây ra cảnh khổ ở ba cõi, và cái Y-báo cho giầu việc ác.

Hỏi: Y-báo (cõi sống) Chánh-báo (thân sống), hai cảnh khổ đó hoàn toàn do Hoặc-nghiệp tự chiêu cảm, không giận ghét có thể được sao? Nguyên nhân khổ của ba cõi, tức là Hoặc-nghiệp, tại sao có thể giận ghét được?

Đáp: Hoặc-nghiệp không có tánh, chỉ chẳng khởi hay tạo nghiệp rồi thôi. Giận nó làm chi cho nhọc lòng? Lại nữa, Hoặc-nghiệp quá quý, nó đến rồi đã mất, tức gọi Sám-hối mà trừ, bởi vậy chẳng nên giận. Hoặc-nghiệp hiện tại, biết Nó chẳng ở, chớ khiến Nó nổi tiếp, cũng chẳng nên giận. Hoặc-nghiệp mai sau, hiện tại chưa có, canh phòng khiến chẳng khởi, cũng chẳng nên giận. Hoặc-nghiệp của người khác, cũng lại không có tánh: chỉ nên xót thương, lại chẳng nên giận. Nếu nổi giận một phen, tức thành Hoặc-nghiệp, như nước thêm sau, như lửa thêm nóng, cho nên nói: Cướp công đức là giặc hại, chẳng gì hơn giận ghét! Lại nói: một niệm sân nổi lên thì trăm vạn cửa chướng ngại mở ra vậy.

Hỏi: Đại-thừa hiểu biết Hoặc-nghiệp không có tánh, bèn thấy rõ ba tướng vi tế<sup>5</sup>, có thể không nổi giận. Tiểu-thừa chưa đạt được “pháp không”, nhìn thấy giặc phiền não và các ác-

<sup>5</sup> ba tướng vi tế là: 1. nghiệp tướng (tâm động); 2. hiện tướng (sở biến tướng phần); và 3. chuyển tướng (năng biến kiến phần)

nghiệp, há chẳng kêu gào oán trách để được gọi là “không sân”?

Đáp: Tiêu-thừa, đối với Hoặc-nghiệp chưa khởi, nên sanh lòng chán lia sâu sắc thì cũng chẳng sân được.

Hỏi: Như có kinh nói: Tôi là Văn-Thù tham dục, Văn-Thù giận ghét. Lại nói: không bỏ một pháp gọi là đại tham, không giữ một pháp gọi là đại sân, ý chỉ đó như thế nào?

Đáp: Đó là pháp môn tánh Không, chẳng có thể nghĩ bàn, tức tu ác mà đạt tánh ác, tức tánh ác là tánh thiện, như chỉ Bãng tức Nước. Nước hiện là Bãng tự tan; như chỉ Cây tức Lửa; Lửa phát cháy thì Cây không còn; như thân vì hình xấu mà hiểu rõ hiện tượng trong gương, biết mình xấu đó chỉ là cảnh của gương hiện; gương hiện hình xấu được, tức hiện hình đẹp được, cho nên chẳng phải xa rời trần lao (cõi đời cực nhọc) mà thấy được tánh Phật; đã thấy tánh Phật, há lại vướng mắc cảnh trần lao sao? Bởi thế, đại tham là biệt danh của rốt ráo không tham; đại sân là biệt danh của rốt ráo không sân; đại si là biệt danh của rốt ráo không si vậy.

Đối với sự có *hữu cụ* mà không đắm, cho nên có thể chẳng bỏ một pháp nào; giả sử có hữu cụ mà đắm, ắt điều buông bỏ phải nhiều.

Đối với sự khổ vì *khổ cụ* mà không giận ghét cho nên có thể chẳng giữ một pháp nào; giả sử khổ vì khổ cụ mà giận ghét, ắt chỗ nắm giữ cũng nhiều vậy.

Lại nữa, một pháp chẳng giữ gọi là đại sân, tức trong đó có điều gọi là không tham; một pháp chẳng bỏ gọi là đại tham, tức trong đó có điều gọi là không sân. Ai nói tánh tướng hai tông mà đồng về một chỗ?

**Nghĩa:** Lúc thiện tâm khởi, dù duyên theo cảnh nào cũng đều không đắm, không giận, đối với các *hữu*; hai thiện-căn này chỉ là đối với các *hữu* mà lập, chẳng cần thiết phải duyên theo các cảnh *hữu*, cũng như trước đây đã nói rõ về hai pháp *Tàm* và *Quý*: hai pháp này cũng chỉ đối với thiện, ác mà lập. Bởi thế, hai món Vô tham, Vô sân này, đều cùng khắp Thiện-tâm.

**Thích:** Đây là giải thích một thắc mắc, vặn hỏi: không tham nơi có, có đủ không đắm; không sân nơi khổ, khổ dùng không giận; cảnh nương theo đã khác nhau, ắt chúng khởi chẳng đồng thời, sao có thể cùng khắp Thiện-tâm được?

Nay giải thích chỗ đó, nói: nếu Thiện-tâm khởi, các pháp ấy đều: đối với cái Có, đã có đủ; đối với cái Khổ, khổ đã đủ, mà không đắm, không giận. Đó là chỉ căn cứ vào các cái Có mà lập, chẳng nhất thiết phải nương theo hai loại cảnh riêng. Lập lượng nói: không tham, không sân là có pháp, căn cứ vào các cái Có mà lập, chẳng phải nương theo cảnh riêng: Tông. Nhân: vì đồng thời khởi, cùng khắp Thiện-tâm. Dụ: như Tàm, Quý.

Bởi vậy, Tham, Sân, hai Hoặc, quyết chẳng đồng khởi; không tham, không sân, quyết định tương-ung. Cái mê cục bộ đã được giải thông thì nên lấy đó mà nghiệp.

Đại tham, đại sân là giải thoát, chẳng phải của người mê: chỉ tịnh giải mê, chẳng phải tinh trên danh từ. Kẻ sĩ quán Tâm, nên suy tư về chỗ đó.

**Nghĩa:** *Không si* là thế nào? – Tánh của nó là hiểu rõ lý của các Đế, và sự của các điều thực. Nghiệp của nó, nói riêng là: đối trị ngu si; nói chung là hay làm các việc lành. Có nghĩa là: Vô-si tức tánh là Huệ. Tập Luận nói: Món không Si này lấy báo trí, giáo trí, chứng trí, quyết định lựa chọn làm Thê. Nghĩa là: cái Huệ được sanh ra là do Nghe, Nghĩ, Tu mà được, vì theo thứ lớp ấy đều là tánh của sự quyết định lựa chọn.

Món Vô-si này, tuy nó tức là Huệ, nhưng vì muốn bày tỏ Thiện phẩm có công năng hơn

nên nói riêng. Cũng như sự thấy biết trong Phiền-não, tuy cũng tức là Huệ, nhưng theo nhiệm, nên lại phải nói riêng. Nay, thiện Huệ ở đây cũng vậy.

**Thích:** Đây là lời giải thích thể-tánh và nghiệp-dụng của không Si, đồng thời bàn luận về giả thực. Nay, nhà thứ nhất nói nghĩa *vọng* là: giả có. Do Nghe, có trí quả báo mà được sanh Huệ trong sự Nghe, gọi là *Văn-huệ*. Do nghĩ về Thánh-giáo có trí quả báo mà được sanh Huệ trong sự Nghĩ, gọi là *Tư-huệ*. Do Tu, chứng Trí, mà được sanh *Tu-huệ*. Ba trí ấy, lấy sự quyết trạch làm tánh; quyết trạch tứ là Trí-huệ, cho nên gọi: không si tức lấy Huệ làm Thể vậy. Dưới đây sẽ giải thích thêm các chỗ còn nghi.

**Nghĩa:** Có người nói: Không-si chẳng phải *tức là Huệ*, vì nó có tự tánh riêng, chánh đối với Vô-minh, giống như: không tham, không sân, thuộc về ba Thiện-căn.

Luận Du-già nói: Đại-bi của Phật là thuộc không sân, không si; chẳng phải nói: Bi thuộc Huệ-căn. Nếu *không si* lấy Huệ làm tánh, không có Thể riêng, ắt Đại-bi phải như 10 Lục bốn Vô-úy, v.v.... cũng phải đều thuộc Huệ-căn cả. Lại nữa, nếu *không si* không có tự tánh riêng, ắt cũng như *Bất hại*, v.v... chẳng phải thực có, thì trái với Luận nói: trong 11 món thiện, ngoài ba món *thể tục có*, tất cả đều thực.

**Thích:** Đây là nhà thứ hai giải thích: *không si* là thực có. Lập lượng nói: *không si* là có pháp, ắt có tự tánh: Tông. Nhân: vì thuộc Thiện-căn, chánh đối với Vô minh. Dụ: như không tham, không sân.

Lại như Đại-bi đã thuộc không sân; giả đặt *không si* lấy Huệ làm Thể, ắt Đại-bi cũng phải lấy Huệ làm thể, tại sao trong luận Du-già chẳng nói: Đại-bi là thuộc Huệ căn? Ba món *thể tục có* là: chẳng Phóng dật, Hành xả, Bất-hại: ba món này đều dựa vào nghĩa mà giả lập, chẳng có cái Thể riêng, nên gọi là *thể tục có*. Bởi vậy, nên biết: không si chẳng phải tức là tánh Huệ.

**Nghĩa:** Như thế, Tập-luận nói: “Huệ làm thể” là nêu cao Nhân quả của ba món Huệ (Văn huệ, Tư huệ, Tu huệ), cốt bày tỏ cá tự tánh Minh-giải, cùng như lấy sự chịu đựng và sự muốn sung sướng để biểu lộ tự thể của Tín: theo lý, tất nhiên phải vậy.

**Thích:** Đây là giải thông nghĩa cho nhà thứ nhất đã dẫn Tập-luận ra làm chứng cứ: Hai Huệ trong sự Nghe, Nghĩ, tức là Nhân của không si, dụ như chịu đựng (nhẫn) là Nhân của Tín.

Tư huệ tức là Quả của Không-si, dụ như *muốn sung sướng* (lạc dục) là Quả của Tín. *Tự tánh Minh-giải* là tự tánh *không si*, dụ như “Tâm tịnh” là tự tánh của Tín vậy.

**Nghĩa:** Vì tham, sân, si, tương-ưng với sáu thức, thuộc Phiền-não chính, khởi ác mạnh hơn, nên lập ra tên của ba món Bất-thiện-căn.

Để dứt ba món Bất-thiện-căn đó, tất nhiên phải do hai lối đối trị chung và riêng: chung thì chỉ có Huệ thiện; riêng gức ba món thiện-căn này. Do đó, không-si ắt phải riêng có.

**Thích:** Đây là kết luận, thành lập Chánh-nghĩa của Thiện-căn để đối trị Vô-minh vậy.

## □ Cần

**Nghĩa:** Cần là tinh tấn. Tánh của nó là đồng mãnh, mạnh bạo trong sự tu thiện, đoạn ác. Nghiệp của nó là: đối trị sự giải đãi để cho việc lành được thành tựu đầy đủ. *Đồng* biểu lộ sự tiến mạnh, loại bỏ các pháp *nhiễm, bạo*, biểu lộ sự tinh-thuần (rặc rờng) loại bỏ các pháp tịnh vô-ký, tức bày tỏ tinh tấn chỉ thuộc tánh thiện.

**Thích:** Đồng mãnh trong việc đoạn ác tu thiện nên gọi là *tấn* hay *tiến*; mạnh bạo nên gọi là

*tiinh*. Các pháp *niêm* là các pháp ác và hữu-phú vô-ký; “*tiinh vô-ký*” tức vô-phú vô-ký. Ác và hữu phú là pháp thối lui sa đọa; nay không thối lui sa-đọa, tức là tiến hơn lên. Vô-phú vô-ký khác với tánh thiện; nay chẳng cùng nhóm họp lại, ấy là *tiinh-thuần*.

**Nghĩa:** Tương *tiinh tấn* sai khác nhau, lược có năm loại. Đó là: *tiinh tấn mặc giáp* (bị giáp *tiinh tấn*); *tiinh tấn thêm hạnh* (gia hạnh *tiinh tấn*); *tiinh tấn không dưới* (vô hạ *tiinh tấn*); *tiinh tấn không lui* (vô thối *tiinh tấn*); *tiinh tấn không đủ* (vô túc *tiinh tấn*); tức như Kinh nói: *tiinh tấn cố thể*, *tiinh tấn cố cần*; *tiinh tấn cố dũng*; *tiinh tấn cứng mạnh*; *tiinh tấn chẳng bỏ ách thiện*; nên biết theo thứ lớp như thế.

Nghĩa sai khác giữa năm loại *tiinh tấn* đó, có bốn thứ:

- một là khác nhau về hạnh, như: hạnh mới phát tâm, hạnh tự phần, hạnh thắng tấn; lại trong việc thành tựu hạnh tự phần có hạ, trung, thượng, ba phẩm sai khác;
- hai là khác nhau trong việc tu: tu lúc mới phát tâm, tu lúc lớn lên, tu không gián đoạn, tu trọng ơn, tu không dư: có sai khác;
- ba là khác nhau trong địa vị, như: tư lương, gia hạnh, thông đạt, tu tập, cứu cánh: năm vị sai khác;
- bốn là khác nhau về đạo, như: trong hai vị tư lương, gia hạnh thì hai đạo gia hạnh và vô gián, đạo giải thoát, đạo thắng tấn có khác.

#### □ An

**Nghĩa:** An là khinh-an, tức yên ổn nhẹ nhõm, xa lìa các pháp lộn xộn, ô trọc, thô động, nặng nề; thân tâm được thoải mái, thông suốt, nhận chịu tu giữ các pháp lành: đó là tánh của nó. Nghiệp dụng của nó là: đối trị hôn trầm, buông bỏ chỗ dựa ô nhiễm (nhiễm y) đối sang chỗ dựa thanh tịnh (tịnh y). Có nghĩa là: món khinh an này khắc phục và diệt trừ pháp hôn trầm thường hay chướng ngại tâm định, khiến cho chỗ của thân-tâm dựa nhờ chuyển thành yên ổn, thoải thích.

#### □ Bất phóng dật (chẳng buông lung)

**Nghĩa:** Bất phóng dật là chẳng buông thả quá mức. Tánh của nó là: trong việc đoạn ác tu thiện, hằng *tiinh tấn*, không tham sân, si, đề phòng niệm ác chẳng cho chúng nó sanh, tụ tập tâm lành khiến nó thêm lớn. Nghiệp dụng của nó là: đối trị sự buông lung, hoàn thành đầy đủ hết thảy các việc lành tại thế và xuất thế. Có nghĩa là: dùng bốn pháp: *tiinh tấn* và không tham, không sân, không si, đề đoạn ác tu thiện, vừa đề phòng vừa tu tập, mới gọi là “chẳng phóng dật”; chẳng phải nó có tự thể riêng, vì nó không tướng riêng khác; vì trong việc phòng ác tu thiện, mà xa lìa công năng của bốn pháp, như *tiinh-tấn*, v.v... thì nó cũng không nghiệp dụng riêng.

Tín, Tàm, v.v... tuy cũng có công năng phòng ác tu thiện như thế, nhưng đối với bốn pháp kia, ắt thể lực và nghiệp dụng của chúng nhỏ, yếu thua, bởi chúng chẳng phải là thiện căn, cũng chẳng phải là phương cách phổ biến, cho nên chúng chẳng phải là chỗ dựa của tâm-sở *bất phóng dật*.

**Thích:** Đây là chánh thích thể tánh và nghiệp dụng của tâm-sở *bất phóng dật*.

**Nghĩa:** Vắn hỏi: Tại sao chẳng nhận *phòng ác tu thiện* tức là dụng tướng của *bất phóng dật*?

Đáp: *Phòng ác tu thiện* khác gì với *tiinh tấn* và ba thiện căn? Nếu nói: bốn pháp này cần phải có *bất phóng dật* đi theo mới có tác dụng, ắt món *bất phóng dật* này lại phải đợi có các pháp nũ mới có tác dụng, thành ra sai quấy vô cùng.

Lại vặn hỏi: Tính tấn và ba thiện căn là phương cách phổ biến, là chỗ dựa phổ quát của các pháp thiền, tại sao nói chúng có tác dụng phòng ác tu thiện (nói gọi là phòng tu)?

Phá chấp đó, nói: người nói: “tác dụng phòng tu” thì tướng nó ra sao?

- nếu nói là *ngừng ác tiến thiện* thì vẫn là bốn pháp nói chung;
- nếu nói là *khiến chẳng tán loạn*, ắt lại phải là *đăng trì*;
- nếu nói là *khiến đồng giữ cảnh*, ắt chẳng khác gì với Xúc!
- nếu nói là *khiến chẳng quên mất*, lại tức là niệm.

Như vậy, suy tìm cái dụng của Bất phóng dật mà lìa tham, v.v... đều chẳng có thể được, cho nên bất phóng dật nhất định chẳng có tự thể riêng.

**Thích:** Đây là hỏi, đáp để phá các lối giải thích khác.

### □ Hành xả

**Nghĩa:** Hành xả là thế nào? – Nó cũng dựa vào tinh tấn và ba thiện căn: không tham, sân, si, khiến tâm bình đẳng, ngay thẳng, giữ vững trạng thái không có công dụng làm tánh. Nghiệp dụng của nó là giữ tâm thanh tịnh, đối trị trạo cử (lay động chẳng yên). Có nghĩa là: dùng bốn pháp khiến tâm lìa xa các chướng ngại như trạo cử, v.v... để được vắng lặng yên ổn, gọi đó là Xả. Nói *bình đẳng, ngay thẳng, lặng yên* không có công dụng, là dựa vào ba vị trí ban đầu, chính giữa, sau cùng, để biện luận về các tướng khác nhau của Hành xả.

**Thích:** Chẳng phải xả thọ nên gọi là hành xả. Vị trí ban đầu là bình đẳng, vị trí chính giữa là ngay thẳng; vị trí sau cùng là *lặng yên không có công dụng*. Đây là chánh thích thể tánh và nghiệp dụng của hành xả, cũng dựa vào bốn pháp mà giả lập vậy.

**Nghĩa:** Do bất phóng dật trước trừ tạp nhiễm, nay hành xả lại khiến tâm vắng lặng mà ở yên, cho nên hành xả này cũng không có Thể riêng, cũng như Bất phóng dật, vì lìa bốn pháp kia thì nó không có dụng tướng, bởi công năng khiến tâm vắng lặng tức là bốn pháp, như tinh tấn, v.v... và đối tượng cần giữ cho vắng lặng là tâm và tâm sở, v.v...

**Thích:** Đây là lời giải thích một thắc mắc, vặn hỏi: Bất phóng dật với Hành xả đã cùng lấy bốn pháp làm thể, thì làm sao biết được hai món kia có khác nhau, cho nên phải dùng công năng trước sau để trả lời. Tuy dựa vào công năng trước, sau có sai khác, nhưng kỳ thực, lại không có Thể riêng.

Hỏi: Bất phóng dật với Hành xả, đã phân trước sau, làm sao chúng được cùng khởi khắp thiện tâm?

Đáp: Chưa có hiện tượng *đã chẳng phóng dật mà còn ở trong tình trạng chẳng thanh tịnh*; cũng chưa có hiện tượng *chánh lúc thanh mà vẫn còn phóng dật*. Nghĩa tuy có trước, sau, nhưng lúc khởi chẳng tương-ung nhau.

### □ Bất hại

**Nghĩa:** Bất hại là thế nào? – Đối với các hữu tình, chẳng xâm phạm, làm cho bị tổn hại và buồn khổ, tức lấy không sân làm tánh. Nghiệp dụng của nó là thương cảm xót xa, hay đối trị sự xâm hại. Có nghĩa là: chẳng oán giận; đối với hữu tình, chẳng làm cho họ bị hao tổn, khổ sở, nên giả gọi là Bất hại.

Nên biết: không sân là đối nghịch với cái sân làm dứt mạng sống của các vật. Bất hại chính là trái ngược với cái hại làm cho vật bị hao tổn khổ sở, cho nên nói: không dân là ban sự sung

sướng; Bất hải là đầy xa buồn khổ: đó là hai tướng thô sai khác nhau. Căn cứ vào thực-lý mà luận, ắt không sân thực có tự thể, còn Bất-hải chẳng qua là sự dựa vào một phần của vô-sân mà giả lập, để bày tỏ hai tướng Từ, Bi: vì có chỗ sai khác, lại vì muốn làm lợi lạc cho các hữu-tình, nên hai pháp Từ, Bi là hơn hết.

**Thích:** Không sân tức Từ, cho nên có thể ban sự sung sướng; Bất-hại tức Bi cho nên có thể đầy xa buồn khổ. Đây là chánh thích nghĩa của Bất-hại được giả lập.

**Nghĩa:** Có người nói Bất-hại chẳng phải tục Vô-sân mà nó có tự thể, nghĩa là: tánh nó hiền lành.

Hỏi: tướng nó ra sao?

Đáp: chẳng làm tổn hại, buồn khổ.

Pháp chấp đó, nói: không sân cũng vậy, sao có tánh riêng được? Có nghĩa là: đối với hữu tình, chẳng làm cho học hao tổn, buồn khổ, mà từ bi hiền lành thì đó là không sân.

**Thích:** Đây là phá lối giải thích khác.

(1) Giải thích chữ *và* (trong bài tụng)

**Nghĩa:** Nghĩa chữ *và* bày tỏ nghĩa: ngoài 11 tâm-sở đã kể, còn có: Mừng, Chán, v.v... là các tâm-sở Thiện khác, tuy có nghĩa riêng, mới nói thêm tên, nhưng thể chẳng khác, nên chẳng lập riêng. Nay dựa vào nghĩa mà lược giải thích ra: Mừng là: đối với Dục thiện, cùng khởi với một phần của Vô-sân; nơi cảnh đáng mừng, vì chẳng ghét giận, nên chẳng oán, chẳng tức, chẳng phiền, chẳng ganh, v.v... cũng vậy; tùy trường hợp mà phải chuyển sang tâm-trạng ngược lại của một phần sân, tức ngược lại bốn món Tiểu Tuỳ phiền não là: oán, tức, phiền, ganh (phẫn, hận, não, tật).

**Thích:** Tâm-sở Mừng này, tuy chẳng lập riêng, nhưng cái dụng của nó rất lớn, nên giải thích nó làm đầu. Phạm phu, ngoại đạo, tu quá sáu hạnh, xoay đổi, nổi Mừng; đó là nhờ khéo Lìa mà được Tĩnh, nên có thể chán các khổ thô làm chướng ngại; chỉ vì Kiến-hoặc (thấy lầm) và Tư hoặc (nghĩ lầm) chưa dứt được, nên được chút ít Thiện-hữu-lậu của thế gian.

Nhị-thừa Mừng, Sướng với cảnh Nát-bàn; nên có thể chán lìa sanh tử; chỉ vì trần sa hoặc (sự mê lầm nhỏ nhiệm như cát bụi) chưa dứt được, nên được chút ít Thiện xuất thế gian của Chân lý hơi lệch.

Bồ-tát quyền thừa, Mừng, Sướng với Đại-thừa, nên có thể chán lìa Tiểu-đạo; chỉ vì Vô-minh chưa khắc phục được, nên được chút ít Thiện của giai đoạn *từ không nhập giả*. Bồ-tát vào đại, Mừng, Sướng với Trung-đạo, nên có thể chán lìa hai bên: chỉ vì Vô-minh chưa dứt, nên được chút ít Thiện của tướng vị Trung-đạo.

Chỉ có người tròn đủ Mừng, Sướng với thực-pháp vô phân-biệt, nên có thể chán bỏ hai bên hư-dối, hư luận phân biệt; đối với các Vô-minh đã được điều phục, dứt bỏ trọn vẹn, nên thành tựu được Vô-thượng Diệu-Thiện đầy đủ, từ danh từ Thiện, cho đến rốt-ráo Thiện vậy.

Lại nữa, hiểu rõ và trọn nhập vào sự Mừng Chán đến chỗ cùng cực, với chẳng Mừng chán cũng chẳng phải triệt để khác nhau, cho nên một mình Mừng, Sướng hay say cầu sanh Thế-giới Cực-lạc, chán lìa cõi Ta-bà có vô-lượng khổ. Trong chỗ một Mừng một chán đó, liền có thể làm cho thanh-tịnh tròn đủ bốn loại Phật-độ, là: Chỉ cái tâm Mừng này cũng gọi là chẳng oán hờn (phẫn), cũng gọi là chẳng tức bực (hận); cũng gọi là chẳng phiền muộn (não), cũng gọi là chẳng ganh gai (tật); Chỉ cái tâm Chán này, cũng gọi là chẳng bòn xén (xan), cũng gọi là chẳng kiên



căn (kiêu). Mừng tịnh ắt chán dơ; chán dơ ắt mừng tịnh, cho nên hai món Thiện này, khi khởi ắt đồng thời. Thành Phật, làm Tổ, chớ lấy đó làm trọng. Mừng gức Đại Tham; Chán tức Đại Sân, há giống với tham sân thập kém, hữu danh vô thực sao?

**Nghĩa:** Chán là thiện Huệ cùng khởi với một phần của Vô-tham; đối với Cảnh đáng chán, vì chẳng đắm-nhiễm, nên chẳng bỏn xen, chẳng kiêu căn, v.v...; nên biết, cũng vậy: tùy theo trường hợp mà phải chuyển đúng đắn một phần của tham là bỏn xen vào kiêu căn, tức hai Tiểu Tuỳ phiền não sang tâm trạng trái ngược lại.

**Thích:** Chán cõi Dục là chẳng đắm nhiễm cõi Dục; cho để chán vô sở hữu xứ là chẳng đắm nhiễm Vô sở hữu xứ: đó là Thiện của Thế-gian.

- Chán sanh tử là chẳng đắm nhiễm sanh tử: đó là Thiện của Nhị-thừa.
- Chán thiên-chân (sự thực lệch lạc) là chẳng đắm nhiễm thiên-Chân: đó là Thiện của Bồ-tát thông giáo.
- Chán hai bên (đối đãi) là chẳng đắm nhiễm hai bên: đó là Thiện của 10 địa vị Bồ-tát hồi hướng đặc biệt.
- Chán chấp trung là chẳng đắm nhiễm chấp-trung: đó là Thiện của Bồ-tát ở địa vị đặc biệt.
- Chán trong bốn uế độ là chẳng đắm nhiễm bốn uế độ: đó là Thiện hơn hết của bậc dứt tuyệt Phàm-Thánh, chẳng qua cấp bậc, một bước trực nhập Cảnh-giới Bất-khả tư nghì.

Bởi thế, chán lìa Ta-bà, cầu sanh Tịnh-độ, gọi là pháp-môn Vô-thượng Viên-đốn đệ nhất.

**Nghĩa:** Chẳng che giấu, chẳng gian trá, chẳng đua nịnh, tức một phần không tham, si; tùy trường hợp mà phải chuyển đúng đắn một phần tham, si, tức phú (che giấu), cuống (gian trá), siểm (dua nịnh), ba món Tiểu Tuỳ phiền não, sang tâm-trạng trái ngược lại. Có nghĩa là: chẳng che giấu, chỉ là một phần của không si, vì không có nơi nào che giấu cũng là một phần của tham.

**Thích:** Hai món Trung Phiền-não (vô tâm, vô quý) chuyển đúng đắn sang Tàm, Quý. Trong 10 món Tiểu Phiền-não, chỉ có Hại được chuyển thành Bất-hại, còn lại chín món thì chẳng chuyển. Bởi thế, nay mỗi mỗi đều chuyển biết. Nhưng Phú (che giấu) cũng thông với một phần của Tham, như văn sau sẽ nói rõ.

**Nghĩa:** Có người nói: chẳng khinh người (mạn) thuộc về một phần của Tín, nghĩa là: nếu tin người nào thì chẳng khinh người ấy. Lại có người nói: chẳng khinh người thuộc về một phần của Xả, vì tâm bình đẳng thì chẳng tự cao, khinh người. Lại có người nói: chẳng khinh người, thuộc về một phần của Tàm, vì nếu quý trọng người nào thì chẳng khinh người ấy.

**Thích:** Đây là chuyển đúng đắn một món Căn bản Phiền não là: Mạn (khinh người). Ba nghĩa đều thông, nên không có lập, phá.

**Nghĩa:** Có người nói: Chẳng Nghi, tức thuộc Tín. Nghĩa là: nếu tin ai thì không có do dự, nghĩa là: chẳng nghi, tức là Chánh-thăng giải, vì quyết định nên không có do dự. Nghĩa là: chẳng nghi, tức thuộc Chánh Huệ, vì Chánh kiến thì không có do dự.

**Thích:** Đây là chuyển đúng đắn một món Căn bản Phiền-não là Nghi. Cũng lại có ba nghĩa đều thông nên không có lập, phá.

Hỏi: hai món Căn bản Phiền não là Mạn và Nghi đều có tự thể; chuyển Hoặc (mê) thành Thiện, sao có không có tự thể?

Đáp: Văn sau chẳng nói sao? Hiểu rõ thì thông lý, nói nhiều mà thể đồng; mê tình thì sự

việc riêng rẽ, theo tướng phái chia ra nhiều, thí như nước kết thành băng, chia ra nhiều khối; băng tan thành nước, há có góc hướng cách xa nhau?

**Hỏi:** Nếu vậy: tại sao trong số 11 món Thiện, vẫn nói tám thực, 8 giả.

**Đáp:** Đó cũng là căn cứ vào lý thể tục mà nói giả, thực.

Thiên-thai tông có chia ra làm ba loại phân biệt là: theo tình, theo trí, theo vừa tình vừa trí; hãy nên suy tự sâu trong vấn đề này.

**Nghĩa:** Thể của Bất-tán loạn, tức thuộc Chánh Định; nó được chuyển từ Tán-loạn là món Tuỳ Phiền não.

Chánh Kiến được chuyển từ Tà-kiến là một món Căn-bổn Phiền não.

Chánh Tri được chuyển từ Bất-chánh tri, là một món Đại Tuỳ Phiền-não.

Tất cả ba món ấy đều thuộc thiện Huệ. Bất vọng niệm, tức là Chánh-niệm; nó được chuyển từ Thất-niệm là một món Đại Tuỳ Phiền-não.

Hối, Miên, Tầm, Tư, thông Nhiễm và chẳng nhiễm, như các món Xúc (thuộc Biến hành) và Dục (thuộc Biệt-cảnh), cho nên không được chuyển riêng từ các món đối lại.

**Thích:** “Nhiễm” tức chẳng thiện và hữu-hú vô-ký. “Chẳng nhiễm” tức Thiện và Vô-phú Vô-ký.

## 2) Liệu tính tránh lập riêng

**Nghĩa:** **Hỏi:** do duyên gì mà trong 26 món Nhiễm, được chuyển lập Thiện chỉ có 11 món, còn lại 15 món thì không được?

**Đáp:** Vì dụng-tướng riêng, tiện cho việc lập riêng, còn các món Thiện khác thì chẳng vậy, nên chẳng đáng trách. Lại, các pháp Nhiễm cùng khắp sáu thức, tác-dụng mạnh, nên chuyển chúng mà lập riêng pháp Thiện.

Còn Mạn, v.v..., Phẫn, v.v... chỉ cùng khởi với Ý-thức nên chẳng chuyển lập.

**Thích:** “Mạn, v.v...” là chỉ Nghi và năm Kiến; “Phẫn, v.v...” là chỉ chín món Tiêu Tuỳ, chỉ trừ Hại.

**Nghĩa:** Hại tuy cũng vậy, nhưng vì mấy lần hiện khởi, nó làm tổn hao, buồn phiền kẻ khác. Và lại vì nó chướng ngại lòng Đại-bi là Nhân mạnh hơn hết của Vô-thượng thừa; vì hiểu biết lỗi lầm tăng lên của nó nên phải chuyển-lập nó thành Bất-hại.

**Thích:** Đây là giải đáp một thắc mắc vắn hỏi: nếu chỉ vì cùng khởi với Ý-thức, nên chẳng chuyển lập, thì Hại cũng chỉ cùng khởi với Ý-thức, tại sao lại chuyển lập nó thành Bất-hại? Câu giải đáp trên có thể biết được.

**Nghĩa:** Thất-niệm, Tán-loạn, và Bất-chánh tri, chuyển vào Biệt-cảnh thành chánh Niệm, chánh Định, chánh Huệ, cho nên chẳng kể chúng trong số 11 món Thiện.

**Thích:** Đây cũng là giải đáp một thắc mắc vắn hỏi: Nếu cùng khắp sáu thức là hơn, nên chuyển-lập, tại sao Thất-niệm, Tán-loạn và Bất-chánh tri cũng cùng khắp sáu thức mà chẳng chuyển-lập? Câu giải đáp có thể biết được.

**Nghĩa:** **Hỏi:** Nhiễm, tịnh chuyển đổi nhau, tại sao Tịnh ít đổi thành Nhiễm?

**Đáp:** Vì pháp Tịnh mạnh hơn, pháp Nhiễm nhỏ yếu, nên ít pháp Tịnh có thể đổi dịch nhiều

pháp Nhiễm. Và lại, pháp Tịnh mà hiểu rõ thì thông lý, nói Thể đồng nhiều, nên chẳng rộng lập; pháp Nhiễm vì mê tình thù sự có riêng khác, theo tướng riêng khác thì có nhiều phần, cho nên đối với Nhiễm, Tịnh, chẳng nên cầu đồng đều.

**Thích:** Đối với các pháp Nhiễm, Tịnh, chỉ một lời nói “chuyên tướng” đã có mật ý bày tỏ: nhiễm, tịnh không tánh, cho nên hiểu nó ắt thông lý, tức hiểu lý của sự; mê nó ắt sự có riêng rẽ, chính vì mê toàn lý mà thành sự. Vậy, nên biết: nói nhiễm nói tịnh, đều thuộc về sự. Nhiễm, Tịnh không tánh mới gọi là lý: chỉ có Tịnh là thuận sự, cho nên có thể thuận bày lý vô-tánh, mà sự theo lý được thông. Nhiễm là trái với sự, cho nên chỉ trái với lý vô-tánh, mà lý theo sự bị riêng rẽ vậy.

### 3) Phân biệt các môn

#### (a) Giả, thực

**Nghĩa:** Trong 11 món Thiện, có ba món giả, tám món thực. Ba món giả là: Bất-phóng dật, Xả, và Bất-hại; nghĩa như trước đã nói. Tám món thực và vì có dụng-tướng riêng.

#### (b) Biên, Bất biên

**Nghĩa:** Có thuyết nói: trong 11 món, có bốn món là *Tinh-tán* và *ba thiện căn* thì cùng khắp thiện tâm vì cùng khắp thiện-phẩm, còn lại bảy món thì bất định:

- vì lúc suy tầm sự lý chưa quyết định thì chẳng sanh lòng *tin*;
- vì *Tâm, Quý* là hai món đồng loại, mà một món thì dựa vào tự-pháp, một món thì dựa vào thể gian, chỗ dựa mỗi món có khác, tùy lúc một món khởi thì món kia không có;
- vì điều thiết yếu là lúc dứt được phiền não theo đạo thể-gian thì mới được *khinh an*;
- vì có khởi *Xả* và *Bất-phóng dật*, thì mới được đạo vô-lậu;
- vì có thương xót Hữu-tình mới có *Bất-hại*.

Bởi thế, luận nói: 11 tâm-sở Thiện khởi trong sáu trường hợp là:

- lúc quyết định, có *Tín* tương-ưng;
- ngăn chận lúc sắp nhiễm, có *Tâm, Quý* khởi, vì biết nhìn mình, nhìn người;
- lúc làm việc lành, có *Tinh-tán* và *Ba Thiện-căn*;
- theo đạo thể-gian, có *Khinh-an* khởi;
- thuận theo đạo xuất thế, có *Xả, Bất-phóng dật*;
- thu nhiếp chúng sanh, nhờ có *Bất-hại*

**Thích:** Đây là nhà thứ nhất giải thích. Đạo thể-gian là: các phần thiện hữu-lậu, bốn thiện, tám định. Đạo xuất-thế là đạo vô-lậu.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: nói như trên, chưa hợp lý. Lúc suy tầm sự lý, tâm chưa quyết định nếu *Tín* chẳng sanh, ắt chẳng phải Thiện, như các nhiễm tâm, vì không có tịnh tín. Hai món *Tâm, Quý*, khác nhau về loại, chỗ dựa tuy riêng, mà cảnh nương theo lại đồng, cùng khắp Thiện-tâm, như trước đã nói.

Nếu thuận đạo xuất thế, khinh-an chẳng sanh, thì khinh-an này phải là Giác-chi, chẳng phải vô-lậu.

Nếu theo đạo Thể-gian, không có *Xả, Bất-phóng dật*, thì chẳng phải phòng ác tu thiện, chẳng được vắng lặng, lại phải chẳng điều phục trạo cử. Thiện-tâm hữu-lậu đã đủ bốn pháp là *Tinh-tân* và *Ba Thiện-căn*, như đạo Xuất-thế phải có hai món *Hành-xả* và *Bất-phóng dật*.

Lúc Thiện-tâm khởi, đều chẳng tồn vật; chánh vì chẳng thể tồn pháp mới có tên là Bất-hại.

Như vậy, theo Luận mà nói: 11 món Thiện khởi trong sáu trường hợp là dựa vào những điều kiện mạnh hơn như kia, mới nói là có như thế ấy, cho nên ban đầu giải thích bảy món Bất-định, nhất quyết chẳng hợp lý.

**Thích:** Đây là nhà thứ hai chánh giải: trước pháp đoạn trên không đúng sau lý luận mà bát, cuối cùng giải thích chỗ dẫn Luận.

“Dựa vào những điều kiện mạnh hơn kia mới nói là có như thế” là: lúc quyết định, ắt Tín tăng; lúc thôi nhiễm, ắt Tàm, Quý tăng; ... cho đến lúc thu nhiếp chúng sanh, ắt Bất-hại tăng vậy.

**Nghĩa:** Nên nói: trong 11 món như Tín, v.v... thì 10 món cùng khắp Thiện-tâm, còn khinh-an thì chẳng cùng khắp, vì An tại Định mới có khinh-an, nhờ thêm tâm được điều hoà sung sướng, còn vào những khi khác thì không có.

Quyết trách phần nói: “10 món tâm-sở Thiện, tại địa Định, hay địa chẳng Định, đều cùng khắp Thiện-tâm; tâm trong địa Định, có thêm Khinh an.”

**Thích:** Đây là chánh thích 10 món cùng khắp, một món chẳng cùng khắp. Địa Định, tức ở địa vị tâm-định, là: bốn thiền, tám tam-muội định, v.v... Địa chẳng định, tức ở địa vị tâm bị phân tán như ở cõi Dục.

**Nghĩa:** Gia hạnh Định cũng được gọi là địa Định, vì nó cũng có nghĩa vi-tế là: làm cho thân tâm được điều hoà sung sướng. Do đó, cõi Dục cũng có Khinh-an. Nếu chẳng như vậy thì trái với *Bốn địa phận* nói: 11 món như Tín, v.v... đều thông tất cả địa.

**Thích:** Đây lại đưa ra một lối giải khác. Gia-hạnh Định là Định được dùng làm phương tiện trước, tức chỉ lúc chưa đến địa vị được Định.

**Nghĩa:** Có nghĩa là: Khinh-an chỉ có tại Định, do Định nuôi dưỡng thêm lớn mới có được sự điều hoà sung sướng. Luận nói: ở cõi Dục, các tâm, tâm-sở do thiếu Khinh-an, nên gọi là địa chẳng Định. Trên kia nói: tất cả địa đều có 11 món, là thông chỉ: trong Định, các tam-ma-địa đều có Tàm, Tư.

**Thích:** Đây là nói rõ đúng đắn cõi Dục không có Khinh-an. Kế đến lại giải thích ý-nghĩa của đoạn Luận đã được dẫn. Luận nói: tất cả địa đều có 11 món là chỉ ba địa Tam-muội có Tàm, Tư, chẳng phải chỉ chín địa ở ba cõi, bởi cõi Dục gọi là địa chẳng Định. Chính vì do thiếu Khinh-an. Nói ba địa là: Sơ-thiền căn bản, gọi là Tam-ma-địa có Tàm Tư; Nhị-thiền gia-hạnh, gọi là Tam-ma-địa không Tàm có Tư; Từ Nhị-thiền căn bản trở lên, gọi là Tam-ma-địa không Tàm, không Tư.

### (c) Các thức cùng khởi

**Nghĩa:** 11 món này, trước đã nói đủ: thức thứ bảy, thứ tám, tùy theo địa vị mà có hay không có; thức thứ sáu, trong định-vị đều có đủ; nếu không ở định-vị thì chỉ thiếu khinh-an.

Có thuyết nói: năm thức cũng có khinh-an, vì Thiện-pháp do Định dẫn năm thức vào, cũng có sự điều hoà sung sướng, vì Thành sở tác trí cùng khởi, tất phải có Khinh-an.

**Thích:** Thức thứ bảy, thứ tám: ở địa vị chưa chuyển y không có 11 món Thiện. Nếu ở địa vị đã chuyển y đều nhất định tương-ương với 11 món.

Thức thứ sáu hữu lậu, thiện mà phân tán, ắt không có khinh-an; hữu-lậu, thiện, vào định, có đủ 11 món; vô lậu chẳng cần phải nói.

Về năm thức thì có hai thuyết giải, thuyết thứ hai là chính. Nhưng căn cứ vào địa vị hữu-lậu thì:

- hai thức Tỷ, Thiệt (của mũi, lưỡi) chỉ liên quan tới cõi Dục, ắt không có khinh-an;
- ba thức Nhãn, Nhĩ, Thân (của mắt, tai, thân) thông với Sơ-thiền, ắt là Thiện do Định dẫn, cũng có sự điều hoà sung sướng.

Nếu đến địa vị vô lậu, Thành sở tác trí tương-ung với năm Thức, ắt đều phải có khinh-an vậy.

(d) Các thọ tương-ung

**Nghĩa:** Hỏi: 11 món Thiện này tương-ung với thọ nào?

**Đáp:** 10 món tâm-sở Thiện được cùng năm thọ tương-ung; chỉ một món Khinh-an phải trừ hai thọ ưu, khổ, vì hễ có nhận chịu sự áp bức thì nhất định không có sự điều hoà sung sướng.

(e) Tương-ung với Biệt-cảnh

**Nghĩa:** 11 món Thiện đều tương-ung với năm món Biệt-cảnh, vì Tín, v.v... cùng với Dục, v.v... chẳng trái ngược nhau.

(g) Ba tánh thu-nhiếp nhau

**Nghĩa:** 11 món chỉ là Thiện.

(h) Hệ thuộc ba cõi

**Nghĩa:** Khinh-an chẳng hệ thuộc cõi Dục. Còn 10 món đều thông ba cõi.

(i) Thuộc học, vô-học

**Nghĩa:** 11 món đều thuộc học, vô-học, v.v...

**Thích:** 11 món Thiện của Sơ-quả, Nhị-quả, Tam-quả và 10 địa Bồ-tát đều thuộc Hữu-học.

11 món Thiện của quả thứ bốn là Bích Chi Phật, Như-Lai, đều thuộc vô-học.

11 món Thiện của hết thầy Phạm phu đều thuộc chẳng phải học, chẳng phải vô-học.

(g) Chỗ dứt của địa vị Tu-đạo

**Nghĩa:** 11 món chẳng phải là chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo. Luận Du-già nói: sáu căn như Tín, v.v... chỉ là chỗ dứt của địa vị Tu-đạo, chẳng phải là chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo.

**Thích:** Sáu căn là: tín-căn, tấn-căn, niệm-căn, định-căn, huệ-căn, và vị-tri đương tri căn.

Năm căn như Tín, v.v... thông Luận, Vô-lậu.

Nếu là Vô-lậu tức thuộc ba căn Vô-luận; trong năm căn, hễ có Hữu-lậu. Trong địa vị Gia-hạnh, có ba căn Vô-lậu, gọi là Vị-tri đương-tri căn; trong địa vị hữu-học, chín căn vô lậu gọi là Dĩ-tri-căn; trong địa vị Vô-học, chín căn Vô-lậu gọi là Cụ-tri-căn.

Tuy do Vị-tri đương-tri căn (căn chưa biết sẽ biết) được vào địa vị Kiến-đạo, nhưng đã kiến đạo rồi, vì không có chỗ chưa biết có thể sẽ được biết, nên gọi là Cụ-tri căn (căn biết đủ). Một sát-na sau khi Thấy đạo, liền thuộc địa vị Tu-đạo, bởi vậy trong địa vị Tu đạo tức đã dứt được Vị-tri đương-tri căn và năm căn hữu lậu.

11 món Thiện chẳng tương-ung với Phiền não Phân biệt, nên chẳng phải là chỗ dứt của địa

vị Kiến-đạo. Nếu là Thiện Hữu-lậu và Thiện Gia-hạnh vô-lậu, tức thuộc chỗ dứt của địa vị Tu-đạo. Nếu chính là Thiện vô-lậu, tức thuộc Phi sở đoạn (chẳng phải chỗ dứt).

Chín căn là: năm căn như Tín, v.v.... và Ý-căn, Hỷ-căn, Lạc-căn, Xả-căn.

(h) So sánh và kết luận

**Nghĩa:** Phân biệt các môn khác thì phải nên suy tư đúng theo lý.

**Thích:** Đối với Phiền não, Bất định, v.v... sau đây, tự trong văn sẽ nên vấn đề cho ta suy tư.

## C. Giải thích căn-bản phiền-não

### 1. Nêu tụng

**Nghĩa:** Như vậy, đã nói các môn Tâm-sở Thiện. Tâm-sở Phiền-não, tướng của chúng thế nào? Tụng nói:

*Phiền-não là: Tham, Sân,  
Si, Mạn, Nghi, Ác-kiến.*

### 2. Dùng luận giải thích

#### a. Giải thích văn tụng

1) Lược thích tên thông thường

**Nghĩa:** Sáu môn như Tham, v.v... tánh chúng thuộc căn-bản phiền não, nên được gọi là *Phiền-não*.

**Thích:** Như Cây có gốc mới có nhánh, lá. Do sáu môn phiền-não này sanh ra hết thảy các pháp Tuỳ phiền não, vì vậy mà gọi sáu môn này là căn-bản. Các Tuỳ phiền-não khác đều từ đó mà lưu xuất, hoặc từ đó mà phân vị, cho nên giống như nhánh lá vậy.

2) Giải thích rộng tên riêng

#### □ Giải thích Tham

**Nghĩa:** *Tham* là thế nào? – Tánh của Tham là đắm nhiễm các hữu cụ đang có. Nghiệp của nó là hay chướng ngại lòng không tham mà sanh ra khổ. Có nghĩa là: do sức ham yêu mà sau lại sanh ra năm thủ-uẩn.

**Thích:** *Các hữu-cụ*<sup>6</sup> là y-báo. Năm uẩn đều là chỗ đắm giữ của Hữu-tình, nên gọi là *thủ-uẩn* (thủ: giữ; uẩn: che giấu, đôn chứa).

#### □ Giải thích Sân

**Nghĩa:** *Sân* là thế nào? – Tánh của nó là thêm giận ghét đối với cái khổ của Khổ-cụ. Nghiệp của nó là làm chỗ dựa của ác-hạnh, tánh chẳng lặng yên, hay chướng ngại vô-sân. Có nghĩa là: Sân tất phải khiến thân tâm nóng bức, khởi sanh các nghiệp ác, tánh chẳng lành.

**Thích:** *Khổ cụ* là nguyên nhân gây ra cảnh khổ ở ba cõi, và cái y-báo che giậy việc ác. Thân tâm nóng bức nên gọi là *tánh chẳng lặng yên*. Khởi các nghiệp ác nên gọi là chỗ dựa của ác-hạnh. Đây chỉ có ác, chẳng thông hữu-phú vô-ký, nên gọi là “tánh chẳng lành” vậy.

<sup>6</sup> Điềm này đã giải thích trước đây ở trang 26, nói về Ba thiện căn: không Tham, không Sân, không Si.

## □ Giải thích Si

**Nghĩa:** Si là thế nào? – Tánh của nó mê mờ đối với các sự lý. Nghiệp của nó là làm chổ dựa của hết thảy các pháp tạp-nhiễm, hay chướng ngại vô-si. Có nghĩa là: vì do sức vô-minh nên khởi dẫn Nghi, Tà-kiến, Tham, v.v... (các món căn-bản phiền-não), và Phẫn, v.v... (các món Tùy phiền-não), khiến tạo các Nghiệp, có thể chiêu cảm ba cõi về sau sanh ra các pháp tạp nhiễm.

**Thích:** Độc-đầu vô-minh, mê lý Chán-đề nhiệm; tương-ung vô-minh lại mê sự tướng, cho nên nói: tánh nó là *mê mờ đối với các sự lý*.

Hết thảy các pháp tạp-nhiễm tức chỉ các phiền-não sanh nghiệp ở ba cõi.

## □ Giải thích Mạn

**Nghĩa:** Mạn là thế nào? – Tánh của nó là ỷ vào chổ sở-trường của mình rồi sanh tâm cao ngạo đối với các hữu-tình khác. Nghiệp của nó là hay làm chướng ngại Bất-mạn, sanh ra khổ. Có nghĩa là: nếu có Mạn thì tâm chẳng khiêm nhường (kính trọng nhường nhịn) đối với đức Chơn tịnh của Tam-bảo, và đối với hết thảy các người có đức, lại sanh óc cạnh tranh giữa người và mình, do đó mà phải sống chết xoay vần, chịu mọi nỗi khổ lâu dài chẳng dứt.

Món Mạn này khác nhau có bảy, chín loại. Đó là: ngã, đức, xú, sanh nơi ba phẩm: hết thảy đều thông với chổ dứt của hai địa vị Kiến-đạo và Tu-đạo.

Ngã mạn câu-sanh trong địa vị Thánh đã được hiện-hành, ắt loại Ngã-mạn lưu chuyên của Phàm phu có hiện khởi trong Thánh vị cũng không phải quấy.

**Thích:** Bảy loại Mạn là:

- Mạn, là: chẳng kính loại bằng, coi thường loại kém;
- Quá mạn, là đối với loại bằng, vọng coi là kém; và đối với loại hơn, vọng coi là bằng;
- Mạn quá mạn, là: đối với loại hơn lại con là kém;
- Ngã mạn, là: vọng chấp có Ngã, rồi sanh kiêu ngạo;
- Tăng thượng mạn, là: được có ít mà tự cho là đầy đủ, như vọng nhận bốn thiên làm bốn quả, v.v...
- Ty-liệt mạn, là: tự thực rất kém mà vọng gọi là ít kém, hoặc là tuy biết họ hơn mà chẳng bằng lòng khởi kính;
- Tà mạn, là: tự thực không có đức, vọng nói có đức.

Chín loại Mạn, là: căn cứ vào ngã, đức, xú, mỗi món có ba phẩm: hơn, bằng, kém. Ngã là ta, tức cái thể giả danh, hư vọng, bị chấp là Có;

Đức là cái đức hạnh do tu mà có;

Xú là xú sở, tức nơi được nhận dùng.

Hoặc ngã hơn, ngã bằng, ngã kém, hoặc đức hơn, đức bằng, đức kém; hoặc xú hơn, xú bằng, xú kém, gọi là chín loại. Dựa vào đó mà khởi hoặc Mạn, hoặc quá mạn, hoặc Mạn quá mạn, hoặc ty-liệt mạn, dùng Ý có thể biết được.

Trong sự việc này, chẳng luận là bảy loại hay chín loại, nếu dựa vào Phiền-não Phân biệt mà khởi Mạn, tức đó là chổ dứt của địa vị kiến-đạo; nếu dựa vào phiền-não câu sanh, duyên theo sự mà sanh Mạn, tức đó là chổ dứt của đị vị Tu-đạo vậy.

## □ Giải thích Nghi

**Nghĩa:** Nghi là thế nào? – Tánh của nó là: do dự chẳng quyết, đối với lý của các Đấng, chưa

đạt được sự dứt khoát là có hay không. Nghiệp của nó là hay chướng ngại Bất-nghi và các phẩm thiện nghĩa là: vì do dự mà Thiện chẳng sanh.

**Thích:** Do dự ắt Thiện chẳng sanh, lỗi trở thành lớn. Nhưng Tham, Sân, Si, Mạn, tạm biết lỗi nó, có thể tác ý mà trừ bỏ chớ đến chỗ thực lý chưa rõ, làm sao có thể gương ép lấy sự chẳng biết làm biết được?

Đáp: Gương ép lấy sự chẳng biết làm biết, chánh là gốc của Nghi. Nếu muốn trừ Nghi, chỉ có hư-tâm, học rộng, xét hỏi, cẩn thận suy tư, dựa vào Chánh-giáo làm kim chỉ nam, y theo thấy bạn làm chỗ quan trọng. Lại như vua Thuần ham hỏi, ham quan sát; nên như Khổng-tử, thiện ác đều là thầy, mới có thể dứt hẳn gốc Nghi, đến thẳng chỗ không nghi nữa.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: Nghi lấy Huệ làm thể, do nơi cảnh sở-quán, nó do dự trong việc lựa chọn, mới nói là Nghi, vì nghĩa của Nghi là phụ giúp Bất-nhã.

**Thích:** Đây là đưa ra một lối giải thích khác. Bất-nhã với Mạt-đề đều được dịch là Huệ. Nói *phụ giúp Bất-nhã* là nghĩa của Nghi, giống như nói: Đại Nghi đại ngộ, Tiểu nghi tiểu ngộ; chẳng nghi chẳng ngộ vậy.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: Nghi có tự thể riêng; bởi do có Nghi, khiến Huệ chẳng quyết, nên Nghi này chẳng phải tức là Huệ. Luận Du-già nói: trong sáu món Phiền-nã, chỉ có ác kiến là thể tục có, vì đó là một phần của Huệ, còn lại năm món đều là thực có, vì mỗi món đều có tánh riêng. Nếu nguyên nhân là Nghi có thể phụ giúp Bất-nhã, người bèn chấp Huệ làm thể của Nghi, thì cũng như nguyên nhân là Thức có thể phụ giúp cho Trí, Trí bèn được nhận làm thể của Thức, chẳng phải do trợ lực, mà nghĩa đã biến đổi.

Bởi vậy, Nghi không phải là thể của Huệ.

**Thích:** Đây là chánh giải. Trí với Huệ, đồng là Huệ65t trong Biệt-cảnh. Chẳng luận hữu lậu hay vô lậu, là thiện hay nhiễm, đều có thể gọi là Huệ, cũng đều gọi là Trí.

Trong địa vị vô-lậu, hoặc dùng vô phân biệt thì gọi là Huệ, có phân biệt gọi là Trí. Nhưng căn-bổn, Hậu-đắc, đồng xưng là Trí; đạo Huệ, đạo-chùng Huệ, đồng xưng là Huệ. Vậy nên biết: dựa vào nghĩa thì tùy ý đặt tên, dựa vào thể, ắt nguyên không có hai tánh.

Thức là tâm-vương, Trí là tâm-sở. Nếu Nghi lấy Huệ làm Thể, ắt Thức cũng nên lấy Trí là thể, há có thể như vậy sao?

Trước làm sáng tỏ nghịch-lượng, nói: Thức là có pháp, phải có Trí làm thể: Tông. Nhân: vì phụ giúp cho Trí. Dụ: như giúp cho Huệ.

Kế đến, làm sáng tỏ chánh lượng, nói: Nghi phụ giúp Huệ là có pháp, chẳng phải Huệ làm thể: Tông. Nhân: vì có tánh riêng, chẳng phải do trợ lực, nghĩa bèn biến đổi. Dụ: như Thứ phụ giúp cho Trí.

## □ Giải thích Ác-kiến

- Giải thích chung dụng tướng

**Nghĩa:** Ác-kiến là thể nào? – Đối với lý của các Đê, nó điên-đảo suy lường, tức lấy nhiễm ô tương-ung với Huệ làm tánh; nó hay chướng ngại thiện-kiến, chiêu khổ làm nghiệp, nghĩa là ác-kiến thì chịu khổ nhiều.

**Thích:** Vì có suy lường, tức thể là Huệ, vì do điên đảo nên gọi là nhiễm. Sao gọi là điên-đảo? – Bởi vọng chấp cp1 thực ngã, thực pháp, nên gọi là điên-đảo. 96 loại ngoại-đạo, đạo nào



chẳng từng cầu ra khỏi sinh tử? Nhưng cái nguyên nhân to lớn buộc họ là hai chấp Ngã, Pháp, cho nên bao nhiêu khổ hạnh, không có hạnh nào mà chẳng luống mất: đời này, đời sau, chẳng có thể giải thoát được. Như vậy, muốn ra khỏi sinh tử, có thể chẳng lấy sự phá ác-kiến làm gấp rút sao?

- Bày tỏ chỗ sai khác

Hành tướng của ác-kiến, sai khác nhau có năm món:

### ***Thân-kiến***

**Nghĩa:** Một, Tát-ca-đa kiến là: đối với năm thủ-uẩn, nó chấp đó làm Ngã và Ngã-sở (ta và cái của ta); tất cả các hướng kiến đều dựa vào đó làm nghiệp; nó thông với hai món Hoặc là Phân-biệt và Câu-sanh.

Kiến này sai biết có 20 câu, 65 câu, chỉ do phân biệt mà khởi.

**Thích:** Tát-ca-da, Tàu dịch là *tích tụ*, nghĩa là “chứa nhóm” bốn đại, năm uẩn, giả gọi là Thân. Dựa vào Thân, vọng khởi chấp Ta và cái của Ta, nên gọi là Tát-ca-da kiến, hay Thân-kiến.

Kiến này là gốc của tất cả các ác-kiến: thiên-kiến, biện-kiến, tà-kiến, đều dựa và thân-kiến mà sanh. Để hình thành thân-kiến căn bản này, nếu thức thứ bảy duyên theo kiến phần của thức thứ tám, khởi tướng tự tâm, xoay chuyển lạng lẽ chấp đó làm ngã, tức là nó thuộc về hoặc-nghiệp cùng sanh với thân (câu-sanh); nếu thức thứ sáu duyên theo năm thủ-uẩn hoặc chung hoặc riêng, khởi tướng tự tâm, xoay chuyển lạng lẽ chấp đó làm ta và cái của ta, thì nó cũng thuộc về hoặc nghiệp câu sanh; nếu thức thứ sáu duyên theo tà giáo và tà tư duy, khởi 20 câu, 65 loại hý luận, ắt chỉ thuộc về hoặc nghiệp phân biệt vậy.

20 câu là: câu 1 nói: ta lớn sắc nhỏ; sắc ở trong ta; câu 2 nói: sắc lớn ta nhỏ, ta ở trong sắc; câu 3 nói: tức sắc là ta; câu 4 nói: lìa sắc là ta; thọ, tưởng, hành, thức cũng đều có 4 câu như vậy cho nên hợp lại có 20 câu.

65 câu là: tùy theo trường hợp chấp 1 uẩn làm ta, bốn uẩn kia là cái của ta; trong bốn món này mỗi món đều đủ ba pháp: anh lạc (chuỗi ngọc), đồng-bộc (đứa tớ nhỏ), quật-trạch (nhà hang) thành ra Ta và cái của Ta hợp lại có:  $1 + (3 \times 4) = 13$  câu. Năm uẩn thay đổi lần lượt thành  $13 \times 5 = 65$  câu.

### ***Biên-kiến***

**Nghĩa:** Hai là biến chấp kiến, tức đối với thân-kiến tùy theo trường hợp mà chấp đoạn, chấp thường, nó chướng ngại việc đi vào đường giữa để ra khỏi sinh tử: đó là nghiệp của nó. Nó thông với hai hoặc: phân-biệt và câu-sanh.

Trong các chấp hướng theo ác-kiến, kiến này có chấp Tiền-tế là: luận Bốn thường-khắp, luận một phần thường, và chấp: 16 thứ Hậu-tế có tướng, vô-tướng, phi-tướng, mỗi thứ tám luận; luận bảy đoạn diệt, v.v... đều chỉ thuộc về Hoặc phân-biệt.

**Thích:** *Đi vào đường giữa* tức chẳng đoạn, chẳng thường, chánh lý của Duyên-khởi. Do đạt chánh lý Duyên-khởi mới có thể đứng đản tin theo Nhân-Quả, dựa vào Giáo-pháp tu hành, ra khỏi sinh tử. Nay, hai chấp Đoạn, Thường, chính làm chướng ngại cho hạnh ấy. Nhưng cũng có phân biệt, câu sanh, hai loại chẳng đồng, như văn sau sẽ nói rõ. Nếu là luận bốn thường khắp, ắt dựa vào tà giáo, tà tư-duy mà khởi thì chỉ thuộc Hoặc phân biệt.

*Bốn thường khắp* là: **1.** chấp 20 kiếp thường; **2.** chấp 40 kiếp thường; **3.** chấp 80 kiếp

thường; **4.** dùng trí tướng mau lẹ, vọng nói là thường.

*Một phần thường* là: **1.** Phạm-thiên thường, Ngã-vô thường; **2.** do vui cười nên vô-thường; **3.** do xem xét nhau nên vô-thường; **4.** quán sát mau lẹ là vô thường.

*16 Hậu-tế có tướng* là: **1.** thấy có sắc; **2.** thấy vô sắc; **3.** thấy có sắc không sắc; **4.** thấy chẳng phải có sắc, chẳng phải không sắc; **5.** thấy có biên; **6.** thấy không có biên; **7.** thấy có biên không biên; **8.** thấy chẳng phải có biên, chẳng phải không biên; **9.** thấy có sừng; **10.** thấy có khô; **11.** thấy có sừng có khô; **12.** thấy chẳng khô chẳng sừng; **13.** một tướng; **14.** yếu nơi tướng; **15.** ít tướng; **16.** vô lượng tướng.

*Tám luận tướng* là: - có sắc; - không sắc; - có sắc không sắc; -chẳng phải có sắc chẳng phải không sắc; - có biên; - không biên; - có biên không biên; - chẳng có biên, chẳng phải không biên.

*Tám luận Câu phi* là: danh, tướng đồng với tám luận vô tướng.

*Luận bảy đoạn diệt* là: - diệt Thân; - diệt Dục cõi Trời; - diệt Sắc cõi Trời; - diệt Xứ Không; - diệt Xứ Thức; - diệt Xứ Bất-dụng; - diệt Xứ Có-tướng Không-tướng.

Các điều trên đây đều lấy từ trong kinh *A-hàm Phạm Động* ra, cũng gọi là: 62 kiến Phạm võng. Đây là bản tông của Ngoại đạo Tây-vực, chẳng phải kinh *Đại Phật Đảnh Âm Ma* thích văn, vì trong kinh *Đại Nhật Đảnh*, 62 kiến hành âm là tu tâm lầm, bị đoạ, chẳng đồng với hết thảy ở đây.

### **Tà-kiến**

**Nghĩa:** Ba là *Tà-kiến*, tức chê bai tác dụng thực sự của Nhân-Quả và các tà chấp chẳng thuộc bốn kiến đều thuộc kiến này, như tăng thượng duyên, vì danh nghĩa nó cùng khắp.

Trong các chấp hướng theo ác-kiến, kiến này sai khác có: **1.** chấp tiền tế là: hai luận vô-nhân, bốn luận hữu biên, kiểu loại chẳng chết; và **2.** chấp hậu tế, như: ngũ hiện Nát-bàn, hoặc chấp Thích phạm là thể chủ tự tại và các vật loại thường hằng chẳng đổi, hoặc chấp tự-tại, v.v... là Nhân của hết thảy các vật; hoặc có chấp ngang các tà giải thoát, hoặc vọng chấp “chẳng phải đạo là đạo”: các chấp như thế đều thuộc tà kiến.

**Thích:** Một là: bác bỏ các nhân, không có thiện ác; hai là: bác bỏ các quả sừng khô do thiện ác chiêu cảm; ba là: bác bỏ tác dụng của thiện hạnh, ác hạnh; bốn là: bác bỏ sự thực của tục-đế, như cha con, phàm thánh, thế và xuất thế, và những kiến chẳng thuộc bốn kiến, như thân-kiến, biên-kiến, v.v... đều thuộc kiến này, thí như các duyên chẳng thuộc ba duyên, như nhân duyên, v.v.... đều thuộc về tăng thượng duyên vậy.

*Hai luận vô-nhân*, là: - một, ắt từ vô tướng đến, tự là vốn không, nay có; - một, ắt quán sát mau lẹ, vọng nói không nhân mà có.

*Bốn luận hữu-biên*, là: **1.** tướng hữu-biên; **2.** tướng vô-biên; **3.** phương trên hữu-biên, phương vô-biên; **4.** chẳng phải hữu-biên, chẳng phải vô-biên.

*Kiểu loạn chẳng chết*, là: - một nói: thiện ác có quả báo sao? không quả báo sao? – hai nói: có đời khác, không có đời khác sao? – ba nói: sao là thiện, sao chẳng thiện? – bốn là ngu tối ám độn, tùy theo lời của người khác mà đáp lại.

*Ngũ hiện Nát-bàn*, là: - một nói: hiện tại, tự mình phóng túng chạy theo Ngũ-dục, tức là Nát-bàn; - hai nói: sơ-thiền là Nát-bàn; - ba nói: nhị-thiền là Nát-bàn; - bốn nói: tam-thiền là Nát-

bàn; - năm nói: tứ-thiền là Nát-bàn; hoặc chấp Tự-tại, v.v... tức như các chỗ mà Phần I đã nói (Xem Pháp Pháp Chấp bắt đầu từ trang 31.)

*Các tà giải thoát*, tức: chẳng phải quả mà chấp là quả; “chẳng phải phải đạo là đạo”, tức chẳng phải Nhân chấp Nhân.

### ***Kiến-thủ và Giới cầm-thủ***

**Nghĩa:** Bốn là *Kiến-thủ*, tức trong các kiến, tùy chấp một kiến, và nơi uẩn dựa, chấp nhận ấy là hơn hết, có thể được quả thanh-tịnh. Nghiệp của nó là một mục trang đầu để giữ vững chỗ dựa.

Năm là giới cầm-thủ, tức tùy thuận giới cầm của các kiến, và nơi nên dựa, chấp nhận ấy là hơn hết, có thể được quả thanh-tịnh. Nghiệp của nó là giữ vững chỗ dựa, tuy không có lợi gì mà vẫn siêng năng chịu khổ.

**Thích:** Đây là chánh thích tương của hai thủ. Do có chấp kiến, nên trái ngược nhau, sanh ra nhiều cuộc tranh luận.

Do giữ tà giới nên uông công nhận giữ chịu khổ siêng năng, mà chẳng có lợi ích gì.

**Nghĩa:** Như có nơi nói: Chấp là hơn hết, tức chẳng phải Quả mà nhận là Quả, nên gọi là “kiến-thủ”. Chấp có thể được thanh-tịnh, tức chẳng phải nhân mà nhận là nhân, nên gọi là “giới-thủ”. Do là lược nói sự ảnh hưởng lẫn nhau, hoặc là tùy trường hợp mà chuyển lý. Nếu chẳng phải vậy, tại sao chẳng phải Diệt mà nhận là Diệt, chẳng phải Đạo mà nhận là Đạo: các luận đều nói là Tà-kiến, chẳng nói là: thuộc về hai thủ.

**Thích:** Đây là loại trở ngại thông thường. Nghĩa vẫn có thể hiểu được. Ý của đoạn này muốn nói: Chấp cả đôi Nhân-Quả mới gọi là thủ; đơn chấp Nhân, hay quả, thì chỉ thuộc Tà-kiến.

## **b. Phân biệt các môn**

### 1) Câu-sanh, phân biệt

**Nghĩa:** Như vậy, chung riêng, trong 10 món phiền não, thì sáu món thông với câu-sanh và phân biệt khởi, vì lạng lẽ xoay chuyển quán sát suy nghĩa mà cùng được sanh. Nghi và ba kiến sau, chỉ do sự phân biệt mà khởi, vì điều trọng yếu là do bạn ác và sức của tà-giáo, khiến tự xét, suy nghĩ, quán sát mới được sanh.

**Thích:** Chung, ấy chỉ có sáu; riêng, phải phân thành 10, nên nói “chung, riêng, 10 phiền não.”

Tham, Sân, Si, Mạn, Thân-kiến, Biên-kiến, trong sáu món này, một phần lạng chuyển sanh, gọi là *câu-sanh hoặc*; một phần suy nghĩ, nhận thấy, gọi *phân biệt hoặc*.

Nghi, và Tà-kiến, Kiến-chủ, Giới-chủ: bốn món chỉ do phân biệt mà khởi, thì gọi là *phân biệt hoặc*. Câu-sanh hoặc, tức Tu-sở đoạn hoặc (hoặc nghiệp do vị tu-đạo dứt) cũng gọi là Tu-hoặc (nghĩ lầm).

Phân-biệt hoặc, tức Kiến sở-đoạn hoặc (hoặc nghiệp do vị Thấy đạo dứt), cũng gọi là Kiến-hoặc (thấy lầm).

**Nghĩa:** Biên chấp kiến (kiến chấp một bên) thì thông với hoặc câu-sanh; có nghĩa là: chỉ có đoạn kiến thông với hoặc câu-sanh, còn thường kiến tương thô, tất do sử các bạn ác, v.v... dẫn sanh.

Các luận, như Du-già, v.v... nói: tại sao Biên chấp kiến thuộc hoặc câu-sanh? – Tại thuộc đoạn-kiến, vì trước khi “thấy đạo”, người học “hiện quán” sau khi đã khắc phục được các hoặc phân biệt hiện khởi, trong tâm họ vẫn còn khởi sợ hãi: “Nay đây là cái ta giả; còn cái ta thật ở đâu?” Bởi vậy, cảm thú, v.v... nếu gặp nghịch duyên đều sợ hãi cái ta bị dứt, nên khởi kinh hãi.

**Thích:** Từ đây trở xuống là biện luận về nghĩa của Hoặc câu-sanh trong Biên-chấp kiến. Chấp đoạn, chấp tướng là hai kiến-chấp, hay chấp một bên, nên gọi là Biên-chấp kiến.

Có hai nhà giải thích: đây là nhà thứ nhất, chỉ chấp nhận đoạn-kiến thông với hoặc câu-sanh với hai lý do:

- một là: người học “hiện quán” khi đã khắc phục kiến hoặc, còn khởi sợ dứt;
- hai là: cảm thú không có bạn ác dạy, chẳng khởi kiến-hoặc, cũng khởi sợ dứt.

Bởi thế nên biết: đoạn-kiến thông với hoặc câu-sanh.

**Nghĩa:** Có nhà nói: Luận trên dựa vào tướng thô mà nói, chứ thực lý thì hoặc câu-sanh cũng thông với thường-kiến. Nghĩa là: Cảm thú chấp cái Ta thường còn, mạnh mẽ tạo góp của cả đồ đạc đầy đủ lâu dài, cho nên các luận, như Hiền-dương, v.v... đều nói: nơi năm thủ-uẩn, chấp đoạn, chấp thường, hoặc là câu sanh hoặc phân biệt khởi.

**Thích:** Đây là nhà thứ hai giải thích: chính nhận thường kiến cũng thông với hoặc câu sanh.

2) Tương-ung với tự-loại

**Nghĩa:** Trong 10 món phiền não này, bao nhiêu món tương-ung với nhau?

Đáp: Tham với Sân, Nghi, nhất định chẳng cùng khởi, vì tham yêu, ghét giận hai cảnh, hẳn là chẳng đồng. Nơi cảnh, chẳng quyết nên Nghi, vì không đắm nhiễm.

Chẳng tham, tham, với Mạn, kiến, có khi được tương-ung, nhưng chẳng nhất định, vì: chỗ yêu thì tham, chỗ xúc phạm thì mạn (coi thường) cảnh chẳng phải một, nên nói chẳng cùng khởi. Chỗ nhiễm thì tham chỗ cậy nhờ thì mạn, vì cảnh có thể đồng, nên nói được tương-ung, vì cảnh của năm kiến đều có thể yêu.

Tham với năm kiến tương-ung thì không lỗi. Sân với Mạn, Nghi, có khi được cùng khởi, nhưng cũng chẳng nhất định, vì chỗ đáng sân thì sân, chỗ cậy nhờ thì Mạn, cảnh chẳng phải một, nên nói chẳng tương-ung. Chỗ khinh thì Mạn, chỗ ghét thì sân, vì cảnh có thể đồng nên nói được cùng khởi. Lúc mới do dự thì Nghi, vì chưa ghét nó thì chẳng phải sân, nên nói chẳng cùng khởi. Nghi lâu chẳng quyết là Nghi, bèn phát oán ghét là sân, nên nói được tương-ung. Nghi sự thuận, nghịch, tùy trường hợp cũng phải như vậy: sự thuận mà do dự ắt chẳng sân; sự nghịch mà do dự ắt phát oán ghét.

Sân với Kiến-thủ và Giới-thủ, tất nhiên chẳng tương-ung vì chấp “đạo hơn” nên chẳng ghét nó.

Sân với Thân, Biên, Tà ba kiến có khi được tương-ung, nhưng chẳng nhất định: nơi Uẩn có sừng, khởi thường-kiến thân, vì chẳng sanh ghét, nên nói chẳng tương-ung; nơi uẩn có khổ, khởi thường-kiến thân, vì sanh giận ghét nên nói được cùng khởi. Đoạn-kiến ngược với điều trên, nên nói Sân khi có khi không.

Tà-kiến chê bỏ việc tốt, việc ác, thì như đã nói về Sân, khi không, khi có.

**Thích:** Nơi uẩn sừng, khởi đoạn-kiến, ắt sanh Sân. Nơi uẩn khổ, khởi đoạn-kiến, ắt chẳng Sân. Bởi vậy, nói “ngược với điều trên, nên nói Sân khi có, khi không.”

Tà-kiến chê bỏ việc ác, ắt chẳng sanh Sân, vì vọng chấp không có quả ác; tà-kiến chế bát điều tốt, ắt sanh sân, vì vọng chấp không có quả lành.

**Nghĩa:** Mạn ở một cảnh nhất định thì Nghi không ở đó, cho nên Mạn với Nghi không có nghĩa tương-ung.

Mạn với năm kiến đều chịu cùng khởi, vì hành tướng xoay vần chẳng trái ngược nhau, nhưng với đoạn-kiến, ắt chẳng cùng sanh, vì lúc chấp cái Ta dứt thì không có Ý-thị mà xúc phạm; với thân-kiến và tà-kiến, một phần cũng vậy.

**Thích:** “Mạn ở một cảnh nhất định” là: đối với các Ta được ý-thị và Người bị xúc phạm, đều quyết định không có Nghi.

“Với thân-kiến, tà-kiến, một phần cũng vậy” là: chấp uẩn kém, khổ, làm thân thì chẳng có thể ý minh mà xúc phạm đến Người; tà-kiến chê bát sự tốt, cũng không có chỗ để ý-thị mà xúc phạm đến Người.

**Nghĩa:** Nghi chẳng thâm quyết, trái ngược với Kiến, cho nên Nghi với Kiến nhất định chẳng cùng khởi.

Năm kiến xoay vần hằng chẳng tương-ung, vì chẳng phải trong một tâm là có nhiều Huệ được.

Si với chín món kia đều nhất định tương-ung, vì các phiền não sanh, tất do Si mà có.

**Thích:** Năm kiến đều lấy Huệ nhiễm làm thể, cho nên trong một tâm, quyết chẳng cùng chung khởi.

Si tức vô-minh, là gốc của các phiền não. Không phá vô-minh mà có thể dứt các phiền não thì chẳng có thể được. Nhưng hiểu rõ các sự, lý thì gọi là vô-si; mê mờ đối với các sự lý thì gọi là Si. Nên biết: lý, tức hai lý: Trung, Không; sự, tức sự thực trong tục-đế sai khác, có tác dụng của Nhân-Quả. Mê nơi lý Trung gọi là vô-minh gốc, mê nơi lý Không và mê nơi sự, đều gọi là vô-minh ngọn.

- Giải rõ lý Trung gọi là Trung-quán;
- Giải rõ lý Không gọi là Không-quán;
- Giải rõ các Sự gọi là Giả-quán;

Bởi vậy, hai chữ Sự Lý, thu nhiếp hết ba Đế; hai loại Tâm-sở, Mê, Giải (thông suốt), thu nhiếp hết ba Hoặc, ba phép Quán. Nếu chẳng đạt đến một sự lý bao quát, hợp chia sai khác, ắt có bảy loại hai Đế, năm loại ba Đế, bốn loại bốn Đế, bốn loại một Đế, bốn loại Vô-Đế: chẳng đồng, thì làm sao có thể buông bỏ cái Mê, để được Giải, lấy cái Giải mà thông suốt cái Mê cho được?

### 3) Tương-ung với các Thức

**Nghĩa:** Hỏi: 10 món Phiền-não này tương-ung với Thức nào?

Đáp: Tàng-thức hoàn toàn không có. Mạt-na thức có bốn, đó là: Si, Kiến, Mạn, Ái; Ý-thức có đủ 10. Năm thức trước chỉ có ba, đó là: tham, sân, si, vì không có phân biệt; bởi có cân nhắc liệu lường, v.v... mới khởi Mạn, Nghi, v.v...

**Thích:** “Không có phân biệt” là: năm thức trước không theo niệm, liệu tính với hai loại phân biệt mà chỉ có tự tánh phân biệt. Do cân nhắc, liệu lường nên khởi Mạn; do suy nghĩ xem xét mà khởi Nghi, Kiến. Nay, năm thức đã không theo niệm liệu tính với hai loại phân biệt,

chẳng có thể cân nhắc liệu lượng suy nghĩ xem xét, nên chẳng cùng Mạn, Nghi, năm kiến tương-ung.

#### 4) Tương-ung với các Thọ

**Nghĩa:** Hỏi: 10 món Phiền-não này tương-ung với Thọ nào?

Đáp: Ba món Tham, Sân, Si, chẳng luận là Câu-sanh, hay Phân-biệt, đều nhận chịu tương-ung với năm thọ, vì Tham gặp duyên trái nghịch lại cùng khởi với Ưu, Khổ; vì Sân gặp cảnh thân cũng cùng khởi với Vui, Sướng.

Có thuyết nói: Phân biệt câu sanh khởi Mạn, nhận chịu tương-ung với “chẳng khổ” của bốn thọ, bởi dựa vào cái khổ vì uẩn kém cũng được tương-ung với ưu (lo).

Có thuyết nói: Mạn Câu-sanh cũng cùng khởi với khổ thọ, vì Ý có khổ-thọ, trước đã có nói. Mạn Phân-biệt thì nơi thuần khổ không có, vì nơi thuần khổ không có tà-su, tà giáo; như thế, nó chẳng dẫn nghiệp ác thú, vì nghiệp ác-thú phải do phiền-não phân-biệt dẫn phát.

Nghi và ba món ác kiến sau, nhận chịu cùng khởi với bốn thọ, chỉ trừ khổ thọ. Nghi ở cõi Dục không có khổ, vì lại cùng khởi với hỷ-thọ. Hai thủ (kiến-thủ, giới-thủ), nếu duyên theo ưu-thọ cùng khởi với các kiến, v.v... thì lúc ấy được cùng Ưu tương-ung.

**Thích:** Sợ có người hỏi: Nghi sao lại chịu Vui? Bởi vậy, nay giải thích rằng: Nghi ở cõi Dục không có khổ, lại cùng khởi với hỷ-thọ.

Lại sợ hỏi: Hai thứ chấp là tịnh hơn hết, sao lại có lo? Bởi vậy, nay giải thích rằng, nếu duyên theo Ưu, cùng khởi với kiến-thủ, giới-thủ, và Uẩn được dựa, lại được cùng Ưu tương-ung, như ném tro, nhổ tóc, các loại khổ như thế, cũng có ưu.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: Thân-kiến, Biên-kiến câu-sanh, chỉ tương-ung với hỷ, lạc, xả-thọ, vì chẳng cùng khởi với năm thức, cho nên không có khổ-thọ, mà chỉ có hữu-hú vô-ký. Thân-kiến, Biên-biến phân biệt nhận chịu cùng khởi với bốn thọ, chỉ trừ khổ-thọ.

Chấp “khổ cùng khởi với Uẩn” làm Ta và cái của Ta theo thường-kiến thì có Ưu-thọ. Ngược lại, đoạn-kiến chấp “Uẩn sướng bị dứt” cũng tương-ung với Ưu (thấy khổ hoài phải lo; thấy sướng bị dứt cũng lo.)

Có thuyết nói: Thân-kiến, Biên-kiến, nếu là câu-sanh, cũng cùng khởi với khổ-thọ, vì ở nơi chỉ rạc có chịu khổ, duyên theo Uẩn hết sức khổ thì tương-ung với khổ. Luận nói: tất cả phiền-não câu-sanh đều có thể hiện hành nơi ba thọ được. Nói rộng thì như trước; còn lại thì như trước đã nói.

**Thích:** “Nói rộng thì như trước” là: chỉ đoạn giải thích ba thọ (xem lại trang 10). “Còn lại thì như trước đã nói” là: Thân-kiến, Biên-kiến phân biệt nhận chịu cùng khởi với bốn thọ”, đồng như nghĩa vừa nói ở trên.

**Nghĩa:** Đó là dựa vào thực nghĩa mà giải thích kỹ lưỡng. Nếu theo thô-tướng, giải nghĩa lược qua thì: *tham, mạn, bốn kiến* cùng khởi với Hỷ, Lạc, Xả.

*Sân*, chỉ cùng khởi với Ưu, Khổ, Xả-thọ.

*Si* với năm thọ đều đượng tương-ung.

*Tà kiến* và *Nghi* cùng khởi với bốn thọ, trừ khổ-thọ.

**Thích:** Từ đây trở lên, hoặc thô, hoặc tế, đều là chánh thức phán quyết các thọ tương-ung.

**Nghĩa:** Tham, si, cùng khởi với lạc-thọ, thông với bốn địa dưới. Còn lại bảy món cùng khởi với lạc-thọ thông với tam-thiền, trừ cõi Dục. Nghi và độc hành Si, tại cõi Dục, chỉ cùng khởi với hai thọ là Ưu và Xả. Còn các thọ khác cùng khởi thì nên biết như lý.

**Thích:** Đây lại dùng Hoặc nghiệp của các thọ tương-ung mà phán quyết thuộc cõi nào, địa nào. Bốn địa dưới là: **1.** Tạp-cư (ở lộn xộn); **2.** Sơ-thiền; **3.** Nhị-thiền; **4.** Tam-thiền, vì từ Tứ-thiền trở lên thì chỉ có xả-thọ.

“Còn lại bảy món” là 10 món, trừ Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi; năm kiến chỉ cùng tương-ung với Ý-thức. Cõi Dục không có lạc của Ý-địa, cho nên trừ cõi Dục, chỉ thông với Tam-thiền.

Nghi và độc hành Si (Si đi một mình) cũng chỉ có tại Ý-thức, cho nên cõi Dục không có khổ, lạc thọ, cũng không có hỷ; trước là dựa vào tướng vi-tế, nên noi: ở cõi Dục, Nghi không có khổ, lại cùng khởi với hỷ-thọ. Nay, theo tướng thô, ác nghi hoặc chưa quyết, sao có hỷ được? Lại nữa, độc hành Si có hai loại: **1.** đứng chủ độc hành, một mình hay phát nghiệp; **2.** chẳng phải chủ độc hành, chỉ đồng khởi với các Tiểu-tuỳ. Hai loại ấy, tại cõi Dục, nếu theo tướng thô, cũng không có hỷ-thọ, cho nên chỉ cùng khởi với Ưu, Xả. Còn các khổ-thọ, hỷ-thọ, cùng khởi với các hoặc, thông với cõi nào, địa nào, đều có thể suy nghĩ theo lý mà biết, cho nên chẳng nói đến.

#### 5) Tương-ung với Biệt-cảnh

**Nghĩa:** Hỏi: 10 món này tương-ung với bao nhiêu món Biệt-cảnh?

Đáp: Tham, Sân, Si, Mạn, nhận chịu cùng khởi với năm món Biệt-cảnh, vì tham, sân, si, mạn lúc chuyên chú vào một cảnh, cũng có định được. Nghi và năm kiến, mỗi món nhận chịu cùng khởi với bốn tâm-sở Biệt-cảnh: Nghi ác chỉ trừ Thắng-giải, vì chẳng quyết định; còn năm kiến thì chẳng cùng khởi với Huệ, vì chẳng khác Huệ.

#### 6 Tương-ung với Ba tánh

**Nghĩa:** Hỏi: 10 món phiền-não nay thuộc tánh nào?

Đáp: Sân thì chỉ có bất-thiện, vì hao tổn mình và người. Còn chín món kia thì thông với hai tánh: bất-thiện và hữu-phú vô-ký: hai cõi trên thì thuộc vô-ký: hai cõi trên chỉ thuộc vô-ký, vì định ở đó có sức điều phục. Nếu cõi Dục khởi phân biệt vì liên hệ thì chỉ thuộc bất-thiện, vì phát hạnh ác. Nếu là câu-sanh mà phát hạnh ác thì cũng chẳng lành, vì hại mình, hai người, còn lại câu-sanh chẳng phát hạnh ác đều thuộc vô-ký, vi-tế; chẳng chương ngại thiện, vì chẳng làm tổn hại buồn khổ mình và người.

Nên biết: thân-kiến và biên-kiến câu-sanh thì chỉ thuộc tánh vô-ký, vì chúng chẳng phát nghiệp ác, vì tuy có nhiều lần hiện khởi, nhưng chẳng chương ngại việc lành.

#### 7) Hiện, duyên, liên quan với các cõi

##### **Cõi liên hệ**

**Nghĩa:** Hỏi: 10 món phiền-não này liên hệ với cõi nào?

Đáp: Sân chỉ ở cõi Dục, còn lại thông ba cõi.

##### **Hiện khởi**

**Nghĩa:** Sanh tại địa dưới, chưa lìa nhiễm dưới, nên phiền-não ở địa trên chẳng hiện ra trước được. Điều trọng yếu là phải được Định căn bản ở địa trên, rồi sau đó, phiền-não ở địa trên mới nhận chịu hiện-tiền. Phạm phu ngoại đạo, tu các đạo hữu-lậu ở thế gian, biết được thiên vị, vì không có Trí quán hai Không, nên chẳng có thể điều phục được hoặc phân-biệt và các hoặc vi-tế

câu-sanh trong thức thứ bảy; nhưng có thể phục-trừ được các thô hoặc câu-sanh trong thức thứ sáu, lần hồi chứng được Định căn bản ở địa trên, vì thô hoặc câu-sanh chỉ mê cảnh sự, duyên theo ba trần ở ngoài mà khởi; dựa theo của ngoài mà chuyển, chính những sự tán loạn thô động làm trở ngại cho Định nên *phải điều phục cho được thô hoặc câu-sanh*. Được Định ở địa trên rồi, sau đó các hoặc câu-sanh và phân biệt mới đều chịu hiện tiền. Nếu được sanh ở địa trên, ắt các hoặc ở địa dưới, chẳng luận là câu-sanh hay phân-biệt, đều chịu hiện khởi. Làm sao biết được điều ấy? – Vì sanh vào thân Trung-hữu của đệ tứ thiên, mà chê bậc giải thoát, bèn phải sanh vào địa ngục. Bởi vậy, nên biết: *địa trên khởi được hoặc phân biệt ở địa dưới*. Lại nữa, thân ở địa trên, lúc sắp sanh ở địa dưới, thì khởi yêu nhuận-sanh, vì đó hoặc câu-sanh. Vậy nên biết: *địa trên khởi được hoặc câu-sanh ở địa dưới*. Nhưng có chỗ nói: sanh trên chẳng khởi dưới: đó là dựa vào phần nhiều mà nói, hoặc là tùy theo trường hợp mà chuyển lý.

**Thích:** “Chê bậc giải thoát” là: Tỳ-kheo Vô văn chứng được Tứ-thiên, khởi Mạn tăng thượng, vọng nói đã được tứ quả, chẳng nhận có thân sau, đến lúc mạng chung, ở trong thân trung-hữu, thấy tứ thiên và chỗ thọ sanh, chẳng biết mình thực chưa chứng tứ quả, bèn từ chối, nói: ta nay đã chứng tứ quả, mà vẫn chỗ thọ sanh, ắt lời Phật nói: “La-hán chẳng nhận có thân sau”, nhất là lời dối gạt: do trong thân Trung-hữu khởi một niệm chê Phật nói về tâm giải-thoát, mà sau khi thân hậu hữu ở tứ thiên diệt, bèn theo thân hậu-hữu sanh vào địa ngục.

“Yêu nhuận sanh” là: nơi xứ sở có thân hậu-hữu, lặn chuyển đắm nhiễm, như lúc vào thai, đối với cha mẹ, khởi yêu là một loại tình-cảm điên-đảo vậy.

### ***Nương theo nhau***

**Nghĩa:** Phiền-não ở địa dưới, cũng duyên theo địa trên. Luận Du-già, v.v... nói: Cõi Dục liên hệ với Tham, cầu sanh địa trên, vì ham thích cái Định trên. Đã nói giận ghét có thể ganh ghét hai để Diệt và Đạo, thì cũng phải ganh ghét sự lìa địa Dục. Lại nữa, duyên chung các hành, chấp Ta và cái của Ta, khởi Mạn thường, đoạn, là duyên được trên: bởi năm món hoặc tham, sân, mạn, thân-kiến, biên-kiến, đã duyên được trên, ắt năm môn hoặc còn lại là sin, nghi, tà-kiến, kiến-thủ, giới-cấm thủ cũng được được trên: lấy đã thành hẳn.

Nhưng có chỗ nói: Tham, Sân, Mạn, v.v... chẳng duyên trên: đó là dựa vào tướng thô mà nói, hoặc dựa vào duyên riêng mà nói, nghĩa là: chưa từng thấy thế-gian chấp riêng kẻ khác vào pháp của kẻ khác để mà mình và cái của mình. Bởi thế nên nói: thân-kiến chẳng duyên theo địa trên; Biên-kiến hẳn dựa vào thân-kiến mà khởi, nên nói: Biên-kiến chẳng duyên theo địa trên.

**Thích:** “Duyên chung các hành” v.v... là: có ngoại đoạ duyên chung các hành của sắc tâm ở bao cõi. “Chấp ... mạn thường, đoạn” là: chấp Ta và cái của Ta, cho là thường, cho là đoạn, rồi cao ngạo đối với Người, cho nên Thân-kiến, Biên-kiến, Mạn, cũng duyên theo trên được. Nếu dựa vào duyên riêng, ắt chẳng như vậy.

**Nghĩa:** Phiền não địa trên cũng duyên theo địa dưới, là nói: kẻ được sanh ở trên, đối với hữu-tình ở dưới, ý mình có đức hơn, nên xâm phạm kẻ ở dưới. Lại nữa, duyên chung các hành, chấp Ta và cái của Ta, khởi yêu đoạn, thường, là duyên được dưới. Nghi và ba kiến sau cũng duyên được dưới: nên nghĩ đúng theo lý như vậy. Nhưng nói: hoặc trên chẳng duyên dưới là cũng dựa vào phần nhiều mà nói, hoặc căn cứ vào duyên riêng mà nói.

**Thích:** Chẳng nói đến Sân, Si, là: vì địa trên không có Sân, vì Si cùng khắp tâm nhiễm ô.

### ***Thuộc Học, Vô-học***

**Nghĩa:** Hỏi: 10 món phiền não này thuộc bậc Học, hay vô-học?



Đáp: chẳng thuộc bậc Học hay Vô-học, vì Học, Vô-học chỉ là thiện.

**Thích:** Hỏi: từ Sơ-quả trở lên, cón có tư hoặc (nghĩ lầm), tại sao chẳng thuộc bậc Hữu-học?

Đáp: Nghiên cứu Chân-lý để dứt mê lầm gọi là Học. Đạt đến chỗ cùng cực của Chân-lý, không còn mê lầm nữa, gọi là Vô-học. Từ Sơ-quả trở lên, tuy có tư-hoặc, nhưng chính lúc nghiên cứu Chân-lý thì hoặc hiện khởi; xuất quán, mất niệm, phiền-não mới hiện hành, cho nên nói: chỉ có bậc thánh thiện không niệm làm người điên; chỉ có người điên thắng niệm làm bậc thánh (duy Thánh võng niệm tác cuồng; duy cuồng khắc nhiệm tác Thánh). Trong ngoài địa vị phàm, tuy chưa chứng quả, nhưng có thể tu quán, điều phục được hoặc nghiệp, tức có thể nói: một niệm tương-ung một niệm Phật, ắt biết Hữu-học ba thừa, tuy đã xứng thánh, nhưng lúc xuất quán Vô lậu có thể khởi phiền não, cho nên có thể so sánh mà nói rằng: một niệm mất chiếu (soi sáng) một niệm điên vậy.

**Chỗ dứt của địa vị nào?**

**Nghĩa:** Hỏi: 10 món phiền-não này là chỗ dứt của bậc nào?

Đáp: Chẳng phải là chẳng có chỗ dứt, vì chẳng phải pháp nhiệm thì mới không có chỗ dứt. Hễ khởi phân biệt thì chỉ là chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo, vì nó thô nên dễ dứt. Nếu là Hoặc Câu-sanh thì chỉ là chỗ dứt của địa vị Tu-đạo, vì có vi-tế nên khó dứt.

10 món phiền-não của địa vị kiến-đạo phải dứt, thực đều được dứt thành linh (đốn đoạn), bởi vì lúc thực thấy đạo thì duyên chung bốn đế.

Nhưng tướng mê Chân-lý của 10 món phiền-não thì có chung, có riêng: **1.** Chung là: 10 món đều mê bốn đế, vì khổ-đế, tập-đế là chỗ dựa làm nhân của 10 hoặc; diệt-đế, đạo-đế là chỗ dựa của 10 hoặc khiếp sợ. **2.** Riêng là: mê riêng tướng bốn đế mà khởi, như Thân-kiến, Biên-kiến chỉ mê khổ-đế, chứ chẳng dựa vào Tập, Diệt, Đạo-đế mà khởi; còn lại tám món đều thông mê bốn đế. Vì Thân-kiến, Biên-kiến chỉ mê chỗ quả dựa Khổ-đế mà khởi, cho nên phải dùng lối tu riêng theo pháp Quán Không và quán “chẳng phải Ta” để đối trị nó.

Vì quả khổ là cảnh thuộc khổ-đế, nên Nghi và ba kiến Thân, Biên, Tà, mê lý khổ ắt gần; Kiến-thú và Giới-thủ chấp ba kiếp đó, chấp Giới-cấm và chỗ Uẩn dựa có công năng thanh tịnh hơn hết, đối với mình, với người và quyền thuộc, tùy theo cái thấy mà khởi Tham, giận, khinh, cho nên hai thủ và tham, giận, khinh mà mê lý khổ ắt xa.

Tương-ung vô minh (một phần si) với chín món nói trên (Nghi và ba kiến Thân, Biên, Tà với hai Thủ và Tham, Sân, Mạn) đồng có chỗ mê gần hay xa, gọi là Bất cộng vô minh.

Mê lý khổ gần, thì 10 món đó thông mê nghĩa khổ. Nghi và Tà-kiến mê gần ba đế Tập, Diệt, Đạo. Hai Thủ và Tham, Sân, Mạn, v.v... căn cứ vào khổ-đế nên biết mê Tập, Diệt, Đạo-đế thì cũng là xa. Nhưng Sân cũng có thể mê gần Diệt-đế, Đạo-đế, vì do sự khiếp sợ Diệt-đế, Đạo-đế, mà sanh ra ganh ghét. Đó là thô tướng của thực trạng mê Chân-lay gần, xa.

**Thích:** Đây là phê phán hai chỗ dứt của hai địa vị kiến đạo và tu đạo, lại nói rõ: sự mê Chân-lý cũng có chung có riêng, có gần có xa vậy.

“Đối với mình, với người ... thấy v.v...” là: khởi Tham là thấy mình, khởi giận là thấy người, khởi khinh là nhìn lại quyền thuộc vậy.

**Nghĩa:** Uyển chuyển theo nghĩa vi-tế mà nói thì nếu là ba món Tham, Sân, Mạn, do Nghi cùng khởi với năm kiến thuộc Hoặc phân biệt mà sanh, thì theo lý phải là chỗ dứt của địa vị kiến đạo; nếu là kiến thân, biên câu-sanh, và Ái, Mạn, Vô-minh tương-ung với hai kiến đó, thì năm

món này tuy mê khổ-đế, nhưng bởi chúng vi tế, khó dứt, nên phải đến địa vị Tu-đạo mới dứt được. Lại có món Sân và các món như Ái, v.v... mê sự riêng mà sanh thì chẳng trái với sự quán Chân-lý, cho nên cũng là chỗ dứt của địa vị Tu-đạo.

**Thích:** Đây là phê phán kỹ hai chỗ dứt: "... do Nghi cùng khởi với năm kiến" là: bởi có Nghi tương-ung với năm kiến, nên mới sanh khởi Tham, Sân, Mạn vậy.

### ***Theo Cảnh đặt tên***

**Nghĩa:** Tuy các phiền não đều có tướng phân, nhưng bản chất của chúng nương gởi thì khi có, khi không: tức gọi là: phiền não duyên có sự, duyên không có sự. Phiền não có tướng phân làm cảnh sở duyên gần, tuy đều là hữu-lậu, nhưng bản chất mà nó nương gởi lại thông vô lậu, tức gọi là: phiền-não duyên hữu-lậu, duyên vô-lậu.

Duyên cảnh địa tự khởi thì tướng phân của phiền não ấy giống với bản chất, gọi là duyên "phân biệt". Sự-cảnh sở-khởi duyên Diệt-đế Đạo-đế và cảnh-địa của người khác sở-khởi, thì tướng phân của phiền não ấy, chẳng giống với bản-chất của nó, nên gọi là duyên "danh-cảnh sở-khởi phân-biệt", bởi nó chỉ có danh tự chứ không có chất ảnh.

**Thích:** *Bản chất của chúng nương gởi khi có khi không* là: duyên hiện cảnh ắt có bản chất có thể nương gởi; duyên quá khứ, vị lai ắt không có bản chất có thể nương gởi.

*Sở-duyen gần đều hữu lậu* là: vì Tâm năng biến (hay thay đổi) là phiền não, thì tướng phân sở-biến nhất định chỉ có hữu-lậu.

*Bản chất mà nó nương gởi lại thông vô lậu* là: hoặc nó duyên hai đế Diệt, Đạo; hoặc nó duyên Phật, Pháp, Tăng, mà khởi Si, Nghi, Tà kiến và Sân, Mạn, v.v...

Hiện tiền một niệm chẳng khởi phiền não ắt xong. Trong 10 món phiền não, tùy trường hợp khởi một món nào, đều có tướng phân; đã có tướng phân, tức có kiến phần. Đã có hai phần kiến, tướng tức có tự-chứng và Chứng tự-chứng phần, là đủ bốn phần. Trong bốn phần này, tướng-phần thuộc sắc, ba phần kia thuộc danh: hai chữ *danh, sắc* thâm hết thảy các pháp, tức không có gì chẳng hết.

Lại, Kiến-phần ắt thông ba lượng; tự-chứng và chứng tự-chứng chỉ là hiện lượng.

Lại nữa, bốn phần ấy hoặc thu về ba, vì phần thứ tư nhận vào phần tự-chứng; hoặc thu về hai, vì ba phần sau đều là tánh Năng-duyen; hoặc thu về một, vì thế không riêng, ắt tánh của phiền não này có thể nghĩ bàn hay chẳng có thể nghĩ bàn?

Lại phiền-não này đã hay duyên sự, thì cũng hay duyên vô sự; đã hay duyên hữu-lậu thì cũng hay duyên vô-lậu; đã hay duyên sự-cảnh thì cũng hay duyên danh-cảnh, ắt pháp nào chẳng đủ, pháp nào chẳng tạo?

Lại hay duyên hữu-lậu tự địa, tha địa, ắt thâm hết pháp-giới sáu phạm; hay duyên vô-lậu, ắt thâm hết pháp-giới bốn thánh; hay duyên hữu sự, ắt nhiếp hết 10 giới hiện tại; hay duyên vô sự ắt thu hết 10 giới quá khứ, vị lai: có thể nói là: quốc độ nhiều như số bụi nhỏ, tự tha chẳng cách một đầu sợi lông; 10 đời xưa nay, trước sau không rời đương niệm. Ai gọi thực-tánh phiền-não tức Phật tánh hay chẳng phải Phật tánh?

### ***So sánh, kết luận***

**Nghĩa:** Phân biệt các môn, nên suy tư như lý.

**Thích:** Đây chính là muốn cho mọi người tiếp xúc rộng rãi khắp các loại, tức nơi phiền não

thấy lý pháp-giới vậy.

## D. Giải thích Tuỳ Phiền-não

### 1. Nêu tụng

**Nghĩa:** Đã nói xong tướng của sáu món phiền-não căn-bản. Còn các món Tuỳ phiền-não, tướng của nó ra sao? Tụng nói:

*Tuỳ phiền-não là: Phẫn  
Hận, phú, não, tật, xan  
Cuồng, siểm, cùng Hại, kiêu  
Vô tâm và Vô quý  
Trạo cử với Hôn trầm  
Bất tín và Giải đãi  
Phóng dật cùng Thất niệm  
Tán loạn, Bất chánh tri*

### 2. Dùng luận giải thích

#### a. Chánh thích văn tụng

##### 1) Lược thích tên chung

**Nghĩa:** Luận nói: bởi chúng chỉ là phần vị sai khác của Phiền-não Căn-bản, và là tánh đẳng-lưu nên gọi là Tuỳ phiền-não. 20 món này chia làm ba thứ là:

- 10 món, như Phẫn, v.v..., vì mỗi món khởi riêng nên gọi là Tiểu Tuỳ phiền-não;
- hai món Vô-tâm, Vô quý, vì bất-thiện cùng khắp nên gọi là Trung Tuỳ phiền-não;
- tám món như Trạo-cử, v.v..., vì cùng khắp nhiễm tâm, nên gọi là Đại Tuỳ phiền-não.

**Thích:** *Phần-vị sai khác* chỉ chỗ không có tự-thể. *Tánh đẳng-lưu* chỉ chỗ có tự-thể. *Bất-thiện* tức là ác vậy. *Nhiễm tâm* tức tâm ác và hữu-phú vô-ký.

##### 2) Giải thích rộng tướng riêng

##### (a) Giải thích 10 Tiểu-tuỳ

#### **Phẫn**

**Nghĩa:** *Phẫn* là oán giận, tức đối cảnh trước mắt, thấy chẳng có thể bao dung được nên phát lòng oán giận là tánh của nói; nghiệp của nó là hay chướng ngại “bất phẫn” và ý-lại vào phương tiện. Nghĩa là: kẻ ôm lòng oán giận hay bày tỏ sự bao ác bằng hành động của thân nghiệp. Nó lấy một phần của Giận-ghét làm thêm, và lìa Sân thì không có dụng tướng của Phẫn riêng.

**Thích:** *Bày tỏ sự bạo ác bằng hành động của thân-nghiệp* là: ác tướng cầm binh khí gây gộc để chiến đấu với nhau. Một buổi sáng oán giận, quên mình và người thân, kết họa rước kẻ thù, chớ cho đó là thái quá, cho nên trước phải nói rõ về Phẫn.

#### **Hận**

**Nghĩa:** *Hận* là thế nào? – *Hận* là hờn giận bức bội, tức sau khi Phẫn, trong lòng giữ niệm ác chẳng buông xả: tánh của nó là kết oán; nghiệp của nó là hay chướng ngại “bất hận” và làm cho buồn phiền bức bội. Nghĩa là: kẻ kết hận chẳng có thể chịu đựng sự nhẫn nhịn, vì hằng phiền bức. Nó cũng lấy một phần của giận ghét làm thể, vì lìa Sân thì không có dụng-tướng của Hận

riêng.

**Thích:** Chẳng nhớ ác xưa, oán thì dùng sự trông mong; ôm hận chẳng thả, kẻ có tội chỉ làm phiền khổ cho mình mà thôi.

### **Phú**

**Nghĩa:** *Phú* là thế nào? – Phú là che giấu, tức đối với tội ác tự tạo, sợ mất danh dự và lợi dưỡng, khiến phải che giấu là tánh của nó; Nghiệp của nó là hay chướng ngại “bất phú”, sau tất có hối tiếc buồn khổ. Nghĩa là: kẻ che giấu lỗi mình, sau tất có hối tiếc buồn khổ chẳng được yên ổn.

Có thuyết nói: Phú này là một phần thuộc Si. Luận chỉ nói: vì một phần của Si này chẳng sợ quả khổ về sau nên che giấu tự tội.

Có thuyết nói: Phú này phải là một phần thuộc tham, si; cũng vì sợ mất lợi dưỡng, danh dự mà che giấu tự tội. Luận một căn cứ vào sự thô hiển chỉ nói một phần si, như nói Trạo-cử là một phần của Tham, nhưng lại nói Trạo-cử cùng khắp các nhiễm tâm, chẳng có thể chấp nó chỉ là một phần của Tham được.

**Thích:** Tội không có lớn nhỏ, phát lộ rồi ắt biến mất; che giấu ắt lớn thêm, thí như gốc cây bày ra ắt cây khô, vùi xuống đất ắt cây tốt. Bởi thế, kẻ có trí tuệ phát lộ sám hối, có thể nhân tội nặng mà ngộ vô-sanh; còn nhưng người ngu si tham tiếc che giấu, mỗi Nhân tội nhỏ chiêu cảm khổ lớn. *Kinh Đại Nhật Đảnh* nói: Bò-tát quán Phú như đội núi cao, lội vào biển lớn; kẻ Sĩ tu tâm, khá chẳng cần thận sao?

### **Não**

**Nghĩa:** *Não* là thế nào? – Não là buồn phiền, tức trước có Phẫn, Hận, sau theo đuổi việc đã qua, tiếp xúc với hiện tại, thấy tình cảnh ngang trái, sanh bức rức trong lòng: đó là tánh của nó. Nó hay chướng ngại “bất não” và lấy sự châm chích làm nghiệp. Nghĩa là: nhớ việc ác đã qua, trước nghịch duyên hiện tại, lòng thấy ngang trái bức dọc, phát lời thô ác, châm chọc tha nhân. Nó cũng lấy một phần của giận ghét làm thể, vì lìa Sân thì không có dụng tướng của Não riêng.

**Thích:** Con rắn, con rắn biết cắn, chích, đưa nọc độc vào làm hại người; món Não hoặc này khởi nghiệp ác khẩu độc hại hơn rắn hổ mang cho đến sau khi chết, thọ thân trùng độc, không có thời hạn thoát khỏi ác quả. Người tu tâm nên lấy đó mà răn mình.

Lại, Phẫn Hận Não đều lấy Sân làm thể; Phẫn thì duyên hiện tại; Hận thì duyên quá khứ; Não thì theo đuổi quá khứ, mà tiếp xúc với hiện tại. Phẫn phát thân nghiệp; Hận chuyên tại ý; Não phát khẩu nghiệp: đó là ba loại tướng sai khác.

### **Tật**

**Nghĩa:** *Tật* là thế nào? – Tật là ganh ghét, tức thuận theo danh lợi của mình, chẳng chịu nhường nhịn cái hưng thịnh của người, ghen ghét ganh gai với cái tốt là tánh của nó. Nghiệp của nó là lo lắng, làm chướng ngại sự “bất tật”. Nghĩa là: kẻ ganh ghét với cái tốt, nghe thấy người khác được hưng thịnh về vang thì ôm lòng lo lắng sâu đậm nên chẳng được yên ổn. Tật cũng lấy một phần của giận ghét làm thể, vì lìa sân thì không có dụng-tướng của Tật riêng.

**Thích:** *Kinh Đại-Thừa* lý thú nói rằng: sự giàu sang của người ta đều là do cái phước vốn có từ trước mà sanh, lấy cái tham lam ganh ghét của ta há có thể xâm đoạt được sao?

Nếu chẳng dứt lòng ganh ghét thì thường phải chịu bần cùng, không hồi phục được uy lực.

Đối với sự giàu sang của người khác, nếu có thể khởi tâm tùy hỷ (để lòng vui theo) chẳng bỏ một chút nào, thì đạt được công đức lớn.

### **Xan**

**Nghĩa:** *Xan* là thế nào? – *Xan* là bòn xén, keo kiệt, tức vui đấm của cái, chẳng có thể dùng Trí mà buông bỏ; tánh của nó là quý trọng của cái một cách kín đáo; nghiệp của nó là hẹp hòi, không chức được bao nhiêu. Có nghĩa là: kẻ bòn xén, hẹp bụng, ưa dồn chứa của cái, chẳng có thể buông bỏ dễ dàng. Nó lấy một phần tham ái làm thể, vì lia tham thì bòn xén không có dụng tướng riêng.

**Thích:** Bòn xén của cái thì đời đời nghèo khó; bòn xén hiểu biết thì kiếp kiếp ngu tối: chẳng khá chẳng tự răn mình sao?

### **Cuồng**

**Nghĩa:** *Cuồng* là thế nào? – *Cuồng* là dối gạt, tức giả bộ bày tỏ có đức hạnh để được tiếng khen vào lợi lộc; tánh của nó là giả dối để lừa người; nghiệp của nó là: hay chướng ngại “bất cuồng” sống theo tà đạo. Nghĩa là: kẻ giả bộ để dối gạt thì lòng âm mưu khác mà sự việc phô bày phần nhiều chẳng phải là thực, vì sống theo tà thuyết. Nó lấy một phần của tham sai làm thể, vì lia hai món Tham Si ra thì “dối gạt” không có dụng tướng riêng.

**Thích:** Một thân ăn mặc, nhu cầu có bao nhiêu mà làm việc dối gạt, chiêu vô lượng tội, như bốn người phu khiên kiệu cho Mạt-lợi phu nhân<sup>7</sup>, khi biết rõ nguyên nhân kiếp trước đã chiêu cảm quả báo ấy, há chẳng khiến cho lòng người run sợ hay sao?

### **Siểm**

**Nghĩa:** *Siểm* là thế nào? – *Siểm* là dua nịnh, tức giả bộ vì tha nhân mà nói những điều họ không có; tánh của nó là giả làm những dáng-cách cong vạy độc hại; nghiệp của nó là hay chướng ngại “bất siểm”, làm trở ngại mọi việc răn dạy. Nghĩa là: kẻ dua nịnh cong vạy, giả bộ vì người nói những điều không có, giả tạo phương tiện không ngay thực cho thuận thời nghi, để bảo thủ ý cho người, hay che giấu lỗi của mình, chẳng khứng nhận sự răn dạy của thầy bạn. Nó cũng lấy một phần tham si làm thể, vì lia tham si ra thì dua nịnh không có dụng tướng riêng.

**Thích:** Tâm ngay thẳng là đạo-tràng; tâm cong vạy dua nịnh thì trái với đạo cho nên chẳng khứng nhận sự răn dạy.

### **Hại**

**Nghĩa:** *Hại* là thế nào? – *Hại* là đối với các hữu-tình, tâm chẳng từ-bi thương xót, lại làm tổn hại, buồn phiền: đó là tánh của nó, nghiệp của nó là hay chướng ngại “bất hại”, buộc ép phải buồn khổ. Nghĩa là: kẻ có tâm “hại” ép buộc người khác phải chịu buồn giận khổ sở. Nó cũng lấy một phần của “giận ghét” làm thể, vì lia Sân thì không có dụng tướng riêng của *Hại*. Tướng riêng của *Sân* *Hại* thì nên căn cứ theo *Thiện* mà nói.

**Thích:** Không *Sân* thì gọi là *từ*, chẳng *Hại* gọi là *bi*, cho nên không *Từ* tức *Sân*, không *Bi* tức *Hại* vậy. *Hại* chướng ngại đạo là *Bồ-đề*, chiêu quả báo rất khổ, ép buộc người bị tổn hại, cuối cùng làm cho tổn hại chính mình. Thật đáng thương thay.

### **Kiêu**

---

<sup>7</sup> Tích này được trích từ kinh *Quán Phật Tam-muội hải*, nên tìm đọc để biết.

**Nghĩa:** *Kiêu* là thế nào? – *Kiêu* là đối với sự việc hưng thịnh của mình, sanh tâm đắm nhiễm sâu đậm, rồi tỏ ra kiêu ngạo đối với người: đó là tánh của nó; nghiệp của nó là hay chướng ngại “bất kiêu”, đắm nhiễm chỗ dựa. *Nghĩa* là: kẻ kiêu căng làm sinh ra và lớn lên hết thấy các pháp tạp-nhiễm. Nó cũng lấy một phần của *Tham Ái* là thế, vì lìa *Tham* thì không có dụng tướng riêng của *kiêu*.

(b) Giải thích Hai Trung-tuỳ

▪ Giải thích riêng

**Vô tâm**

**Nghĩa:** *Vô tâm* là thế nào? – *Vô tâm* là không biết tự thẹn, tức chẳng quay nhìn tự pháp của mình, khinh chống việc hiền lành là tánh của nó; nghiệp của nó là hay chướng ngại “tự thẹn”, làm cho ác hạnh sinh trưởng. *Nghĩa* là: đối với tự pháp thì không hề nhìn lại, còn khinh bỉ chống đối các sự việc hiền lành, chẳng biết xấu hổ vì các việc ác đã qua; nó chướng ngại lòng “tự thẹn”, làm cho ác hạnh sanh ra và lớn lên.

**Thích:** Quay nhìn tự pháp là tôn trọng phần thiêng liêng của mình. Chẳng quay nhìn tự pháp, tức tự chống đối, tự bỏ vậy.

**Vô quý**

**Nghĩa:** *Vô quý* là thế nào? – *Vô quý* là không biết xấu hổ với người đời, tức chẳng thềm nhìn thế gian, coi trọng việc bạo ác là tánh của nó; nghiệp của nó là hay chướng ngại “quý”, làm cho ác hạnh sanh trưởng. *Nghĩa* là: đối với thế gian, không hề lưu tâm đến, lại còn xem trọng việc bạo ác, chẳng biết xấu hổ với việc ác đã qua. Nó chướng ngại “quý” làm sinh trưởng các ác hạnh.

**Thích:** “Nhìn thế gian” là chú ý đến sự chệch bại, ngờ vực, hay tiếc rẻ, ủng hộ của người đời. Chẳng nhìn thế gian, tức cam chịu người thấp kém.

▪ Phân biệt chung

**Nghĩa:** Chẳng biết xấu hổ đối với việc ác đã qua là thông tướng của hai món *Vô tâm*, *Vô quý* cho nên các Thánh-giáo giả nói đó là cái thể của hai món ấy nếu chấp “chẳng xấu hổ” làm hai tướng riêng, ắt hai thể ấy phải không có sai khác. Do đó, hai pháp phải chẳng “cùng sanh”, chẳng phải như Thọ, Tướng, có nghĩa đẳng-lưu vậy. Nếu phải đợi “tự, tha” mới lập riêng hai pháp, ắt hai pháp chẳng phải thực có, thì lại trái với Thánh-giáo. Nếu chấp nhận hai món thực có mà riêng khởi, lại trái với luận nói hai món đều cùng khắp tâm ác, vì tâm bất thiện lúc duyên theo cảnh nào cũng đều có nghĩa khinh chống thiện và quý trọng ác, cho nên hai pháp này dùng khắp tâm ác, chỗ duyên theo chẳng khác, không có lỗi riêng khởi.

Nhưng các Thánh-giáo nói, chẳng quay nhìn “tự, tha” là nói: tự tức tự pháp; tha tức thế-gian; hoặc nói: trong việc chống thiện, trọng ác, vì đối với mình có ích lợi hay tổn hại, nên nói “tự tha”. Nhưng luận nói: Chúng là một phần của *Tham*, chẳng phải nói: *Tham* là tánh của chúng, mà nói: chúng giúp cho *Tham*, v.v... có tánh đẳng-lưu vậy.

**Thích:** Phản đối việc lành, ắt cho là việc lành vô ích đối mình nên gọi là “chẳng quay lại nhìn mình”. Quý trọng điều ác, ắt cho là điều ác làm tổn hại mình thì cũng làm tổn hại được người, nên gọi là “chẳng nhìn đến người”.

“*Tham*, v.v...” là: *Tham*, *Sân*, *Si*; do *Vô-tâm*, *Vô-quý*, khiến ba món ấy đều được sanh trưởng, giúp thành *Tham*, v.v... là các món đẳng lưu, cho nên *Vô-tâm*, *Vô-quý*, được gọi là pháp

ác: không biết tự thẹn, không biết xấu hổ đối với người thì chẳng khác chi cầm thú.

### (c) Giải thích Tám Đại-tuỳ

#### ***Trạo cử***

**Nghĩa:** *Trạo cử* là thế nào? – Trạo-cử là xao động, tức khiến cho tâm chẳng vắng lặng đối với cảnh: đó là tánh của nó; nghiệp của nó là hay chướng ngại hành “Xa3” xa-ma-tha.

Có thuyết nói: Trạo-cử thuộc về một phần Tham. Luận chỉ nói: nó là thành phần của Tham, vì nó do sự nhớ lại cảnh sướng xưa mà sanh.

Có thuyết nói: Trạo-cử chẳng phải chỉ thuộc về Tham, vì Luận nói: Trạo-cử cùng khắp tâm nhiễm. Lại nữa, tướng của Trạo-cử là “chẳng vắng lặng”, nên nói nó thuộc cộng tướng của phiền não, vì lìa cộng tướng phiền não ấy thì trạo-cử không có tướng riêng. Tuy là dựa vào hết thấy phiền não mà giả lập, nhưng bởi làm cho vị Tham thêm lên nên nói là “thành phần của tham”.

Có thuyết nói: Trạo-cử có tự tánh riêng, cùng khắp các tâm nhiễm, như bất-tín, v.v... chẳng phải vì nhân có phần khác mà giả nói, thành ra thế nó không thực. Tuy “bất tín” v.v... chẳng phải cũng là giả có, nhưng luận nói: món Trạo-cử này, vì Thế-tục mà có, vì như “Thụy miên” v.v... tuy có thực thể, nhưng tùy theo tướng Vô-minh của người khác mà nói. Tướng riêng của Trạo-cử là động mạnh, vì có thể khiến cho tâm và tâm-sở câu-sanh chẳng vắng lặng. Nếu lìa các phiền não thì không có tướng riêng của Trạo-cử này, vậy chẳng nên nói riêng là nó chướng ngại “xa-la-tha”. Bởi thế, chẳng vắng lặng chẳng phải là tướng riêng của Trạo-cử.

**Thích:** “Xa-ma-tha” Tàu dịch là Chi, tức làm cho Tâm ngừng lại, không chạy theo các pháp nữa. Giải thích có ba nghĩa, nghĩa thứ ba là chính.

#### ***Hôn trầm***

**Nghĩa:** *Hôn trầm* là thế nào? – Hôn trầm là tinh thần tối tăm nặng nề, tức khiến cho tâm không chịu đựng nhận lãnh đối với cảnh: đó là tánh của nó. Nghiệp của nó là hay chướng ngại sự khinh an Tỳ-bát-xá-na.

Có thuyết nói: Hôn trầm thuộc về một phần Si. Luận chỉ nói: nó là thành phần của Si, vì mờ tối nặng nề là tướng của Si.

Có thuyết nói: Hôn trầm chẳng phải chỉ thuộc về Si; nghĩa là: “không chịu nhận” là tướng hôn trầm, mà hết thấy phiền não đều “không chịu nhận”, vì lìa phiền não, không có tướng chịu nhận, nên không có tướng hôn trầm riêng. Tuy là dựa vào hết thấy phiền não mà giả lập, nhưng tướng Si được thêm lên, nên chỉ nói là thành phần của Si.

Có thuyết nói: Hôn trầm tự tánh riêng; tuy gọi là thành phần của Si, nhưng là Si đẳng lưu, như “bất tín” v.v... chẳng phải tức thuộc Si. Trong luận, theo tướng khác mà nói gọi là “có, theo thế tục”, như thụy miên, v.v... là thực có tánh. Tướng riêng của Hôn trầm là: tối tăm nặng nề, vì có thể khiến cho tâm và tâm-sở câu-sanh không chịu nhận lãnh. Nếu lìa ác phiền não thì không có tướng hôn trầm riêng, vậy chẳng nên nói là nó chướng ngại “Tỳ-bát-xá-na”. Bởi thế, không chịu nhận lãnh chẳng phải là tướng riêng của Hôn trầm. Nó với tướng Si có sai khác là:

- tướng Si mê mờ đối với Cảnh; chính nó chướng ngại Vô-si; nhưng nó chẳng tối tăm nặng nề;
- còn tướng Hôn trầm thì tối tăm nặng nề đối với Cảnh; chính nó chướng ngại khinh an, nhưng chẳng mê mờ.

**Thích:** *Tỳ-bát-xá-na* Tàu dịch là Quán, tức xem kỹ. Giải thích có ba nghĩa, nghĩa thứ ba là chính. Tối tăm nên gọi là Hôn; nặng nề nên gọi là Trầm. Hôn trầm khác với Si như trên đã nói.

### ***Bất tín***

**Nghĩa:** *Bất tín* là thế nào? – Bất tín là chẳng tin, tức chẳng chịu muốn được sung sướng với “thực, đức, năng”; tánh của nó là làm cho tâm dơ uế; nghiệp của nó là hay chướng ngại “tịnh tín”, dựa vào sự lười trễ. Nghĩa là kẻ không tin vì có nhiều giải đãi, nên chẳng tin ba tướng người tin phải biết.

Các pháp nhiệm đều có tánh riêng, chỉ có món Bất-tín này, tự tướng nó vẫn đục, lại có thể làm vẫn đục các tâm, tâm-sở, như một vật dơ uế, nó là dơ uế chính nó và làm dơ uế các vật khác, bởi vậy nên nói: tánh nó là làm cho tâm dơ uế, vì do chẳng tinh, nên chẳng chịu muốn sung sướng với “sự thực, đức hạnh và tài năng”, chứ chẳng phải là chẳng chịu muốn sung sướng được có tự tánh riêng. Nếu đối với các sự việc khác mà chịu muốn sung sướng và vậy thì Nhân-Quả của món Bất-tín này chẳng phải là tự tánh của nó.

**Thích:** Nếu người có Nghi thì còn có thể sanh niềm Tin. Nếu thẳng thừng chẳng tin thì Phật của cũng biết làm sao, cho nên gọi Bất-tín là rất dơ đục.

### ***Giải đãi***

**Nghĩa:** *Giải đãi* là thế nào? – Giải đãi là lười trễ trong việc tu dứt các phẩm thiện, ác; đó là tánh của nó; nghiệp của nó là hay chướng ngại sự tinh tấn, làm cho tâm càng thêm bị nhiễm ô. Nghĩa là: người lười trễ làm cho sự nhiễm ô càng sanh lớn; đối với các sự nhiễm mà thực giục sự tiến triển cũng gọi là giải đãi, vì nó làm cho pháp lành thối lui. Nếu đối với các phẩm thiện, vì ký mà thúc giục sự tiến triển, tức đối với các phẩm thiện, vì không có tiến thối, nên thuộc về Dục thắng-giải, chẳng phải riêng có tự tánh; dụ như đối với sự việc vô-ký mà đành chịu nhẫn thì có thể muốn sướng được: nó chẳng tịnh, chẳng nhiễm, không tin, không chẳng tin, nên biết là: nó chẳng tinh tấn, cũng chẳng giải đãi.

### ***Phóng dật***

**Thích:** *Phóng dật* là thế nào? – Phóng dật là buông lung, tức đối với các phẩm nhiễm, tịnh, nó chẳng có thể đề phòng hay tu tập, mà lại buông thả, chẳng kèm giữ gì cả: đó là tánh của nó; nghiệp của nó là dựa vào sự làm tăng thêm việc ác, làm tổn hại việc lành, chướng ngại cho sự “bất phóng dật”. Nghĩa là: do lười trễ và tham, sân, si, nên chẳng có thể đề phòng, tu tập các pháp nhiễm, tịnh: gọi chung là “buông lung”, chẳng phải nó có tự thể riêng. Tuy Mạn, Nghi, v.v... cũng có thể làm vậy, nhưng không có bốn pháp Tham, Sân, Si, Giải đãi thì thể lực, công dụng của nó nhỏ nhất, yếu kém chỉ có bốn pháp ấy mới chướng ngại ba thiện căn và chướng ngại sự thúc giục phải thay đổi.

Suy cứu tướng của Phóng dật thì có thể so sánh để biết Bất phóng dật cũng không có tướng riêng.

### ***Thất niệm***

**Nghĩa:** *Thất niệm* là thế nào? – Thất niệm là không nhớ, tức đối với các cảnh sở-duyen, chẳng có thể nhớ rõ: đó là tánh của nó; nghiệp của nó là dựa vào sự tán loạn, làm chướng ngại cho “chánh niệm”. Có nghĩa là: người không nhớ thì tâm tán loạn.

Có thuyết nói: không nhớ, tức là thuộc một phần của nhớ, là cái nhớ tương-ưng với phiền não.



Có thuyết nói: không nhớ là thuộc một phần của Si, vì luận Du-già nói: thất niệm là thành phần của Si, bởi Si khiến không nhớ, nên gọi là “thất niệm”.

Có thuyết nói: không nhớ là thuộc một phần của “niệm cùng Si”, vì do ảnh hưởng của hai thuyết trên, nay chỉ nói tóm lại. Luận lại nói: món “thất niệm” này cùng khắp tâm nhiễm ô.

**Thích:** Có ba nhà giải thích. Lại cũng nhà thứ ba là chánh.

### **Tán loạn**

**Nghĩa:** *Tán loạn* là thế nào? – Tán loạn là tâm bị phân tán rối loạn, tức cảnh của tâm nương theo trôi nổi tự do, không có sự kèm chế nào cả: đó là tánh của nó; nghiệp của nó là làm chỗ dựa cho ác huệ, hay chướng ngại “chánh định”. Nghĩa là: người có tâm “tán loạn” thì ác huệ phát.

Có thuyết nói: tán loạn là thuộc về một phần của Si, vì luận Du-già nói: nó là thành phần của Si.

Có thuyết nói: tán loạn thuộc về Tham, Sân, Si, vì Tập-luận v.v.... nói: nó có ba phần đó. Du-già nói: nó là thành phần của Si, cùng khắp tâm nhiễm ô, nghĩa là: tham, sân, si, khiến tâm trôi nổi, phóng túng hơn các pháp khác, nên nói là “tán loạn”.

Có thuyết nói: tán loạn có tự thể riêng. Sở dĩ Tập-luận nói: nó có ba phần, đó là chỉ ba món Tham, Sân, Si đẳng lưu, như “Vô-tâm, v.v...” chẳng phải nói nó thuộc Tham, Sân, Si; bởi chỉ tùy theo tướng khác mà nói, gọi là “có, theo thể tục”.

Tán loạn có tự tướng riêng là: xao động, quấy rối, khiến hco tâm và tâm-sở cùng sanh với nó đều trôi nổi phóng đảng. Nếu lìa ba pháp Tham Sân Si, không có tự thể của tán loạn riêng, thì chẳng nên nói riêng là: nó chướng ngại Tam-ma địa.

**Thích:** Cũng lấy nghĩa của nhà thứ ba làm nghĩa chánh. Ác huệ là: chọn lựa tà vạy. Tam-ma địa tức là Chánh-định.

**Nghĩa:** Hỏi: *Trạo-cử, Tán-loạn*, hai món tác dụng khác nhau như thế nào?

Đáp: Trạo-cử khiến thay đổi sự hiểu biết (giải). Tán loạn khiến thay đổi cảnh nương theo (duyên). Giải thuộc khả năng; duyên thuộc hình thức. Tuy trong một sát-na, Giải và Duyên không thay đổi, nhưng khi nối tiếp nhau thì có nghĩa thay đổi.

Hỏi: Lúc tâm bị nhiễm ô, do sức của Trạo-cử và Tán-loạn, khiến thường phải thay đổi tâm-năng và tâm-cảnh trong từng tâm niệm, tại sao có lúc tâm vẫn chuyên chú vào một cảnh?

Đáp: Tại do sức của Niệm, v.v.... cai quản, khắc phục, như loài khi, vượn có lúc tạm thời dừng lại, chẳng chuyên cảnh. Trạo-cử và Tán-loạn đều cùng khắc tâm nhiễm ô.

**Thích:** Đây là lần thứ hai hỏi, đáp để giải nghi:

- lần thứ nhất nói: Trạo-cử có tác dụng riêng. “Dịch giải” là thay đổi cái tâm năng-tri, tức khả năng hiểu biết, “dịch duyên” là thay đổi cảnh sở-duyên, tức hình thái của cảnh do tâm nương theo;
- lần thứ hai: phần giải nghi có thể hiểu được.

### **Bất chánh tri**

**Nghĩa:** *Bất chánh tri* là thế nào? – Là chẳng có sự hiểu biết đúng đắn, tức đối với cảnh được xem xét, có sự hiểu biết sai lầm: đó là tánh của nó; nghiệp của nó là làm hư hoại và xâm phạm nhiều chỗ; thường làm chướng ngại “chánh tri”. Nghĩa là: người chẳng hiểu biết đúng đắn

hay làm hư hoại và xúc phạm nhiều chỗ.

Có thuyết nói: Bất chánh tri thuộc về một phần của Huệ, vì nói phiền não tương-ung Huệ.

Có thuyết nói: Bất chánh tri thuộc một phần Si, vì luận Du-già nói: nó là thành phần của Si, khiến biết chẳng đúng, gọi là “Bất chánh tri”.

Có thuyết nói: Bất chánh tri là thuộc về một phần của Huệ, cùng Si, vì do ảnh hưởng của hai thuyết trên, nay nói tóm lại. Luận nói: nó cùng khắp tâm nhiễm ô.

**Thích:** Cũng nghĩa thứ ba là chính.

### □ Giải thích “vói, cùng, và”

**Nghĩa:** Trọng Tụng, các tiếng “vói, cùng, và” bày tỏ Tuỳ phiền não chẳng chỉ có 20, vì nói về tạp-sự v.v... thì có nhiều loại Tuỳ phiền-não, như Tham, v.v... Nên biết: danh từ *Tuỳ phiền-não* cũng thay thế cho *Căn bốn phiền-não*, vì nó là tánh đẳng-lưu trước căn-bốn phiền-não. Nếu phiền não đồng loại với các pháp nhiễm ô kh1c, ắt chỉ có thể gọi là Tuỳ phiền não, vì chẳng phải thuộc căn-bốn phiền-não.

**Thích:** *Phiền não đồng loại với các pháp nhiễm ô khác* như là: Hối, Miên, Tâm, Tư, v.v... các pháp hữu phú vô ký.

**Nghĩa:** Nhưng nay chỉ nói 20 Tuỳ phiền-não, vì chẳng phải là căn bốn phiền não; lại vì chỉ là thô nhiễm chẳng đồng với Hối, Miên, v.v... thông với các pháp thiện và các pháp vi tế. Các pháp thô nhiễm này hoặc tức là phần vị, hoặc là pháp đẳng-lưu của chúng, đều thuộc về 20 món đó, tùy theo từng loại riêng mà nên biết như lý.

### b. Phân biệt các môn

#### 1) Môn, giả, thực

**Nghĩa:** Như vậy, trong số 20 Tuỳ phiền-não, có 10 món Tiêu, ba món Đại: nhất định là giả có; Vô-tâm, Vô-quý, Bất-tín, Giải-đãi: nhất định là thực có, vì Giáo lý đã lập nên; còn ba món Trạo-cử, Hôn-trầm, Tán-loạn thì có thuyết cho là giả, có thuyết cho là thực, như giáo lý đã dẫn trước đây: nên biết như thế.

**Thích:** Ba món Đại Tuỳ giả-có là: Phóng-dật, Thất-niệm, Bất chánh-tri.

#### 2) Môn: Phân-biệt, Câu-sanh

**Nghĩa:** 20 món đều thông với Câu-sanh, Phân-biệt, vì tùy theo thể lực của hai loại Căn-bốn phiền-não là Câu-sanh hay Phân-biệt mà khởi.

#### 3) Môn: Tương-ung Tự-loại

**Nghĩa:** Trong 20 món Tuỳ phiền-não này, thì:

- 10 món Tiêu-tuỳ xoay vần, nhất định chẳng cùng khởi, vì trái ngược nhau, vì hành tướng mạnh, thô, mỗi món đều làm chủ;
- hai món Trung-tuỳ cùng khởi với hết thảy các tâm chẳng lành; tùy theo chỗ chúng ứng hợp với các pháp chẳng lành mà đều được cùng khởi với các món Tiêu-tuỳ, Đại-tuỳ.
- tám món Đại-tuỳ; Luận nói: chúng cùng khắp các tâm nhiễm ô; chúng xoay vần, đều nhận chịu cùng khởi với các món Tiêu-tuỳ, Trung-tuỳ. Có nơi nói: Đại-tuỳ có sáu món cùng khắp tâm nhiễm ô, còn hai món Hôn-trầm và Trạo-cử, lúc tăng thêm thì chẳng cùng khởi.

**Thích:** Hôn-trầm thêm nhiều ắt không có Trạo-cử; Trạo-cử thêm nhiều ắt không có Hôn-trầm. Bởi thế nên nói: hai pháp ấy chẳng cùng khắp tâm nhiễm ô, mà chỉ có sáu pháp cùng khắp.

**Nghĩa:** Có nơi nói: Chỉ có năm món Đại-tuỳ cùng khắp tâm nhiễm ô, vì Hôn-trầm, Trạo-cử, v.v.... trái với tâm “duy thiện”.

**Thích:** Hôn-trầm, Trạo-cử, Bất-tín, Giải-đãi, Phóng-dật: năm pháp, chỉ không có trong tâm thiện; nhưng đều có trong tâm chẳng thiện và hữu-phú vô-ký, nên nói năm “cùng khắp”.

Hai pháp: Vọng-niệm, Bất chánh-tri, nếu lấy một phần Si làm tánh thì cùng khắp tâm nhiễm ô; nếu lấy mộ phần Niệm, Huệ, làm tánh, ắt chẳng cùng khắp tâm nhiễm ô.

Còn một pháp Tán-loạn, tuy thông với Bất-thiện và Hữu-phú vô-ký, nhưng có lúc nó bị kèm chế khắc-phục, nên cũng nói: nó chẳng cùng khắp vậy.

#### 4) Môn cùng khởi với các Thức

**Nghĩa:** Vì 20 món Tuỳ phiền-não này chỉ có tánh nhiễm ô nên chẳng cùng khởi với thức thứ tám; trong thức thứ bảy chỉ có tám Đại-tuỳ. Buông giữ sai khác nhau thì nên biết như trên; thức thứ sáu cùng khởi, nhận chịu có tất cả.

Mười món Tiểu-tuỳ thô, mạnh, trong năm thức trước, không có.

Hai món Trung-tuỳ, tám món Đại-tuỳ, thông nhau, năm thức trước nhận chịu có chúng.

#### 5) Môn tương-ung với các Thọ

**Nghĩa:** Do chỗ hai món Trung, tám món Đại, tương đã thông nhau, cho nên chúng được tương-ung với năm Thọ.

Có thuyết nói: trong 10 món Tiểu-tuỳ, trừ ba món Siễm, Cuồng, Kiêu, còn lại bảy món như Phẫn, v.v... chỉ tương-ung với ba thọ: hỷ, ưu, xả; nhưng ba pháp Siễm, Cuồng, Kiêu, lại cùng khởi với bốn Thọ, chỉ trừ khổ thọ.

Có thuyết nói: bảy pháp như Phẫn, v.v... cùng khởi với bốn Thọ, chỉ trừ Lạc-thọ; Siễm, Cuồng, Kiêu cùng khởi với năm Thọ. Ý có khổ khổ-thọ, trước đã nói rồi. Tướng Thọ cùng khởi này, như thuyết nói về phiền-não, thực nghĩa là như vậy.

Nếu tùy theo tướng thô; ắt Phẫn, Hận, Não, Tật, Hại, chỉ cùng khởi với hai thọ Ưu, Xả; hai pháp Phú, Xan, chỉ cùng khởi với hai thọ Hỷ, Xả; còn ba pháp Siễm, Cuồng Kiêu, lại tăng thêm Lạc-thọ. Nếu hai món Trung, tám món Đại, tức tùy theo thô tướng thì cũng như thực nghĩa, chúng được tương-ung với năm thọ.

**Thích:** 10 món Tiểu có hai nghĩa, nghĩa thứ hai là chính. “Thực nghĩa là như vậy” là kết luận: lấy nghĩa thứ hai làm chính. Kế đó, lại theo thô tướng mà lược pháp.

#### 6) Môn tương-ung với Biệt-cảnh

**Nghĩa:** Như vậy, 20 món Tuỳ phiền-não, với năm Biệt-cảnh, đều nhận chịu cùng khởi, vì chẳng trái ngược nhau. Niệm nhiễm, Huệ nhiễm, tuy chẳng cùng khởi với Niệm, Huệ, nhưng vì hai món đó thuộc về một phần Si, cho nên cũng được tương-ung.

**Thích:** Niệm nhiễm tức Thất-niệm. Huệ nhiễm tức Bất chánh-tri.

**Nghĩa:** Niệm cũng nương theo hiện tại và loại cảnh tướng từng quen; Phẫn cũng được nương theo cảnh quá-khứ lâu trong sát-na; cho nên Phẫn với Niệm cũng được tương-ung.

Lúc Định nhiệm ô khởi, tâm cũng bị rối loạn mau lẹ, cho nên Tán-loạn với Định tương-ung, không bị sai quấy.

**Thích:** Đây là giải thích để khắc phục hai câu vặn hỏi. Câu 1 hỏi: Niệm nương theo cảnh từng quen; Phần nương cảnh hiện tại, sao hai món đó tương-ung với nhau được? Câu giải đáp có thể biết. Câu hỏi 2: Định thì không Tán-loạn: sao cùng tương-ung. Câu giải thích cũng có thể biết.

#### 7) Môn tương-ung với Căn-bổn phiền-nã

**Nghĩa:** Hai món Trung, tám món Đại cùng khởi với 10 căn-bản phiền-nã, còn 10 món Tiểu nhất định chẳng cùng khởi với Kiến, Nghi, vì 10 món Tiểu thì thô, nặng, và Kiến, Nghi thì xem xét kỹ lưỡng. *Năm pháp như Phần* v.v... nhận chịu cùng khởi với Mạn, Si, chẳng cùng khởi với Tham, Sân, Si, vì chúng tức là thành phần của Sân.

Xan cùng khởi với Si Man, chẳng cùng khởi với Tham, Sân, vì nó tức là thành phần của Tham.

Kiêu chỉ cùng khởi với Si, vì nó là thành phần của Tham: đối với Mạn, nó thoát riêng.

Phú, Cuống, Siểm được cùng khởi với Tham, Si, Mạn, vì chúng là thành phần của Tham, Si, hành tướng chẳng trái nhau.

**Thích:** *Năm pháp như Phần*, v.v... là: Phần, Hận, Nã, Tậ, Hai. Chúng đã là thành phần của Sân, ở trong một tâm chẳng thể có hai Sân. Và lại, Sân với Tham nhất định chẳng cùng khởi, cho nên chỉ được cùng khởi với Mạn, Si vậy.

Xan là thành phần của Tham, chẳng cùng Tha, Sân, chung khởi. Kiêu cũng là thành phần của Tham, chẳng cùng Tham, San chung khởi, mà nói “đối với Mạn, nó thoát riêng” là vì: Tham khiến tâm thấp kém; Mạn khiến tâm tự cao.

Hỏi: Câu văn trên dùng Kiêu giải thích Mạn, điều này làm sao thông suốt?

Đáp: Văn trước đã nói: Tham với Mạn có thể được tương-ung. Lại nữa, Kiêu lấy cao ngạo làm tánh, mà Ngạo tức là Mạn vậy: người đời thường nói “kiêu ngạo”, cũng nói “kiêu mạn”; điều này căn cứ vào Tiểu-tuỳ tướng thô, chính lúc kiêu căng, chưa hẳn xâm phạm đến kẻ khác, cho nên nói “nó thoát riêng” vậy.

Nói “hành tướng chẳng trái nhau” là: Phú, Cuống và Siểm thuộc thành phần của Tham, chẳng trái với Si; Phú, Cuống và Siểm thuộc thành phần của Si cũng chẳng trái với Tham, Mạn vậy.

#### 8) Môn thuộc ba tánh

**Nghĩa:** Bảy món thuộc Tiểu-tuỳ và hai món Trung-tuỳ chỉ thuộc tánh chẳng thiện; ba món thuộc Tiểu-tuỳ và tám món Đại-tuỳ lại thông với tánh hữu-phú vô-ký.

**Thích:** Bảy món thuộc Tiểu-tuỳ là: Phần, Hận, Phá, Nã, Tậ, Xan, Hai: năm món (Phần, Hận, Nã, Tậ, Hại) thuộc Sân nên chỉ có tánh Bất-thiện; Phú bao gồm Tham, Si, làm cho tội dơ thêm lớn cho nên chỉ có tánh Bất-thiện; Xan-lận thì keo kiệt, rít rắm, làm cho nẻo phước bị lấp kín mãi mãi, cho nên chỉ có tánh Bất-thiện.

Ba món: Siểm, Cuống, Kiêu, nếu cùng khởi với Vô-tâm, Vô-quý, ắt gọi là Ác; nếu chưa đến độ chẳng nhìn lại mình, người, thì còn gọi là Hữu-phú vô-ký.

Tám món Đại-tuỳ, nếu cùng khởi với một trong 10 món Bất-thiện, ắt gọi là Ác, nếu lặng lẽ

xoay chuyển tương-ung với các món phiên-não còn lại thì cũng chỉ gọi là Hữu-phú vô-ký vậy.

9) Môn: Giới hệ, Hiện-khởi, Hổ-duyên

#### ▣ Nói rõ giới hệ (liên hệ các cõi)

**Nghĩa:** Bảy món thuộc Tiểu-tuỳ, hai món Trung-từ chỉ thuộc cõi Dục. Cuồng, Siễm thông hai cõi Dục và Sắc-giới. Còn lại Kiêu và tám món Đại-tuỳ đều thông cả ba cõi.

#### ▣ Nói rõ hiện khởi

**Nghĩa:** Sanh ở địa dưới, nhận chịu khởi 11 món ở địa trên là: tám món Đại và Kiêu, Cuồng, Siễm, vì vui sướng ở Định trên, nên đối với kẻ khác khởi Kiêu, Cuồng, Siễm.

**Thích:** Địa trên không có năm như Phẫn, v.v..., vì không có Sân; cũng không có Phú, Xam, vì không có gì là chẳng lành, cho nên chẳng nói đến các món đó.

**Nghĩa:** Nếu sanh ở địa trên mà khởi 10 món sau là hai món Trung và tám món Đại, là bởi có tà kiến chê bai giải thoát cùng khởi tham ái với hoặc nhuận sanh. Còn 10 món Tiểu-tuỳ, ắt kẻ sanh ở địa trên, không còn khởi tâm dưới, bởi chẳng phải chánh nhuận sanh và chê bai sự tịch diệt.

#### ▣ Nói rõ sự duyên nhau

**Nghĩa:** Hai món Trung, tám món Đại, dưới cũng duyên trên, vì tương-ung với các món Tham, v.v... ở trên duyên theo, mà khởi.

Có thuyết nói: 10 món Tiểu-tuỳ dưới chẳng duyên trên, vì hành tướng chúng nó thô, gần, chẳng giữ xa được.

Có thuyết nói: Tật, v.v... cũng duyên được trên, vì đối với pháp “thắng địa” mà sanh Tật, v.v... tám món Đại và Siễm, Cuồng, trên cùng duyên dưới, vì tương-ung với các món Mạn, v.v... của dưới duyên theo mà khởi, vì đối với Thích-tử, Phạn chúng (các tu sĩ) khởi Siễm, Cuồng.

Kiêu chẳng duyên dưới, vì địa dưới chẳng phải là cảnh để dựa vào mà ý-thị được.

**Thích:** 10 món Tiểu-tuỳ có hai nghĩa, nghĩa sau là lớn.

10) Môn thuộc Học, Vô-học

**Nghĩa:** Cả 20 món đều chẳng phải thuộc bậc Học hay Vô-học, vì 20 món này chỉ là Nhiễm, còn bậc Học hay Vô-học chỉ là tịnh.

**Thích:** Nghĩa như trong Căn-bổn phiên-não đã giải thích (trong mục (8) trên đây).

11) Môn thuộc ba chỗ dứt

**Nghĩa:** 10 món sau chỉ thông với chỗ dứt của hai địa vị Kiến-đạo và Tu-đạo, chứ chẳng phải chẳng có chỗ dứt, vì chúng tương-ung với hai loại Căn-bổn phiên-não (phân biệt và câu sanh) mà khởi.

Chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo là Căn-bổn phiên-não câu-sanh, hoặc chung, hoặc riêng, tùy tho tướng mê Chân-lý, cho nên tùy theo chỗ ứng hợp, đều thông với bốn đế.

Mê Chân-lý gần, xa, v.v... đều như trong Căn-bổn phiên-não đã nói ở mục (9) trên đây.

Có thuyết nói: 10 món trước chỉ là chỗ dứt của địa vị Tu-đạo, vì do duyên theo sự cảnh thô mà lạng lẽ chuyển sanh.

Có thuyết nói: 10 món trước cũng thông với chỗ dứt của hai địa vị Kiến-đạo và Tu-đạo, vì dựa vào thế lực của hai loại Căn-bổn phiền-não mà khởi; vì Ngoại-đạo duyên theo tha-kiến, v.v... sanh Phần v.v...: đó là lý do khiến 10 món cũng thông với chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo vậy. Chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo là sức của Hoặc Căn-bổn duyên chung hay duyên riêng, tùy theo chỗ ứng hợp với nó: nó đều thông với bốn bộ sở thuộc.

Trong vấn đề này, có thuyết nói: Phần, v.v... chỉ duyên theo Hoặc-nghiệp mê Chân-lý mà sanh, chẳng phải mê Chân-lý gần, vì hành tướng thô, cạn, chẳng chấp thủ sâu đậm.

Có thuyết nói: Tật, v.v... cũng mê Chân-lý gần, vì đối với Diệt-đế, Đạo-đế mà sanh Tật, v.v...

**Thích:** 10 món sau, tức hai món Trung, tám món Đại, 10 món trước, tức 10 món Tiểu-tùy. “Trong vấn đề này ...”: lại phê phán sự mê Chân-lý gần, xa. Có hai nhà giải thích, có thể hợp chung, không đều nhau, cho nên không phải giữ hay bỏ nghĩa nào.

## 12) Môn đặt tên tùy theo cảnh

**Nghĩa:** Như vậy, 10 món như Phần, v.v... chỉ duyên theo sự có, vì điều cốt yếu là phải nương gởi vào bản-chất mới được sanh.

**Thích:** 10 món Tiểu-tùy chỉ duyên theo hữu-sự; các món Căn-bổn duyên theo Vô sự, nên biết: hai món Trung, tám món Đại, thông duyên Hữu-sự, Vô-sự, vì tám món Đại cùng khắp tâm nhiễm, hai món Trung cùng khắp tâm Bất-thiện.

**Nghĩa:** Duyên theo Hữu-lậu hay Vô-lậu v.v... thì cũng dựa theo trên mà biết.

**Thích:** Nghĩa là 20 món Tùy phiền-não đều duyên theo Hữu-lậu, Vô-lậu, cũng đều duyên theo sự-cảnh, danh-cảnh. Trong 20 pháp này, tùy ý dùng đầu ngón tay vớt lấy một pháp, cũng lại chẳng có thể nghĩ bàn. Nếu như thế ấy mà chúng sanh mê chẳng tự-giác, cam nhận điều hư vọng, phải điên đảo luân hồi, thì cũng ví như trong bóng tối chầm phải vật quý làm đau đớn thân thể, hay như đau màng mắt, thấy hoa đốm nhảy múa rối loạn (trong hư không), há chẳng đáng thương xót sao?

## E. Giải thích Tâm-sở Bất-định

### 1. Nêu tụng

**Nghĩa:** Đã nói xong tướng của 20 món Tùy phiền-não. Bất-định có bốn món, tướng của chúng thế nào? Tụng nói:

*Bất-định là: Hối, Miên  
Tâm, Tứ: hai đều hai*

### 2. Dùng luận giải thích

#### a. Chánh thích văn tụng

##### 1) Giải thích tên chung

**Nghĩa:** Luận nói: Hối, Miên, Tâm, Tứ, nơi thiện, nhiễm, đẳng đều chẳng định; chẳng phải như Xúc, v.v... nhất định cùng khắp tâm, chẳng phải như Dục, v.v... nhất định đi khắp các địa: do đó mà đặt tên là Bất-định.

**Thích:** Thiện, tức tánh lành; Nhiễm, tức tánh chẳng lành, và hữu-phú vô-ký; Đẳng là: cùng giữ tánh vô-phú vô-ký ngang nhau.

Các món Biên-hành, như Xúc, v.v..., tuy thông bao tánh, nhưng nhất định đi cùng khắp tâm, cho nên chẳng gọi là Bất-định.

Các món Biệt-cảnh, như Dục, v.v... tuy thông ba tánh, lại chẳng đi cùng khắp tâm, mà nhất định đi khắp các địa, cho nên chẳng gọi là Bất-định.

Nay, Hối, Miên, Tâm, Tứ, chẳng đi khắp tâm, cũng chẳng khắp địa, chỉ khắp ba tánh, cho nên đặt tên là Bất-định.

## 2) Giải thích tên riêng

### □ Hối

**Nghĩa:** *Hối* là: ăn-năn, tức trước đã làm ác, đã tạo nghiệp ác, sau xét lại việc làm, tự giận mình đã làm quấy: đó là tánh của nó; nghiệp của nó là chướng ngại sự dừng nghỉ của tâm. Đây là dựa vào Nhân làm ác, nay có quả ăn-năn, giả lập tên là Hối; tức trước phải có tạo nghiệp ác, sau mới có sự xét lại việc làm mà giận mình. Hối trước chẳng làm, cũng thuộc điều ác: như lời tự xét ăn-năn tự nhủ: “Tôi trước chẳng làm” thì sự nghiệp ấy là “tôi làm ác.

**Thích:** Đây, trước giải thích Hối. Trong luận *Bá pháp* gọi “làm ác” là dựa vào Nhân mà đặt tên. Nay ắt dựa vào Quả, cho nên gọi Hối. Nó thông ba tánh: trước đã làm ác, nay ắt ăn-năn, hoặc trước chẳng làm lành, nay mới hối hận, đều gọi là Thiện.

Nếu trước đã làm lành, nay lại ăn-năn, hoặc trước chẳng làm ác, nay sanh hối hận, đều gọi là Bất-thiện.

Nếu trước làm việc vô-ký, nay sanh hối hận, vẫn thuộc tánh vô-ký, đều gọi là Thiện, nhưng vì cấu tha bỏ mất phương tiện, ắt phải lo nghĩa, đau buồn như bị tên bắn thì gọi là Hối-cái (sự che đậy của ăn-năn); bởi thế, nó hay chướng ngại sự ngừng nghỉ (chỉ) của tâm. Người tu hành, thực hiện năm phép sám hối, cái quý là ở chỗ vĩnh viễn dứt hẳn sự nối tiếp (của ác-ý, ác hạnh) tự thức giục tinh tấn trên mọi việc lành, chứ chẳng phải chỉ đuổi theo ý nghĩ, để buồn rầu, bực dọc mà thôi đâu!

### □ Miên

**Nghĩa:** *Miên* là ngủ; khiến tâm chẳng tự-tại, tâm rất tối tăm, duyên qua-loa cảnh giới: đó là tánh của nó; nghiệp của nó là chướng ngại sự quán sát; có nghĩa là: lúc ngủ thì thân chẳng tự tại; tâm rất mờ kém, vì chuyển một cửa; lựa chọn tối tăm chẳng được tinh vi như lúc tại định; đến khi thức dậy mới biết sơ sót: điều này chứng tỏ thuy miên chẳng phải không có thể dụng. Tuy nó là 1 trong 5 cương vị vô-tâm, nhưng cũng là giả lập trạng thái ngủ say mà gọi tên, thanh ra giống như nó không có tự thể riêng. Song, như các món Cái-triền (che đậy, ràng buộc) bởi nó tương-ung với tâm, cho nên quyết định nó cũng có Thể, Dụng vậy.

**Thích:** Đây là giải thích Miên. Tâm rất mờ kém nên gọi là Muộn (tối tăm): chỉ chuyển một cửa nên gọi là Lược (sơ sài); bởi vì ý-thức đồng thời hướng về khắp sáu căn trong ngoài mà chuyển, nay ý-thức độc đầu chỉ hướng về một cửa ở trong mà chuyển sơ sài, không có năm cửa ở ngoài.

Nó thông ba tánh là do tâm-sở Miên, tương-ung với Ý-thức thức sáu, tạo ra các loại chiêm bao (mộng). Nếu trong mộng thấy tu hành 10 thiện, sáu độ, các việc như thế thì gọi là Thiện; nếu trong mộng, làm các việc giết hại, trộm cắp, tham, sân, v.v... tức gọi là Bất-thiện, mộng chẳng

thiện, chẳng bất-thiện, v.v... tức gọi là Vô-ký. Nhưng chúng sanh từ vô-thỉ đến nay, tập-khí (chủng tử) bất thiện, vô-ký, đã quen thuộc lệch lạc; thói quen làm lành cũng lệch lạc sinh thành; bởi thế lúc ngủ nghỉ nó hay chướng ngại khắp chánh quán. Và loại, trong mộng mà làm ác là bởi tập khí ác lạng lẽ chuyên vận, nhưng vì chẳng làm cho chúng sanh phải tổn hại buồn phiền thật sự, cho nên tuy gọi là “bất-thiện”, song chẳng Nhân thể mà chiêu khổ báo.

Nếu trong mộng mà làm lành thì đó là căn lành thành tựu; nó lại có thể làm cho thiện-căn lồi thêm; tuy chẳng thực sự làm lợi ích cho chúng sanh, nhưng nhân đó mà đạt được công-đức. Nguyên là mộng ác, tuy từ tánh khởi, nhưng vì trái với tánh, nên sức nó phải yếu; mộng lành cũng từ tánh khởi, bởi thuận với tánh, nên sức nó ắt mạnh.

*Như các Cái, Triền* là: Cái có năm món. Đó là: 1. tham muốn, 2. giận ghét; 3. ngủ nghỉ; 4. hối tiếc lay động; 5. Nghi ngờ. Năm món này ngăn che Định Huệ, nên gọi là Cái. Nay Miên đã là Cái, tức phải như Tham, v.v... cũng tự có Thể, Dụng.

Triền có 10 món. Đó là: 1. Vô tâm; 2. Vô quý; 3. Thụy miên; 4. Hâm trầm; 5. Trạo cử; 6. Ác tác; 7. Tật đố; 8. Xan-lận; 9. Phẫn; 10. Phú. 10 món này trói buộc hữu-tình, khiến cho chẳng giải thoát được, nên gọi là Triền. Nay Miên đã là Triền, tức như Vô-tâm, v.v... cũng tự có Thể, Dụng.

Nghĩa: Có thuyết nói: Hai món Hối, Miên, chỉ lấy Si làm thể, vì luận Du-già nói: chúng là Tuỳ phiền-não và thuộc thành phần của Si.

Có thuyết nói: chẳng phải vậy, vì chúng cũng thông với Thiện, nên nói rằng: hai món này, nếu là nhiễm, tức nó lấy Si làm thể; nếu là tịnh, tức nó lấy Vô-si làm thể. Luận dựa vào phần nhiễm nói là Tuỳ phiền-não và thuộc thành phần của Si.

Có thuyết nói: nói như trên cũng chẳng hợp lý, vì hai món đó cũng thông với tánh Vô-ký, mà Vô-ký thì chẳng phải Si, cũng chẳng phải tánh Vô-si. Nên nói rằng: làm ác là dùng Tư (nghĩ) với Huệ, mỗi thứ một phần để làm Thể, vì do Huệ mà hiểu rõ, do Tư mà có sự lựa chọn việc làm thành nghiệp. Thụy miên dùng Tư với Tướng, mỗi thứ một phần để làm Thể, vì tư với tướng là tướng của các loại cảnh mộng, vì các luận đều nói là: vì thể tục mà có.

Hối, Miên mà có sự nhiễm ô là tánh đẳng lưu của Si, như Bất-tín, v.v... nói là thành phần của Si.

Thích: Từ đoạn này trở xuống là biện luận chung thể-tướng của Hối, Miên. Có cả thầy bốn nghĩa, nay là ba nghĩa đầu, đều nói: hao món ấy không có tự thể riêng: đều sai cả. Nghĩa thức tư mới đúng.

Nghĩa: Có thuyết nói: Các thuyết trên, theo lý thì chẳng phải như vậy: chẳng: *Tư, Huệ, Tướng* làm Thể cho hai món đó, vì hai món đó nhiều lần thêm thanh, ràng buộc và gây rối thân tâm là tánh của chúng. Nên nói rằng: hai món đó, mỗi món có tự thể riêng, vì đối với các tâm-sở khác, hành tướng của chúng vẫn khác; chỉ vì theo tướng Si mà nói, cho nên gọi lại “có, vì thể tục”, kỳ thực, chẳng phải chúng không có tự thể.

## □ Tâm, Tư

Nghĩa: *Tâm* là tìm cầu, tức đối với Cảnh của Ý-thức gọi ra theo lời nói, nó gấp rút thô động để tìm hiềm: đó là tánh của nó.

*Tư* là dò xét, tức đối với Cảnh do lời nói gọi ra trong ý-thức, nó gấp rút tế-chuyển để hiểu sâu sắc hơn: đó là tánh của nó.

Nghiệp của cả hai món đều là dùng phần vị của thân-tâm được an trụ hay chẳng an trụ để



làm chỗ dựa. Chúng đều chung dùng “Tur và Huệ” mỗi thứ một phần để làm Thể. Đối với Cảnh của lời nói gọi ra trong ý, mà suy lường không sâu sắc thì gọi là Tầm: suy lường sâu-sắc thì gọi là Tứ, nghĩa theo loại có khác. Nếu lia Tur, Huệ, ắt hai món Tầm, Tứ chẳng có thể có thể loại sai khác được.

**Thích:** Hai món này ngang nhau là: thân tâm có yên hay chẳng yên, đều dựa và Tầm, Tứ mà khởi: suy lường chẳng sâu sắc, ắt Tur (nghĩ) giữ vai chánh, Huệ giúp đỡ; suy lường sâu sắc thì Huệ giữ vai chánh, Tur giúp đỡ.

3) Giải thích: hai đều hai

**Nghĩa:** Hai đều hai có nghĩa là: hai món Tầm, Tứ, mỗi món đều có hai loại nhiễm tịnh sai khác.

Có thuyết nói: giải thích như thế chẳng hợp chánh lý, vì Hối, Miên, cũng có hai loại nhiễm tịnh. Nên nói rằng: Tầm, Tứ là một; Hối, Miên là một, như các tâm-sở nhiễm ở trước: một là căn-bổn phiền-não; một là Tuỳ phiền-não. Nay trong hai loại này, mỗi loại có Bất-thiện và Vô-ký hai thứ, hoặc lại mỗi loại có *hiện hành quấy nhiễu ràng buộc*, và hai có *hai loại chủng tử tuy miên* vậy.

**Thích:** Nghĩa đầu không thực, vì câu *hai đều hai* chỉ thuộc hai món Tầm, Tứ.

Nghĩa thứ hai, tuy biết câu *hai đều hai* thông cả bốn món, nhưng cũng không thực, vì chữ *hai* ở đây:

- hoặc là chỉ hai tánh bất-thiện và vô-ký;
- hoặc là chỉ hai loại hiện hành và chủng-tử, cho nên đều chẳng đúng lý.

Nghĩa thứ ba sau đây mới là nghĩa đúng.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: hai thuyết trên cũng chẳng hợp lý. Sau bốn món Bất-định, có lời nói như thế, thì nên hiểu chữ “hai” đầu là nói: hai loại hai; một là Hối Miên, hai là Tầm, Tứ; hai món của mỗi loại, mỗi món lại riêng khác, cho nên chữ “hai” sau là nói: hai cái riêng khác của mỗi món: đó là “nhiễm” và “chẳng nhiễm”, chẳng phải như 11 món Thiện, và 20 món Nhiễm, mỗi món chỉ có một tánh mà thôi, hoặc chỉ chọn tánh nhiễm thì chỉ là phiền-não; nó lại thông với “chẳng nhiễm”, cũng có thể thuộc về tánh Thiện, cho nên nói “hai đều hai”.

Nguyên là trong các luận, có chỗ nói bốn món này là Tuỳ phiền-não, cho nên, nay vì muốn bày tỏ cái ý-nghĩa “bất định” mà nói “hai đều hai” là có dụng ý sâu sắc vậy.

## **b. Phân biệt các môn**

1) Môn, giả, thực

**Thích:** Trong bốn món bất-định, Tầm, Tứ quyết định là giả có, vì Tur Huệ hiệp thành, theo như lời các Thánh nói.

Có thuyết nói: Hối Miên cũng là giả có, vì luận Du-già nói “có, vì thế tục”.

Có thuyết nói: hai món Hối Miên là thực có, chỉ có hai món sau mới là giả có. Nhưng trong Luận Du-già nói “có, vì thế tục” chẳng qua là tùy theo tướng khác mà nói, chẳng phải bày tỏ hai môn đầu quyết định là giả có. Lại nữa, như các chủng tử bên trong, thể tuy là thực, nhưng luận cũng nói “có, vì thế tục”.

2) Môn tương-ung với tự-loại

**Nghĩa:** Trong bốn món thì Tâm, Tứ quyết định chẳng tương-ung nhau, vì thể loại thì đồng mà thô, tế có khác. Dựa vào Tâm, Tứ có nhiễm hay lìa nhiễm mà lập ra bao địa sai khác, chẳng phải dựa vào sự có, hay không có chủng tử hiện khởi của Tâm. Tứ mà lập, cho nên không có lỗi lộn xộn, vượt ngoài giới hạn đồng nhau.

Hai pháp Tâm, Tứ này nhận chịu cùng tương-ung với hai món Hối Miên trước. Hai món Hối Miên trước cũng tự có nghĩa tương-ung với nhau.

**Thích:** Ba địa sai khác là: **1.** địa có Tâm có Tứ; **2.** địa không Tâm, có Tứ; **3.** địa không Tâm không Tứ.

Sợ có người hỏi vặn rằng: Tâm, Tứ, hai pháp đã chẳng cùng khởi; nếu tại cõi Dục, hoặc tại Sơ-thiền, vốn là trong địa có Tâm, có Tứ. Giả sử chính lúc khởi Tứ, ắt Tâm chẳng khởi, vậy thực trạng này có khác gì với “địa không Tâm, có Tứ?” Nay giải thích thắc mắc đó, nói: Dựa vào Tâm, Tứ có nhiễm hay chẳng nhiễm, mà lập ra ba địa sai khác là:

- nếu Tâm, Tứ đều chưa lìa nhiễm thì gọi là địa có Tâm, có Tứ;
- nếu Tâm lìa nhiễm, Tứ chưa lìa nhiễm thì gọi là địa không Tâm, có Tứ;

Chẳng dựa vào sự có hay không có chủng-tử hiện khởi của Tâm, Tứ mà lập ra ba địa, cho nên không có lỗi bị lộn xộn vậy.

Lúc hồi hận, lúc ngủ nghỉ, cũng có Tâm, Tứ: chính trong lúc ngủ, cũng có sự ăn-năn (trong mộng) được, cho nên đều tương-ung với nhau.

### 3) Môn tương-ung với các thức

**Nghĩa:** Bốn món đầu chẳng cùng khởi với hai thứ thức bảy, thứ tám: nghĩa như trước đã nói. Hối Miên chỉ cùng khởi với thức thứ sáu, vì chúng là hai pháp chẳng tương-ung với năm thức trước.

**Thích:** “Nghĩa như trước đã nói” là chỉ trong mục “Các tâm-sở tương-ung với thức thứ bảy” đã có giải thích rồi; và “các tâm-sở tương-ung với thức thứ tám” không có bốn món đó.

Năm thức trước lặng lẽ chuyển vận, duyên theo cảnh hiện tại, cho nên chẳng tương-ung với Hối. Lúc Ngủ, năm thức trước chẳng hiện hành, cho nên chẳng tương-ung với Miên.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: Tâm Tứ cũng cùng khởi với năm thức, vì luận nói: năm thức có Tâm, Tứ. Lại nói: Tâm, Tứ, tức bảy thứ phân biệt, nghĩa là có tướng, v.v...; lại vì Tạp-tập nói: phân biệt lặng lẽ xoay chuyển là năm thức.

**Thích:** Tâm, Tứ tương-ung có hai nghĩa, nghĩa thứ hai là chánh. Đây là nghĩa đầu: không thực vì nói: năm thức cũng tương-ung với Tâm, Tứ.

Bảy thứ phân biệt là: **1.** phân biệt có tướng; **2.** phân biệt không tướng; **3.** phân biệt lặng chuyển; **4.** phân biệt tìm cầu; **5.** phân biệt dò xét; **6.** phân biệt ô nhiễm; **7.** phân biệt chẳng ô nhiễm.

Lại dẫn Tạp-tập, ý muốn nói rõ: Tâm, Tứ tức là bảy thứ phân biệt. Nay, năm thức đã có phân biệt lặng chuyển, nên cũng có Tâm, Tứ vậy.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: Tâm, Tứ chỉ cùng khởi với Ý-thức, vì Luận nói: các phàm như tìm cà, dò xét, v.v.... đều là “pháp bất cộng” của Ý-thức.

Lại nói: Tâm, Tứ tương-ung với Ưu, Hỷ (lo, vui) vì chẳng từng nói cùng khởi với Sướng, Khổ. Giả sử có người vặn hỏi: Tâm Tứ cũng còn cùng khởi với thọ Sướng, Khổ, nhưng văn luận

nói sơ lược thành ra không thấy nói, cũng như nhất định cùng khởi với xả thọ, mà cũng chẳng nói.

Nay, giải thông điều đó, nói: vì xả thọ thì cùng khắp, nên có thể chẳng nói; nhưng do duyên nào mà chẳng nói cùng khởi với khổ, lạc-thọ? Há đây chẳng phải là một bằng chứng cho thấy: Tâm, Tứ chẳng tương-ung với năm thức sao?

Lại có người vặn hỏi: trước đã chấp nhận ý địa được có Sướng, Khổ; nay sao chẳng phải Tâm, Tứ cùng khởi với Khổ, Lạc? Cho nên lại giải thông, nói: tuy trong hiện trạng “tịnh lự” ban đầu có “sướng” trong ý-địa, nhưng chẳng là địa có “vui”, nên nói chung là “hỷ”; tuy trong chỗ thuần khổ, có “khổ” trong ý-địa, nhưng vì giống như “lo”, nên nói chung là “ưu”. Thêm một bằng chứng nữa cho thấy: Tâm, Tứ chỉ cùng khởi với Ý-thức vậy.

Lại nói: Tâm, Tứ lấy nghĩa của danh từ, của câu va8nn (danh thân, cú thân) giảng giải, làm cảnh sở-duyên; chẳng phải năm thức của thân cũng có thể dùng nghĩa của danh từ, của câu văn làm cảnh, cho nên phải biết: năm thức quyết định chẳng cùng Tâm, Tứ tương-ung vậy.

**Thích:** Đây là nghĩa thứ hai, nghĩa chính nói rõ năm thức nhất-định chẳng tương-ung với Tâm, Tứ vậy.

**Nghĩa:** Như vậy, luận Du-già nói: năm thức có Tâm, Tứ là bày tỏ Tâm, Tứ, phần nhiều do năm thức lơ đễnh dẫn khởi, chẳng phải dùng năm thức tương-ung.

“Phân biệt lạng chuyển là năm thức” của Tạp-tập nói, với “bảy thức phân biệt” của luận Du-già nói, nghĩa của mỗi điều có khác:

- điều của luận Tạp-tập nói “lạng lẽ chuyển vận tức là năm thức” có nghĩa là: năm thức thân cũng có tự tánh phân biệt;
- còn điều của luận Du-già nói “bảy thức phân biệt” là nói: Ý-thức phân biệt tương-ung với Tâm, Tứ, cùng khởi với năm thức; cho nên chỗ dẫn chứng của nhà thứ nhất không thành vấn đề.

Do đó, năm thức nhất định không có Tâm, Tứ.

**Thích:** Đây là giải thông các đoạn luận văn của nhà thức nhất đã dẫn chứng.

“Ý thức phân biệt cùng khởi với năm thức”, tức cái gọi là “ý thức đồng thời”. Còn lại đều dễ hiểu.

#### 4) Môn tương-ung với các thọ

**Nghĩa:** Có thuyết nói: làm ác tương-ung với hai thọ Ưu, Xả; chỉ chuyển hạnh “lo” cho nên tương-ung với “ưu”; vì thông với vô-ký, cho nên tương-ung với “xả”.

Thụy miên cùng khởi với ba thọ “hỷ, ưu, xả”, vì hành tướng chuyển trung dung giữa “mừng vui”, và “lo”: “mừng vui” tức “hoan hỷ”; “lo” tức “ưu”; trung dung tức “xả”.

Tâm, Tứ tương-ung với bốn thọ: ưu, hỷ, xả, lạc: ưu, hỷ, xả, có thể biết, cũng được có lạc, vì trong “tịnh lự” ban đầu có “lạc” trong ý địa cùng khởi.

Có thuyết nói: bốn món cũng cùng khởi với thọ “khổ”, vì trong loài thù thuần khổ, có “khổ” trong ý địa cùng khởi.

**Thích:** Nghĩa đầu thiếu thọ “khổ” cùng khởi. Nghĩa thứ hai thêm vào cho đủ.

#### 5) Môn tương-ung với biệt-cảnh

**Nghĩa:** Bốn món đều nhận chịu cùng khởi với năm món Biệt-cảnh, vì hành tướng, sở duyên chẳng trái nhau.

#### 6) Môn tương-ung với tâm-sở thiện

**Nghĩa:** Hối Miên chỉ nhận chịu cùng khởi với 10 món Thiện, vì hai món này chỉ tại cõi Dục, không có khinh anh. Tầm, Tứ nhận chịu cùng khởi với 11 món Thiện, vì trong tịnh-lự ban đầu có Khinh-an cùng khởi.

#### 7) Môn tương-ung với Phiền-não

**Nghĩa:** Hối chỉ nhận chịu tương-ung với Vô-minh, vì hành tướng này thô, còn Tham, v.v... thì tế.

Thụy-miên, Tầm, Tứ, được cùng khởi với 10 món phiền não vì hai nhóm đó, đây, xoay vần chẳng trái ngược nhau.

#### 8) Môn tương-ung với Tuỳ phiền-não

**Nghĩa:** Hối nhận chịu cùng khởi với hai món Trung, tám món Đại Tuỳ, chẳng cùng khởi với 10 món Tiểu nhau Phần, v.v.... vì mỗi món này đều làm chủ.

Thụy-miên, Tầm, Tứ, đều nhận chịu cùng khởi với 20 món Tuỳ phiền-não, vì 20 món này đều chịu khởi với nhóm kia.

#### 9) Môn thuộc ba tánh

**Nghĩa:** Bốn món này đều thông ba tánh thiện v.v... vì đối với Nghiệp vô-ký, cũng có thể có việc theo đuổi sự ăn năn.

Có thuyết nói: hai món đầu (Hối Miên) chỉ là Thiện “được sanh”, vì Hối ắt hành tướng thô xấu, còn Miên thì tối tăm, sơ sài (muội lực) chẳng phải là Thiện “nhờ thêm hạnh”; hai món sau (Tầm, Tứ) cũng thông với Thiện gia-hạnh (nhờ thêm hạnh) vì trong các pháp lành do Nghe mà thành, có Tầm và Tứ.

Có thuyết nói: hai món đầu cũng thông với Thiện gia hạnh, vì trong lúc Nghe, Nghĩ (văn, tư) có Hối, Miên. Ba món này đều thông với hai loại vô-ký là: nhiễm hữu-phú và tịnh vô-phú; làm ác chẳng phải nhiễm, vì hành-tướng thô, mạnh.

Trong bốn món vô-ký, Hối chỉ là trung gian giữa hai môn vô-ký là: “vô-ký lộ và uy-nghi” và “vô-ký công xảo”, vì hành tướng của nó thô mạnh, chẳng phải là định “vô-ký biến hoá”, cũng chẳng phải là quả “vô-ký dị-thục”; còn Miên thì trừ món “vô-ký biến-hoá” thứ tư, vì nó chẳng do Định dẫn sanh. Như vậy, thứ “vô-ký dị-thục” sanh của tâm-thức thứ sáu cũng có Miên được.

Tầm, Tứ thì trừ “vô-ký dị-thục” thứ, nhất, vì hành-tướng của món “vô-ký dị-thục” này nhỏ nhiệm yếu kém, chẳng có thể tìm xét ý-nghĩa của danh từ hay câu văn, v.v... được.

**Thích:** Trước chánh thực nói rõ: bốn món thông ba tánh. Kế đến tính liệu phân biệt hai món thiện: được sanh và gia hạnh. Sau cùng liệu phân hai thứ vô-ký: hữu-phú, vô-phú và liệu phân bốn món vô-ký. Bốn món vô-ký là: **1.** dị-thục vô-ký; **2.** lộ về uy nghi vô-ký; **3.** công-xảo vô-ký; **4.** biến-hoá vô-ký.

#### 10) Môn giới-hệ, hiện-khởi, hổ duyên

#### □ Nói rõ giới-hệ (cõi liên hệ)

**Nghĩa:** Ngủ và làm ác (để phải ăn-năn) chỉ có tại cõi Dục. Tầm, Tứ tại cõi Dục và Tịnh-lự

ban đầu vì ở các cõi các địa khác đều là diệu tịnh, nên không có bốn món.

**Thích:** “Các cõi các địa khác” chỉ: địa nhị thiên, địa tam thiên, địa tứ thiên ở cõi Sắc, và bốn địa ở cõi Vô sắc.

### □ Nói rõ hiện khởi

**Nghĩa:** Hai pháp Hối Miên, kẻ sanh ở địa trên, tất chẳng hiện khởi, hai pháp Tầm, Tứ, kẻ sanh ở địa trên và sanh ở địa dưới, cũng nhận chịu khởi dưới trên.

### □ Nói rõ duyên

**Nghĩa:** Tầm Tứ ở địa dưới, địa trên, có thể duyên lẫn nhau, địa trên duyên cảnh dưới và ngược lại.

Có thuyết nói: Hối Miên chẳng có thể duyên cảnh trên, vì Hối ắt hành tương thô, gạn; Miên ắt quá mờ ám, sơ sai.

Có thuyết nói: hai món dấy cũng duyên cảnh trên, vì người có tà kiến, khi ăn năn có thể tu Định; mộng có thể duyên rộng khắp các sự việc ở các cõi trên đã trải qua.

**Thích:** Tầm, Tứ không với Sơ-thiên ở cõi Dục, cho nên nói: dưới trên với trên dưới duyên lẫn nhau. Hối Miên chỉ ở trong phạm vi cõi Dục, cho nên chỉ nói rõ nghĩa: duyên trên hay chẳng duyên trên mà thôi.

Nghĩa thứ nhất nói: chẳng duyên trên là sai. Nghĩa thứ hai nói: cũng duyên trên là đúng

#### 11) Môn thuộc Học, Vô-học

**Nghĩa:** Hối chẳng phải thuộc bậc vô học, vì lìa cõi Dục chẳng xa thì không còn có Hối.

Thuy-miên, Tầm, Tứ đều thông với ba loại, vì người cầu giải thoát, có bao nhiêu pháp thiện hữu-vi cũng đều gọi là Học; người học đến chỗ cứu cánh, có bao nhiêu pháp thiện hữu-vi cũng đều gọi là vô-học.

**Thích:** Tất cả phàm phu và hai quả đầu đều có Hối. Quả thứ ba trở lên mới không có Hối, cho nên Hối chẳng phải thuộc bậc Vô-học.

Thuy-miên, Tầm, Tứ của phàm phu chẳng phải thuộc Học; chẳng phải thuộc Vô-học.

Thuy-miên, Tầm, Tứ ở ba quả đầu thì thuộc bậc hữu-học; Thuy-miên, Tầm, Tứ, từ quả thứ tư và Bồ-tát địa thức tám trở lên thì thuộc bậc Vô-học, vì tuy là hữu-vi, nhưng đều chỉ là thiện.

#### 12) Môn thuộc ba bậc dứt

**Nghĩa:** Hối Miên chỉ thông với chỗ dứt của địa-vị kiến-đạo và tu-đạo, chẳng phải là cái “chẳng phải dứt”, vì chúng cũng do thế lực của Tà-kiến mà khởi. Sở dĩ Hối, Miên, đều có thể thuộc chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo, vì chúng chẳng phải do đạo Vô-lậu tự nó dẫn sanh. Sở dĩ Hối Miên thuộc chỗ dứt của địa vị Tu-đạo, vì chẳng phải như “ưu”. Nó cũng phải do Tâm cầu giải thoát một cách sâu đậm mới được. Nếu ở địa vị Kiến-đạo và Tu-đạo đã dứt được Hối Miên rồi, thì sau đó vẫn còn có Miên; bởi thế Miên được gọi là cái “chẳng phải dứt”. Miên trong địa vị Vô-học chính thuộc về cái “chẳng phải dứt”.

**Thích:** Đạo Vô-lậu là cái “chẳng phải dứt”. Nay Miên đã chẳng phải do đạo Vô-lậu tự dẫn sanh cho nên nó chẳng phải là cái “chẳng phải dứt”.

Bậc Vô-học hồi tâm hướng về Đại-thừa, thâm cầu đạo giải thoát vô thượng có được ưu căn

gọi là cái “chẳng phải dứt”. Hối chẳng đồng như Ưu, cho nên nó chẳng phải thuộc về cái “chẳng phải dứt”. Nếu A-la-hán có Miên, Phật cũng có Miên, ắt Miên chẳng phải là cái “phải dứt”. Nhưng A-la-hán và Phật đều vĩnh viễn không có mộng. Bồ-tát từ địa thứ tám trở lên, tuy gọi là Vô-học, vẫn còn có mộng đẹp.

**Nghĩa:** Tầm, Tứ tuy chẳng phải là đạo Vô-lậu chân thức, nhưng có thể dẫn sanh đạo Vô-lậu. Lại nữa, được dẫn sanh từ đạo Vô-lậu, cho nên chúng thông với hai địa vị Kiến-đạo, Tu-đạo, chẳng phải là cái phải dứt.

**Thích:** Tầm Tứ dẫn sanh đạo Vô-lậu, là chỗ dứt của địa vị Tu-đạo. Tầm Tứ do đạo Vô-lậu dẫn sanh chẳng phải là cái phải dứt. Tầm Tứ tương-ung với phiền não phân biệt là chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo

**Nghĩa:** Có thuyết nói: Tầm Tứ “chẳng phải dứt” đối với trong năm pháp, nó chỉ thuộc về pháp phân biệt thứ ba, vì luận Du-già nói: Tầm, Tứ ấy là phân biệt.

Có thuyết nói: hai món Tầm Tứ này cũng thuộc về “chánh trí” thứ tư, vì trong Bát chánh-đạo nói Chánh tư-duy là vô-lậu, bởi “tư” ấy thương hay khiến tâm khởi sự tìm cầu. Lại nói “Tư” ấy là nguyên nhân của lời nói.

Khi chưa đến địa vị Như-lai cứu-cánh, nơi pháp môn “tâm làm bệnh, v.v... cho chúng sanh sung sướng”, bởi chưa có thể biết cùng khắp nên trong trí Hậu-đắc, vì người khác mà nói pháp, tất nhiên Tầm Tứ là giả, chẳng phải như ở địa vị Phật nói pháp không công dụng, cho nên hai loại Tầm Tứ này, cũng thông với Vô-lậu.

Du-già nói Tầm Tứ hẳn là phân biệt, nhưng chẳng nhất định nói: chỉ thuộc tánh phân biệt thứ ba, vì trong Chánh-trí Hậu-đắc cũng có “phân biệt”.

**Thích:** Đây là căn cứ vào năm pháp mà phê phán Tầm, Tứ. Năm pháp đó là: **1. Danh; 2. Tướng; 3. Phân-biệt (Lãng-Già gọi là Vọng-tướng); 4. Chánh-trí; 5. Như-như.**

Tầm, Tứ hữu-lậu là chỗ dứt của hai địa vị Kiến-đạo và Tu-đạo, có thể thuộc pháp “phân biệt thứ ba, Tầm Tứ vô-lậu, tức chẳng phải cái phải dứt, nên thuộc về “chánh-trí” thứ tư, vì là Trí hậu-đắc. Nếu đến quả vị Phật, ắt Tầm, Tứ Vô-lậu cũng dứt, vì Như-lai có diệu-trí hậu-đắc, lạng lẽ chuyên vận soi chiếu các căn cơ chẳng phải là Tầm, Tứ giả vậy.

13) Kết luận, so sánh các môn khác

**Nghĩa:** Các môn khác, nên căn cứ theo trên đây mà suy nghĩ để nắm được yếu lý.

**Thích:** Các môn khác như: duyên hữu-sự vô-sự, duyên hữu-lậu vô-lậu, duyên sự cảnh danh cảnh, v.v....

## **G. Rộng giải tướng riêng của sáu vị Tâm-sở – Gom chỉ cho thấy hai đế**

### **1. Hỏi đáp sơ lược**

Hỏi: Như vậy, sáu vị Tâm-sở là lìa tâm thể, có tự tánh riêng hay là phần vị sai khác của tâm?

Đáp: Giả thiết như thì có lỗi gì?

## 2. Hỏi đáp rộng rãi

### a. Vắn hỏi Ly, Túc

**Nghĩa:** Cả hai trường hợp đều có lỗi: Nếu “liạ tâm thể, có tự tánh riêng”: tại sao Thánh-giáo nói “chỉ có Thức”? Lại nói, tại sao nói: chỉ có tâm đi xa, hay đi một mình? Lại nữa, tại sao nói nhiễm, tịnh là do Tâm? Tại sao nói: Sĩ phu sai giới? Luận Trang-nghiêm lại nói như bài tụng dưới đây, hiểu thế nào cho thông suốt:

*Nhận tâm hiện giống hai  
Như là giống Thực thấy,  
Hoặc giống như Tín thấy  
Không có Thiện, Nhiễm riêng.*

**Thích:** “Cả hai đều có lỗi” là thắc mắc chung trước “Nếu liạ tâm ...” là vắn hỏi riêng thuyết nói: cái lỗi của “liạ”. “Sĩ phu” tức hữu-tình. Sáu giới, tức địa (đất), thủy (nước), hoả (lửa), phong (gió), không, thức (cái biết), chẳng nói riêng “tâm sở.”

**Nghĩa:** Nếu “tức là phần vị sai khác của Tâm”, tại sao Thánh-giáo nói: “tâm tương-ung”, vì hẳn phải co tha tánh mới nói “tương-ung”, chứ chẳng phải tự tánh. Lại, tại sao nói: tâm với tâm-sở cùng khởi đồng thời, như trời với ánh sáng của nó? Luận Du-già nói, phải hiểu thế nào cho thông suốt, khi nói: tâm-sở chẳng phải tức là tâm, như trong bài tụng sau đây:

*Năm chủng tánh chẳng thành  
Phần vị khác là quấy  
Vì nhân duyên không khác,  
Trái ngược với Thánh-giáo*

**Thích:** Đây là vắn hỏi riêng thuyết nói cái lỗi của “tức”. Tâm-vương như mặt trời, tâm-sở như ánh sáng. Mặt trời nếu tức là ánh sáng, ắt ngoài ánh sáng không có mặt trời, tại sao trong không gian lại thấy mặt trời tròn? Ánh sáng nếu tức là mặt trời, ắt ngoài mặt trời không có ánh sáng, 10 phương thế giới phải đồng là mặt trời. Tâm-sở nếu tức là Tâm thì lỗi đó cũng vậy.

Lại trong tụng Du-già nói: nếu nói tâm-sở tức là tâm-vương, ắt tánh của năm loại thủ uẩn chẳng thành tựu được, vì không có ba uẩn: thọ, tưởng, hành. Lại nữa, nếu nói: chỉ do phần vị sai khác mà lập năm uẩn thì cũng có sai quấy, vì trong 1 sát-na, nhân duyên của chúng hẳn không có thể có sai khác được, ắt trái ngược với Thánh-giáo, bởi Thánh-giáo nói năm uẩn đồng thời tại trong 1 sát-na có đủ bên cạnh nhau, chẳng dựa vào sau trước mà giả lập vậy.

### b. Đáp theo diệu lý

**Nghĩa:** Nên nói rằng: liạ tâm, tâm-sở có tự tánh riêng, vì tâm là hơn; cho nên Thánh-giáo nói: “chỉ có Thức v.v...”. Và lại, tâm-sở dựa vào thể lực của tâm-vương mà sanh, cho nên trong luận Trang-nghiêm mới nói “hiện giống hai”, chẳng phải nói: pháp “thiện, nhiễm” tức là tâm-vương. Lại nói: Tâm-thức của phàm phu, quyết định cũng gồm có tâm-sở, vì chúng hằng tương-ung (với tâm) cho nên trong các Thánh-giáo nói “chỉ có thức” và nói “hiện giống hai”: đều không có sai quấy.

Nhưng đó là dựa vào Thể-tục mà nói có tự tánh riêng.

Nếu dựa vào Chân thắng-nghĩa (nghĩa chơn thực hơn hết) ắt Tâm và Tâm-sở, chẳng phải

lia, chẳng phải tức, cho đến các Thức “trông ngóng nhau”, cũng phải như vậy. Đó là diệu lý của Đại-thừa theo Chân-đế Tục-đế.

**Thích:** Tâm-vương, tâm-sở, chủng-tử hiện hành đều khác nhau là Tục-đế. Tâm-vương, tâm-sở, mỗi mỗi đều chẳng phải tức, chẳng phải lia, là Chân-đế.

Giả sử chẳng có Chân-đế, ắt Tục-đế không có thể để dựa nương; giả sử chẳng có Tục-đế, ắt Chân-đế không có thể biểu lộ rõ rệt. Chân-đế như nước, Tục-đế như sóng và giòng chảy. Nếu biết ngoài nước, không có sóng và giòng chảy nào riêng khác, ắt biết ngoài sóng và giòng chảy, cũng không có nước nào riêng khác. Chân là Chân của Tục, Tục là Tục của Chân. Trong địa hạt lý thực-tế, nguyên tự nó chẳng bỏ một pháp nào; nay ở chỗ đầu cửa của sự vật, nguyên tự nói chẳng lập một pháp trần nào, há đến chỗ sóng chia ra mà uống nước sao? Bởi thế, Tông-kính nói: nếu chẳng hiểu rõ tánh, thì cũng chẳng hiểu rõ tướng, tướng có là hư-vọng. Nếu chẳng biết tướng, thì cũng chẳng biết tánh, tánh đó tức “đơn cô”: phải nên thông suốt cả tánh lẫn tướng, mới được lợi mình lợi người.

Lại nữa, trong kinh Lăng-già nói: các Thức có ba loại tướng là: chuyên tướng, nghiệp tướng, chân tướng. Ba loại tướng này thông với tám Thức, nghĩa là:

- Tâm khởi gọi là Chuyên, vì tám thức đều khởi, đều có sanh diệt, nên gọi là chuyên tướng.
- Động ắt là Nghiệp, vì trong tam tế (ba tướng vi tế), sự động tâm ban đầu là nghiệp tướng vi tế; tám Thức đều động, đều gọi là nghiệp tướng
- Chân tánh của tám Thức, đều gọi là Chân-tướng.

Trí Húc nói: tám thức đều có ba tướng, ắt 51 món Tâm-sở tại sao chẳng có ba tướng như tám Thức? Bởi vậy, Từ Tư nói: thức tánh, thức tướng đều chẳng lia Tâm; Tâm-sở, Tâm-vương lấy Thức làm chủ: về Tâm hết Tướng, nói chung “chỉ có Thức”.

Chỉ ngăn nghĩ cảnh Có mà chấp Có thì mất sự thực. Biết chọn tâm Không mà vương mắc vào Không thì trái ngược với Chân-lý: nghĩa nó là vậy.





## CHƯƠNG II – CHỖ DỰA CHUNG CỦA BA MÔN SAU

### Nêu tụng

**Nghĩa:** Đã nói hết các tâm-sở tương-ung với sáu thức. Phần vị hiện khởi của chúng, nên biết như thế nào? Tụng nói:

*Dựa vào Thức Căn-bổn (món dựa chung)  
Năm thức hiện theo duyên  
Hoặc cùng hoặc chẳng cùng  
Như sóng dựa vào nước (mông cùng chuyển)  
Ý thức thường khởi hiện  
Trừ sanh trừ Vô-tướng  
Và hai định Vô-tâm  
Ngủ say cùng chết giắt (môn phần vị khởi diệt)*

## I. DÙNG LUẬN GIẢI THÍCH

### A. Giải thích môn dựa Chung

**Nghĩa:** Luận nói “thức căn-bổn” là thức A-đà-na, tức chỗ nguồn gốc từ đó khởi các thức tịnh, nhiễm. Các thức “dựa vào” đó, là: sáu chuyển thức trước, vì thức Căn-bổn là chỗ dựa chung, gần.

**Thích:** Tên A-đà-na được thông dụng đến quả vị Phật, nên nêu nó ra. “Chỗ dựa chung” chỉ bổn-thức hiện hành, đó là chỗ sáu thức dựa vào. “Chỗ dựa gần” chỉ trong Bổn-thức có chứa giấu các chủng-tử, bởi mỗi thức đều có chủng-tử riêng.

### B. Giải thích môn cùng Chuyển

**Nghĩa:** “Năm thức” là: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân-thức vì chủng loại giống nhau, nên nói chung. “Hiện theo duyên” là nói: năm thức đó chẳng hay thường khởi. “Duyên” là các duyên, như: tác ý, căn, cảnh, v.v...; ý nói: năm thức của thân, trong thì dựa vào Bổn-thức, ngoài thì theo tác-ý, năm căn, năm cảnh, v.v...; các duyên hoà hiệp mới hiện ra được. Do đó, hoặc cùng khởi hoặc chẳng cùng khởi, vì các duyên ngoài hiệp lại, có lúc thành linh, có lúc dần dần, như nước nổi sóng, có nhiều có ít tùy duyên (gió). Các pháp làm thí dụ này, nói rộng ra thì như kinh đã nói.

**Thích:** Năm thức, chủng loại giống nhau là: **1.** cùng dựa và sắc căn; **2.** đồng duyên theo cảnh trần; **3.** cùng duyên theo hiện tại; **4.** cùng có gián đoạn như nhau.

Bởi thế, năm thức giống nhau. “Các duyên như tác-ý, căn, cảnh, v.v...” là:

- nhãn thức mượn *chín* duyên để sanh: **1.** không gian; **2.** ánh sáng; **3.** căn (có mắt); **4.** cảnh; **5.** tác-ý; **6.** chỗ dựa gốc (tức thức thứ tám); **7.** chỗ dựa nhiễm, tịnh (tức thức thứ bảy); **8.** chỗ dựa phân biệt (tức ý-thức đồng thời); **9.** chỗ dựa chủng tử (tức chủng của các chuyển thức, được chứa giấu trong thức thứ tám).
- nhĩ thức mượn *tám* duyên để sanh, là: chín duyên trên, trừ ánh sáng, vì trong bóng tối cũng nghe được âm thanh.
- tỷ, thiệt, thân-thức mượn *bảy* duyên trên để sanh, tức bớt hai duyên: ánh sáng và không gian, vì lúc hiệp (căn xúc cảnh) mới biết được.

## C. Giải thích môn Phần Vị

### 1. Giải thích Ý-thức thường khởi

#### a. Khởi hay chẳng khởi đối với các thức

**Nghĩa:** Do năm chuyên thức, hành tướng thô năng, quê ở của các duyên nhiều lúc chẳng đủ, cho nên lúc khởi thì ít, lúc chẳng khởi thì nhiều.

Ý-thức thứ sáu, tuy cũng thô năng, nhưng quê ở các duyên không có lúc nào chẳng đủ; chỉ do duyên trái nhau, có lúc chẳng khởi.

Thức thứ bảy, thứ tám, hành tướng vi tế, quê ở của các duyên lúc nào cũng có, cho nên không có duyên nào ngăn ngại khiến chẳng hiện hành.

**Thích:** Ý-thức thứ sáu mượn năm duyên: **1.** Ý-căn; **2.** Cảnh-pháp; **3.** Tác-ý; **4.** Chỗ dựa gốc; **5.** Chỗ dựa chủng-tử. Năm món duyên này, lúc nào, nhất định cũng đều có thể được, chỉ trừ năm cương vị, như sanh vào cõi Trời Vô-tướng, v.v... gọi là “duyên trái nhau” thì chẳng khởi.

Thức thứ bảy chỉ mượn ba duyên: **1.** Bản thức, **2.** Tác-ý, **3.** Chủng-tử

Thức thứ tám chỉ mượn bốn duyên: **1.** Thức thứ bảy; **2.** Tác-ý; **3.** Cảnh-giới; **4.** Chủng-tử.

#### b. Thường hiện khởi đối với năm thức

**Nghĩa:** Lại nữa, năm thức của thân, chẳng có thể lo nghĩ, chỉ chuyển theo cửa ngoài, nhiều duyên khởi vắng, cho nên lúc dứt thì nhiều, lúc hiện hành thì ít. Ý-thức thứ sáu, tự nó hay lo nghĩ, chuyển theo cửa trong, cửa ngoài, nhiều duyên chẳng vắng, chỉ trừ năm cương-vị; thường hay khởi hiện, cho nên lúc dứt thì ít, lúc khởi hiện thì nhiều. Do đó, trong tụng chẳng nói: thức thứ sáu hiện theo duyên.

### 2. Giải thích năm cương vị, ý-thức chẳng hiện hành

#### a. Nói rõ năm cương vị

1) Nêu chung: Năm cương vị là sao? – Là sanh lên cõi trời Vô-tướng, v.v...

2) Giải thích riêng

a) Giải thích báo Vô-tướng

**Nghĩa:** Cõi trời Vô-tướng là: trong nguyên nhân, lúc tu Định vô-tướng, có sức chán thô tướng nên được sanh vào cõi trời ấy. Nó trái ngại “tâm và tâm-sở” khiến chẳng hàng hành, chỉ lấy sự diệt tướng làm đầu, nên gọi là “trời vô-tướng”. Bởi thế, sáu chuyển thức trong cõi trời ấy đều bị dứt.

Có thuyết nói: từ lúc mới sanh cho đến khi chết, các vị trời ở cõi ấy thường không có sáu thức, vì Thánh-giáo nói: cõi trời ấy không có chuyển thức; vì cõi trời ấy chỉ có Sắc mà không có Danh, trong số 12 “hữu-chi”; lại nói: vì cõi trời ấy “không có tâm địa”.

Có thuyết nói: ở cõi trời ấy, lúc một vị trời sắp chết, thì điều thiết yếu là khởi chuyển thức, rồi sau đó mới chết, vì tất nhiên họ khởi yêu thuận sanh ở địa dưới, vì luận Du-già nói, sau khi tướng đã sanh thì các hữu-tình ở cõi trời ấy mất.

Như vậy, nói: ở cõi trời ấy không có chuyển thức là dựa vào thời gian lâu dài mà nói, chứ chẳng phải là hoàn toàn không.

Có thuyết nói: lúc mới sanh vào cõi trời ấy, cũng có chuyển thức, vì thân Trung-hữu sắp sanh vào cõi trời ấy hẳn cũng khởi phiền não nhuận sanh; cũng như các tầng trời thuộc các bậc thiên, hữu-tình lúc mới sanh vào cũng đều có chuyển thức, vì luận Du-già nói: sanh vào các cõi trời ấy, chỉ nhập Định mà chẳng khởi Định; nếu cái tướng của họ sanh, tức họ mất ở cõi trời ấy. Giả sử: ở các cõi trời đó, lúc mới sanh vào vốn không có chuyển thức thì làm sao gọi là nhập định? Trước có, sau không, mới có thể gọi là “nhập”. Lại nữa, Quyết-trạch phần có nói: hữu-tình sanh vào cõi trời ấy thì tâm, tâm-sở diệt, nên gọi là “vô tướng”. Ý của lời này chính là bày tỏ: chúng hữu-tình lúc mới sanh vào cõi trời ấy hẳn có chuyển thức dị-thực sanh tạm thời hiện khởi; chỉ do sức nhân duyên của cái Định đã thành thói quen từ các đời trước, khiến cho chuyển thức về sau chẳng lại sanh khởi nữa. Do đó, định-lực vô-tướng dẫn khởi dị-thực vô-ký, có phần vị sai khác, cho nên mới gọi là “trời Vô-tướng”, cũng như Thiện gia-hạnh dẫn sanh hai định: Vô-tướng và Diệt-tận; vì là Thiện gia-hạnh nên hai định cũng được gọi là “thiện”. Nay định vô-tướng dẫn sanh dị-thực nên gọi là “trời Vô-tướng”. Nếu chẳng vậy, ắt chuyển thức hết thấy chẳng hiện hành, tại sao trong Quyết-trạch phần có nói “chỉ có sanh (vào cõi trời ấy) là diệt được tâm, tâm-sở”. Bởi thế, nên biết: ở cõi trời ấy, lúc mới sanh vào, chuyển thức hẳn cũng tạm khởi.

**Thích:** Ban đầu giải thích nghĩa của danh từ “trời Vô-tướng”. Sau nói ba nghĩa của ba nhà giải thích: nhà thứ ba là chính. Kinh Đại-Phật đảnh cũng nói: nửa kiếp đầu diệt; nửa kiếp sau sanh.

**Nghĩa:** Cõi trời Vô-tướng chỉ ở tịnh lự thứ tư, vì trong ba bậc thiên ở dưới, cái tướng thô năng khó có thể dứt được, vì trong cõi trời “bốn không” ở trên, không có xứ dị-thực vô-tướng, tức có thể dẫn phát tư-nghiệp về định vô-tướng; nghiệp đó có thể chiêu cảm quả dị-thực ở cõi trời ấy.

**Thích:** Đây là giải thích xứ quả Vô-tướng, và chủng-tử làm nhân của quả Vô-tướng.

Tam thiên trở xuống, tướng thô khó dứt.

Tứ không diệt Sắc, còn lại Tâm; Vô-tướng diệt Tâm, còn lại Sắc; cho nên cõi trời “bốn không” không có xứ Dị-thực Vô-tướng. Nên biết: Dị-thực Vô-tướng hẳn nương gởi ở xứ trời tứ thiên. Tư-nghiệp, tức là tâm-sở tư (suy nghĩ) khiến tâm tạo-tác định nghiệp Vô-tướng, huân thành chủng-tử, lấy đó làm nhân, mới chiêu cảm quả ở cõi trời ấy.

## 2) Giải thích hai định Vô-tâm

□ **Lược kể:** “Và hai định Vô-tâm” là: định Vô-tướng và định Diệt-tận, đều không có sáu chuyển thức trước, nên gọi là “vô tâm”.

### □ Giải thích rộng rãi

#### **Định Vô-tướng**

**Nghĩa:** Định Vô-tướng là: có bậc phạm đã khắc phục được tính tham câu-sanh ở cõi trời Biến tịnh của bậc thiên thứ ba, chưa điều phục được cái nhiễm của thượng giới: do đã vĩnh viễn rời khỏi cái tướng của Tác-ý thường hay dẫn đường nên khiến Tâm, Tâm-sở “chẳng hằng hành” bị diệt: vì lấy sự diệt Tướng làm đầu, nên đặt tên là “Vô-tướng”, khiến thân được an hoà, cho nên tuy chẳng tương-ung với tâm-sở Định, nhưng cũng gọi là “định”.

**Thích:** Đây là chánh thích danh nghĩa của định Vô-tướng. “Tham ... Biến-tịnh” và “Nhiễm thượng giới” đều chỉ các tư-hoặc (nghĩ lầm) tương-ung với sáu thức. “Rời khỏi tướng ...” là: nhận lầm cõi ấy là Nát-bàn. “Tâm, Tâm-sở chẳng hằng hành”, tức sáu chuyển thức và các tâm-sở tương-ung.

**Nghĩa:** Tu tập định này, riêng có ba phẩm:

tu ở hạ phẩm, hiện sanh vô-tướng, ắt có thối lui, nhưng chẳng có thể lại dẫn hiện tiền một cách mau lẹ; sau sanh vào cõi trời ấy, chẳng được thật tịnh sáng, hình sắc chẳng rộng lớn; quyết định đứng giữa trời;

tu ở trung phẩm, hiện sanh vô-tướng, ắt chẳng thối lui, hoặc có thối lui, cũng có thể lại dẫn hiện tiền một cách mau lẹ; sau sanh vào cõi trời ấy, tuy rất tịnh sáng, hình sắc rộng lớn, nhưng chẳng tốt bậc; tuy có ở giữa trời, nhưng chẳng quyết định;

tu ở thượng phẩm, hiện sanh vô-tướng, hẳn chẳng thối lui; sau sanh vào cõi trời ấy, tịnh sáng tốt bậc, hình sắc rộng lớn; hẳn không ở giữa trời, mà đầy khắp cõi trời, thọ mạng đến 500 đại kiếp rồi sau mới mất.

**Thích:** Đây là dựa vào nhân tu ba phẩm để phán định ba loại quả được chiêu cảm.

**Nghĩa:** Định vô-tướng chỉ thuộc về đệ tứ tịnh lực, lại chỉ là thiện, vì do tâm và các pháp thiện gia hạnh dẫn sanh, vì trong địa tam thiên ở dưới, và địa tứ thiên ở trên, không có thứ định này, bởi lẽ cái tướng ở đó thô nặng, như trước đã nói.

**Thích:** Đây lại dựa vào giới địa để phán định, lại dựa bào tánh để phán định.

**Nghĩa:** Định vô-tướng này thông ba trong bốn nghiệp, trừ “nghiệp thuận hiện lãnh”.

**Thích:** Đây là dựa vào bốn nghiệp để phán định. Bốn nghiệp là:

- Nghiệp *thuận hiện lãnh*, là: tâm-sở lạnh mạnh làm thiện, ác, một cách quyết định, có thể khiến liền chiêu cảm quả báo sướng khổ trong đời này;
- Nghiệp *thuận sanh lãnh*, là: tâm-sở thượng phẩm làm thiện, ác có thể khiến chuyển thân, liền quyết định lãnh quả báo;
- Nghiệp *thuận sau lãnh*, là: tâm-sở trung phẩm làm thiện, ác, có thể khiến hai, ba cho đến trăm, ngàn đời sau mới lãnh quả quá;
- Nghiệp *chẳng định lãnh*, là: tâm-sở hạ phẩm làm các nghiệp thiện, ác, lẫn lộn, hoặc phải lãnh hay chẳng lãnh, vì nó nhỏ, yếu, chẳng có sức mạnh.

Nay, định Vô-tướng

- tu ở hạ phẩm thì lãnh nghiệp *chẳng định lãnh*, hoặc nghiệp *thuận sau lãnh*, hoặc nghiệp *thuận sanh lãnh*;
- tu ở trung phẩm thì lãnh nghiệp *thuận sau lãnh*, hoặc nghiệp *thuận sanh lãnh*;
- tu ở thượng phẩm, ắt chỉ lãnh nghiệp *thuận sanh lãnh*, quyết không có lẽ đời này liền lãnh quả báo ở cõi trời kia được, cho nên trừ nghiệp *thuận hiện lãnh* vậy.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: định này chỉ khởi ở cõi Dục, vì có các ngoại đạo nói sức khởi, vì trong cõi Người, cái Huệ hiểu rõ rất mạnh, rất lạnh.

Có thuyết nói: trước đã tu tập ở cõi Dục rồi, sau sanh ở cõi Sắc, có thể dẫn Định hiện tiền, chỉ trừ cõi trời Vô-tướng, cho đến cõi trời Sắc cứu-cánh thì chẳng khởi thứ định ấy.

**Thích:** Đây lại nói rộng xứ sở khởi định. Có hai nhà giải thích, nhà thứ hai ổn thoả hơn. “Cõi trời Vô-tướng chẳng khởi thứ định ấy” là: do đã thành thứ định ấy rồi, mới được chiêu cảm sanh vào cõi trời ấy, chẳng phải ở cõi trời ấy rồi mới khởi thứ định đó. Và loại, chư thiên ở cõi trời ấy, lúc mạng chung, quyết phải thối sanh vào cõi Dục, chẳng lại khởi thứ định ấy.

Năm cõi trời chẳng trở lại (ngũ bất hoàn thiên) đều là bậc thánh, cho nên họ cũng chẳng

khởi thứ định ấy. trong các cõi trời Sơ-thiên, Nhị-thiên, Tam-thiên, Tứ-thiên, đều dẫn khởi thứ định ấy được.

**Nghĩa:** Đây là do chán tướng, mừng được quả ấy mà nhập, cho nên định này chỉ là hữu-lậu, chẳng phải khởi thánh.

**Thích:** Đây là dựa vào hữu-lậu, vô-lậu để phán định. Đoạn trên có nghĩa là: người tu món định ấy, vốn do chán mỗi hại của nó thô tướng, mừng thích quả vô-tướng, sau đó nhập được, ắt là chẳng diệt mà lầm tướng diệt, cho nên chỉ là hữu-lậu. Nhưng hai loại thánh như hữu-học, vô-học, chẳng khởi thứ định này: chỗ có điều là nó chẳng thuộc học hay vô-học vậy.

### ***Định Diệt-tận***

**Nghĩa:** *Định Diệt-tận* là: Bạc thánh như hữu-học hoặc vô-học của ba thừa đã điều phục hoặc xa lìa cái Tham câu-sanh của “vô sở hữu xứ”, đối với cái Tham ở cõi trời “phi phi tướng xứ”, ắt bậc vô-học thì đã khắc phục hoặc đã xa lìa, nhưng bậc hữu-học thì chẳng nhất định, song do tạm ngừng nghĩ sự tác-ý của Tướng làm đầu, khiến Tâm và Tâm-sở chẳng hằng hành, và một phần trong Tâm, Tâm-sở nhiễm ô hằng hành đều diệt hết, cho nên đặt tên là “diệt tận”, khiến thân được yêu hoà, cho nên tuy chẳng cùng tâm-sở Định tương-ung, nhưng cũng gọi là “định”. Lại do lúc gia hạnh, chánh lệch Thọ, Tướng, cho nên cũng gọi là “diệt thọ tướng định”.

**Thích:** Đây là chánh thích danh nghĩa của định “Diệt tận”. “Đã điều phục” chỉ Bò-tát đốn ngộ và hữu-học: “hoặc xa lìa” chỉ Nhị-thừa vô-học và bậc ấy lúc hồi tâm. “Ngừng nghĩ tướng” là: chánh sự nghĩ ngợi mệt nhọc, tạm giữ sự vắng lặng, chẳng tính là Nát-bàn.

Cái định này cũng gọi là định “diệt thọ tướng”, cho nên lại giải thích lý do đặt ra tên ấy.

**Nghĩa:** Tu tập định này, riêng có ba phẩm:

- tu ở hạ phẩm: định hiện rồi lui, chẳng có thể dẫn trở lại hiện tiền một cách mau lẹ;
- tu ở trung phẩm: định hiện rồi chẳng thối, giả sử có thối, cũng có thể dẫn trở lại hiện tiền một cách mau lẹ.;
- tu ở thượng phẩm, cứu cánh chẳng thối lui.

**Thích:** Đây chỉ phán định ba phẩm. Chẳng nói “chiêu quả” vì là đạo Vô-lậu, chẳng chiêu cảm dị-thục.

**Nghĩa:** Mới tu định này, tất phải dựa vào cõi trời “Hữu-đãnh”, đạo khắp quán sát lý chân vô-lậu để làm gia hạnh rồi mới chứng nhập được, vì trong thứ lớp của chín định, thì định Diệt-tận này ở sau cùng. Tuy định này cũng vẫn thuộc Hữu-đãnh, nhưng nó lại thuộc vô-lậu.

Nếu tu định này được thuần thực, ra vào tự tại, ắt đối với các tâm-địa còn lại, sau cùng được hiện tiền.

**Thích:** Đây là phán định chỗ dựa của sự tu Định. Hữu-đãnh là cái đỉnh chót của ba cõi, tức là cái định Phi-tướng phi phi-tướng (chẳng có tướng, chẳng phải chẳng có tướng). Phạm đệ tử Phật muốn tu định Diệt-tận, ắt phải dựa theo thứ lớp mà tu, đó là:

- trước lấy tịnh tịnh xét (giác quán) trừ dục nhiễm, nhờ lìa, sanh tâm vui sướng mà nhập sơ thiên;
- kế dùng cái tịnh trong tâm, buông lìa giác quán được định, sanh vui sướng mà nhập Nhị-thiên;
- kế lại buông bỏ cái vui nặng: lìa vui, được sướng vi diệu mà nhập Tam-thiên;
- kế lại quên cả vui khổ, buông niệm được thanh-tịnh mà nhập Tứ-thiên;

- kế lại diệt sắc, duyên không, nhập định không xứ vô biên;
- kế lại diệt không, duyên thức, nhập định thức xứ vô biên;
- kế lại diệt thức, duyên vô sở hữu, nhập định xứ vô sở hữu;
- kế lại diệt “vô sở hữu”, duyên theo “chẳng có tướng chẳng phải chẳng có tướng”, nhập định xứ “phi tướng phi phi tướng”
- sau lại biết rõ loại tướng hết sức vi tế này vẫn là hữu-lậu, hữu-vị, bèn dựa vào định ấy, đạo xét vắng lặng lý vô-ngã chơn thực, khắc phục diệt trừ tâm-vương, tâm-sở thứ sáu, hiệp với sự điều phục thói chấp ngã câu-sanh trong thức thứ bảy, khiến nó chẳng hiện hành: vậy là nhập định Diệt-tận.

Bởi thế, theo thứ lớp của chín bậc định, định Diệt-tận ở sau rốt; chẳng dựa vào Hữu-đảnh thì chẳng có thể gia hạnh để chứng nhập. Tuy dựa vào Hữu-đảnh, nhưng chẳng phải hữu-lậu, vì hằng phải đạo xét vô-lậu mới có thể nhập được.

Nếu tu tập đến chỗ thuần thực, ắt tùy ý ra vào, không đâu là chẳng được tự tại:

- hoặc ở địa vị vô-sở hữu rồi nhập;
- hoặc ở địa vị thức-xứ rồi nhập, cho đến
- hoặc ở sơ địa rồi nhập;
- hoặc ở cõi Dục, sau khi tâm bị phân tán, cũng nhập thẳng vào định Diệt-tận được.

**Nghĩa:** Định này tuy thuộc Đạo-đế, nhưng chẳng phải thuộc hữu-học hay vô-học, vì nó giống như Nát-bàn.

**Thích:** Đây là dựa vào trình độ học hay vô-học mà phán định. Đã thuộc Đạo-đế thì phải thuộc hữu-học hay vô-học. Nhưng vì giống với Nát-bàn, nên chẳng phải “học”, vì chẳng phải Nát-bàn chơn thức, nên chẳng phải “vô-học”.

**Nghĩa:** Định này, lúc sơ khởi, chỉ tại cõi Người, vì hẳn là do sức Phật và các đệ tử nói, mới khởi được, vì trong cõi Người, cái Huệ hiệu biết hết sức lanh lợi, mạnh mẽ. Nếu ở cõi Người, tu trước được định, ắt sau khi sanh vào hai cõi trên cũng được hiện tiền.

Kinh *Ô-đà-ni* là chứng cứ của thức này (thức thứ tám), vì ở cõi trời Vô-sắc, chỉ không có nghiệp quả thô-sắc, nên cũng được gọi là “Ý thành thiên” (cõi Trời do Ý lập thành), nguyên có định quả sắc, cho nên dựa vào định quả vô-sắc mà nhập vào định này.

Nhưng đối với Đại-thừa hiện giáo đã được giảng giải, mà lời dạy về Tầng-thức chưa được tin nhận, nên sanh vào cõi Vô-sắc mà chẳng khởi định, sợ rằng đã không có sắc-thân, lại không có tâm, thành ra đoạn diệt; nếu đã tinh có Tầng-thức, mà sanh vào bốn tầng trời Vô-sắc, thì định này cũng được hiện tiền, vì đã biết có Tầng-thức thì chẳng đoạn diệt.

**Thích:** Đây lại phán định xứ sơ khởi định: ban đầu, hẳn là tại cõi Người; sau thông bốn bậc thiên và cõi Vô-sắc.

**Nghĩa:** Điều thiết yếu là phải dứt cái hoặc nghiệp của ba cõi, thấy có chỗ phải dứt, mới khởi định này, vì các dị-sanh (phàm phu) chẳng có thể khắc phục, diệt trừ các Tâm, Tâm-sở ở Hữu-đảnh. Và lại, định này vi diệu; điều thiết yếu là phải chứng hai không trước đã, rồi sau đó Hậu-đắc-trí mới tùy nghi mà dẫn phát.

**Thích:** Đây là loại phán định Người khởi định. Dị-sanh chưa dứt được hai chấp phân biệt Ngã, Pháp, chưa chứng được diệu lý hai không Ngã, Pháp. Giả sử nhờ sức mừng, chán, mà họ phục diệt được các tâm, tâm-sở ở xứ vô sở-hữu, nhưng đối với tâm và tâm-sở ở xứ phi-ph-tướng, quyết định họ chẳng phục diệt được, vì đạo lực hữu-lậu của họ tu được ở thế gian vốn là yếu

kém. Chỉ có các bậc thánh ở ba thừa, hoặc ở trong quả vị ban đầu, dùng Căn-bổn trí trước chúng Ngã không; hoặc nơi Hoan-hỷ địa ban đầu, dùng Căn-bổn trí trước chúng Ngã, Pháp hai không, rồi sau đó tùy theo hai không của Hậu đắc-trí mà lần hồi phục diệt được Tư hoặc (cái Nghĩ làm) ở ba cõi cho đến địa vị hết trọng thì mới nhập vào thứ định vi diệu này. Như vậy là: trong đó, Nhị-thừa dùng Ngã không của Hậu đắc-trí mà dẫn phát định này, chỉ khắc phục được cái Ngã chấp vi tế trong thức thứ bảy, cho nên tuy thân tâm qua trăm ngày kiếp như trong khoảnh một cái khảy móng tay, mà chẳng có thể hiện các uy nghi, vì chưa đạt được pháp không; còn Bồ-tát cùng hai không của Hậu đắc-trí mà dẫn phát định này, đôn thời khắc phục pháp chấp vi tế trong thức thứ bảy, cho nên có thể chẳng khởi định Diệt mà hiện các uy nghi, vì được pháp tự tại.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: trong việc tu dứt hoặc ở dưới địa thứ tám, điều thiết yếu là dứt trọn chín phẩm Tư-hoặc ở cõi Dục, còn lại bảy địa thì chỉ khắc phục các hoặc ở mỗi địa, hay là cũng dứt trừ chúng rồi sau đó mới có thể bắt đầu khởi định ấy, vì các loại Hoặc ở cõi Dục có hai tánh Bất-thiện và Hữu-phú lộn xộn rất nhiều: chúng có sức mạnh làm chướng ngại định. Kinh luận chỉ nói: người ở bậc Vô-học của ba thừa, được quả vị bất hoàn (chẳng trở lại) và các vị Bồ-tát mới có thể được định này. Các vị ấy, tùy theo chỗ họ tương-ung, sanh lên tám địa, đều được khởi định này về sau.

**Thích:** Dưới đây là phán định tỉ mỉ món hoặc phải dứt trước. Có hai nhà giải thích; nhà thứ hai là chính. Nay, trên đây là nhà thứ nhất, nói: trong cõi Người chỉ dứt Tư-hoặc ở cõi Dục, tức có thể khởi định Diệt-tận. Sau sanh lên các tầng trời ở bốn bậc thiên, bốn tầng Vô-sắc, cũng đều được khởi, vì quả A-na-hàm, tức có thể được định ấy.

**Nghĩa:** Có thuyết nói: điều thiết yếu là nên dứt hết các Hoặc mà địa vị Tu-đạo phải dứt, ở bốn địa dưới; còn lại năm địa thì chỉ khắc phục các hoặc ở đó, hay cũng dứt trừ chúng, rồi sau mới có thể bắt đầu khởi định ấy, vì các chủng-tử phiền não cùng khởi với thọ đối khác trong bốn địa dưới, sức chướng ngại của chúng cũng mạnh. Các người trong bốn địa ấy, tùy theo chỗ họ tương-ung, sanh lên năm địa trên, đều được khởi định này về sau.

**Thích:** Đây là lời giải thích của nhà thứ hai, nói: trong cõi Người, nên dứt các Hoặc ở bốn địa dưới, mới khởi định ấy. Sau sanh lên trong năm địa trên thì được khởi sau. Bốn địa dưới là:

- địa có năm thú ở lẫn lộn tại cõi Dục;
- địa Sơ-thiên “ly sanh hỷ lạc”;
- địa Nhị-thiên “địa sanh hỷ lạc”
- địa Tam-thiên “ly hỷ diệu lạc”;

*Thọ đối khác* là: bốn loại thọ, ưu, hỷ, khổ, lạc.

Năm địa trên là:

- địa Tứ-thiên “xả niệm thanh tịnh”;
- địa Không-xứ;
- địa Thức-xứ
- địa Vô sở hữu-xứ
- địa Phi phi tưởng xứ

**Nghĩa:** Nếu khắc phục được các Hoặc ở dưới, có thể khởi định ấy; sau chẳng thôi dứt, được sanh ở các địa trên; há sanh ở địa trên rồi, lại từ bỏ việc dứt Hoặc ở dưới sao?

**Thích:** Sau đây là Hỏi, Đáp, để giải thích các trở ngại. Nay trước hỏi: Các Hoặc ở bốn bậc thiên và ở bốn tầng trời Vô-sắc chỉ được điều phục mà chẳng dứt, tức có thể khởi định ấy. Giả sử

các người được quả “không trở lại”, sau khi điều phục các Hoặc, chúng chẳng dứt mà họ chẳng thối, nhưng được sanh lên các địa vị ở cõi Vô-sắc: như vậy, chủng-tử của các Hoặc ở các địa dưới vẫn còn chưa dứt, há được sanh ở các địa trên rồi, lại còn phải dứt các hoặc ở các địa dưới sao?

**Nghĩa:** Dứt cũng chẳng quấy, như sanh vào các cõi trên, mà dứt các Hoặc câu-sanh của thức Mạt-na ở dưới.

**Thích:** Trước buông ra mà đáp rằng: giả sử sanh vào các cõi trên lại còn dứt các Hoặc ở dưới, cũng không có lỗi, như sanh vào địa trên, chúng Vô-học, thành linh dứt hết trong một lúc tất cả các Hoặc câu-sanh tương-ưng với thức Mạt-na trong chín địa ở dưới. Bởi trong sáu thức, phiền não câu-sanh có tướng thô hiện, cho nên chủng-tử của chín địa ba cõi, theo thứ lớp được dứt lần; còn trong thức thứ bảy, phiền não câu-sanh có tướng vi tế, cho nên chủng-tử của chín địa ba cõi cần phải đợi đến “Kim-Cang dụ định” mới có thể dứt thành linh (đốn đoạn) vậy.

**Nghĩa:** Nhưng các bậc “chẳng trở lại” có sức đối trị mạnh, nên chính ở địa vị nhuận sanh, chẳng khởi phiền não mà chỉ do chủng-tử của các Hoặc thấm nhuận địa trên mà sanh ra. Và lại, tuy các Hoặc phải điều phục có khởi lui, khởi chẳng lui, nhưng không có nghĩa núp kín ở địa dưới mà loại sanh ra ở địa trên, cho nên sanh ở địa trên, lại còn phải dứt Hoặc ở địa dưới, vẫn không sai quấy.

**Thích:** Đây là giải thích để khắc phục câu hỏi vặn, đồng thời giải đáp câu hỏi trước.

Câu hỏi vặn, là: nếu được Định Diệt-tận, sau chẳng dứt Hoặc, chẳng thối lui, mà đượ sanh ở địa trên, ắt chánh lúc đượ sanh, há không có phiền não nhuận sanh sao? Nay giải thích điều ấy, nói: Nhưng các bậc thánh-nhơn đượ quả “không trở lại” có sức đối trị lớn, cho nên ở địa vị nhuận sanh, tất chẳng khởi phiền não hiện hành, mà chỉ do chủng-tử của các Hoặc thấm nhuận địa trên mà sanh ra.

Giải đáp câu hỏi trước: tuy định Diệt-tận còn có các Hoặc núp kín; chúng có thể thối lui hay chẳng thối lui. Nhưng trong thức thứ sáu có những chủng-tử phải dứt, ắt hẳn nên dứt các Hoặc ở dưới mới đượ sanh ở các địa trên, vốn không có cái nghĩa: núp kín ở dưới mà sanh ra ở các địa vị trên, cho nên cũng không có sự sai quấy là sanh ở địa vị trên mà lại còn có các Hoặc ở địa dưới phải dứt. Như có người đã dứt đượ các Tư hoặc (nghĩ lầm) ở Sơ-thiền, Nhị-thiền, Tam-thiền, lại phải điều phục các Tư hoặc ở Tứ-thiền và ở các tầng trời tứ-không, mới đượ định Diệt-tận; từ đó về sau, hoặc khởi các Tư hoặc ở đệ Tứ-thiền, hoặc chẳng khởi các Tư hoặc ấy: khởi hay không khởi đều chẳng có thể biết, chỉ có một điều chắc chắn là: phải dứt hết các chủng-tử Tư hoặc ở đệ Tứ-thiền, mới sanh lên không xứ; phải dứt hết các chủng-tử Tư hoặc ở không xứ, mới sanh lên thức xứ; cho đến phải dứt hết các chủng-tử Tư hoặc ở vô sở hữu xứ mới sanh lên phi phi tướng xứ. Giả sử trong suốt một đời, định Diệt chẳng lui, tuy đã vĩnh viễn khắc phục đượ các Hoặc ở đệ Tứ-thiền, đến lúc mệnh chung vẫn phải sanh vào năm cõi trời “chẳng trở lại” (ngũ bất hoàn thiên); muôn người đều không có lý gì để đượ sanh thẳng vào các tầng trời tứ không.

Hỏi phàm phu, ngoại đạo, chỉ điều phục các Tư-hoặc ở địa dưới, cũng chưa từng dứt chúng nó, tại sao xoay vần lại sanh vào địa trên? Thánh-nhơn Na-hàm khắc phục các Hoặc, chẳng dứt chúng, tại sao ngược lại chẳng sanh vào các địa trên?

Đáp: phàm phu, ngoại đạo, đấm giữ tà kiến cho nên chỉ điều phục đượ các Tư-hoặc ở địa dưới bèn có thể sanh vào các địa trên, sau khi phước báo đã hết, vẫn lại phải rơi xuống, cũng ví như như người nhắm vào không gian mà bắn tên: lúc hết sức bay lên, mũi tên phải rơi xuống.



Thánh-nhơn Na-hàm đã phá được Kiến-hoặc (cái thấy sai lầm), đối trong ba cõi, lại chẳng đắm giữ, chỉ có phiền não xoay chuyển lạng lẽ chưa có thể dứt thành linh được, cho nên phiền não ở địa dưới dần dần đến lúc hết, đối đối sanh gọi vào các địa trên, kể đến dứt hết các phiền não ở địa trên, bèn ra khỏi cõi trần, cũng ví như lửa chẳng được thêm củi, phải tắt dần cho đến hết trọn vậy.

**Nghĩa:** Nếu các Bồ-tát, trước ở Nhị-thừa, đã được định Diệt-tận rồi, sau mới hồi tâm hướng về Đại-thừa, ắt hết thấy ba bậc Hiền, 10 bậc thánh đều có thể khởi định này. Nếu chẳng như vậy, thì phải đến “thất địa đây tâm” mới có thể khắc phục vĩnh viễn hết thấy phiền não; tuy trong các thất địa còn chưa vĩnh viễn dứt hết chủng-tử của các Hoặc mà người tu ở cõi Dục phải dứt, nhưng có thể đồng hạnh như những người được quả bất hoàn (chẳng trở lại) đã dứt Hoặc, lại cũng có thể khởi định ấy.

**Thích:** Luận nói: Bồ-tát đã nhập “viễn hành địa (địa thứ bảy) mới có thể hiện khởi định Diệt-tận. Lại có một loại Bồ-tát lợi căn, từ Sơ-địa, bèn có thể vĩnh viễn khắc phục hết thấy phiền não như A-la-hán: các bậc ấy là Sơ-địa cho đến thập địa đều khởi định ấy, vì kinh nói: Bồ-tát trước lựa địa cũng có thể hiện khởi định Diệt-tận.

“Nếu chẳng như vậy ...” là chỉ: các vị Nhị-thừa trước khi hồi tâm chưa được định Diệt-tận. “Hết thấy phiền não” chỉ các Tu-hoặc hiện hành trong ba cõi.

### c) Giải thích Ngũ say, Chết giât

**Nghĩa:** Không tâm “ngủ say, chết giât” là: có trường hợp “ngủ say, chết giât” quá nặng, khiến sáu thức trước đều chẳng hiện hành, cho nên cũng được gọi là “vô tâm”, bởi do các duyên, như nhọc mệt quá độ, v.v... đưa thân đến chỗ mất sức, sáu tình mờ mịt, sáu thức chẳng hiện hành, cho nên gọi là “ngủ say rất nặng”. Trong lúc ngủ say rất nặng như vậy, tuy không có cái Thể của tâm-sở Thủy-miên trong bốn món Bất định, nhưng nó dần khởi, giống hết như nó, cho nên giả nói tên nó là Thủy-miên.

Lại vì xông pha nắng gió, v.v... các duyên như thế, dẫn thân đến chỗ trái ngược với sáu thức, khiến cho sáu thức chẳng hiện hành, cho nên gọi là “chết giât rất nặng”, hoặc vì do nắng, gió, v.v... các duyên ấy làm cho mệt nhọc quá độ mà phải như vậy, đều là thuộc về một ít của Xú.

### 3) Tóm lại:

Trừ năm cương vị ấy ra, thì Ý-thức hằng khởi.

#### b. Giải thích các tiếng “và, cùng”

**Nghĩa:** Hỏi: Chánh lúc sanh, chết, cũng không có Ý-thức, tại sao chỉ nói năm cương vị ý-thức chẳng hiện hành?

Có thuyết giải thích rằng: chính lúc sanh, chết tức trong Tụng dùng các tiếng “và, cùng” để hiện lộ. Phá lời ấy, nói: nói như vậy là phi lý! Tại sao vậy? Thánh-giáo chỉ nói: có sáu lúc gọi là vô-tâm, vì là: năm cương vị đã nói, và “nhập vào cõi Vô-dư y Nát-bàn”.

Nay, chỉ nên nói: tử, sanh, tức thuộc về “chết giât”, vì lúc tử sanh là ở vào cương vị chết giât cùng cực. Nhưng, Tụng dùng các tiếng “và, cùng” là để hiển lộ năm cương vị không lẫn lộn. Lại nữa, Tụng chỉ nói năm vị, chẳng nói sáu lúc Vô-tâm, là muốn bày tỏ: sáu thức đã dứt, sau đó lại dựa vào các chủng-tử của mỗi thức ở trong Bốn-thức mà khởi trở lại; do đó, chẳng nói “nhập vô-dư y”, vì sau khi nhập vô-dư y, ắt chẳng khởi lại.

**Thích:** Có hai cách giải thích; cách đầu sai, cách thứ hai đúng.

### c. Phán định thông Phàm, Thánh

**Nghĩa:** Trong năm cương vị ấy, dị-sanh có bốn, trừ tại định Diệt-tận: Thánh nhơn chỉ có ba vị sau. Trong hàng các thánh thì Như-lai và Bồ-tát từ địa thứ tám trở lên, chỉ còn có một, vì không có chết giắt và ngủ say.

**Thích:** Phàm phu, ngoại đạo đều gọi là “dị sanh” vì chưa chứng pháp Thánh, chẳng có thể nhập định Diệt-tận, Thánh nhơn ba thừa chẳng nhập định Vô-tướng, chẳng sanh lên cõi trời Vô-tướng. Từ địa thứ tám trở lên, được pháp tự tại, cho nên không Ngủ say, không chết giắt, mà chỉ có lúc nhập định Diệt-tận thôi.

## II. NHẬN HIỂU BA TƯỚNG NĂNG-BIỆN CÙNG CHUYỂN ĐỂ THẤY RÕ HAI ĐẾ

### A. Tám thức cùng chuyển

**Nghĩa:** Như vậy là: trong tám thức của tất cả hữu-tình, thì Tâm cùng Mạt-na, hai thức này hằng cùng chuyển. Nếu khởi thức thứ sáu, ắt ba thức cũng chuyển. Còn lại năm thức thì tùy theo duyên hiệp mà khởi một đến năm, ắt có bốn thức cùng chuyển, cho đến tám thức cùng chuyển.

**Thích:** “Tất cả hữu-tình” là thông chỉ Thánh phàm ba cõi mà nói vậy.

### B. Lựa chọn nghĩa “cùng chuyển”

#### 1. Hỏi đáp lần đầu

**Nghĩa:** Hỏi: Nếu một hữu-tình có nhiều thức cùng chuyển, tại sao nói học là một hữu-tình?

Đáp: Nếu lập hữu-tình mà dựa vào Thức có nhiều hay ít, ắt khi họ ở vào cương vị vô-tâm, đáng lẽ ra chẳng có hữu-tình. Lại nữa, phần tâm của kẻ khác (tha phần) hiện ở cương vị trước mặt, làm sao có thể nói “tự phần” của hữu-tình? Như vậy, lập hữu-tình thì:

- hoặc là dựa vào số mệnh-căn;
- hoặc là dựa vào thức Dị-thục, đều chẳng nghịch lý.

Mệnh-căn và thức Dị-thục của họ đều hằng thời chỉ có một mà thôi.

**Thích:** “Tha phần, tự phần” là dùng sáu đường nhìn nhau mà lần lượt thay đổi lẫn nhau, như chỉ: nay làm Người ắt dùng Người làm tự phần, còn năm đường kia đều là tha-phần. Nhưng chính khi làm như vậy, bỗng nhiên: – hoặc khởi tâm làm một vị trời; – hoặc khởi tâm địa ngục, v.v...; nếu chỉ dựa vào thức nhiều ít mà lập hữu-tình, ắt chính lúc khởi thức làm một vị trời thì phải là một hữu-tình ở cõi trời, tại sao vẫn gọi là: hữu-tình ở cõi người? Còn lại, có thể so sánh theo đó mà biết.

Mệnh-căn, tức dựa vào sắc tâm có công năng nắm giữ liền nhau không đứt mà giả lập.

Thức Dị-thụ tức thức vô-ký, quả báo của thức thứ tám vậy.

#### 2. Hỏi đáp lần thứ hai

**Nghĩa:** Hỏi: Một thân chỉ có một duyên bình đẳng không gián đoạn (đẳng vô gián duyên), tại sao cùng một lúc có nhiều thức chuyển?

Đáp: Đã nhận rằng: một duyên bình đẳng vô gián này, dẫn khởi nhiều tâm-sở tương-ung ở niệm sau, sao chẳng nhận rằng: nó cũng có thể dẫn khởi nhiều tâm-vương? Và lại, ai quyết định nói: duyên ấy chỉ có một?

Nói: nhiều thức cùng khởi, là nhận duyên ấy cũng có nhiều. Lại như tâm-sở Dục, trong một lúc giữ nhiều cảnh khi nhiều cảnh hiện tiền, sao nó chẳng giữ tức khác? Vì các cảnh cảnh, v.v... đã có sứ hoà hiệp ngang nhau? Nếu nói: thức ấy phải sanh theo thứ lớp trước sau thì chẳng hợp lý!

Lại như cái Thế-tánh của các tâm-sở tuy không có sai khác, nhưng thiện, v.v... thì loại có khác; nhận cho nhiều món cùng sanh, sao chẳng nhận cho “tâm khác loại cùng khởi”?

Lại như sóng của nước, ảnh của gương, dựa vào loại một mà khởi nhiều, cho nên dựa vào một tâm, nhiều thức cùng chuyển.

Lại, nếu chẳng nhận cho Ý-thức cùng khởi với năm thức, ắt ý thức giữ cảnh của năm thức nương theo, thì nó chẳng phân biệt rõ ràng, dụ như Ý-thức độc đầu cũng chỉ duyên theo cảnh đã mất lâu rồi mà thôi.

**Thích:** Tiêu-thừa chấp 75 pháp, tâm-pháp chỉ có một; do tâm trước diệt, dẫn sanh tâm sau, cho nên nói một thân chỉ có một duyên bình đẳng vô gián vậy.

Trong các câu trả lời, trước đáp thuận, sau đáp nghịch. Đáp thuận là: giả sử chỉ một thời, duyên vô-gián dẫn sanh nhiều thức, lại cũng không sai quấy, vì họ cũng đã nhận cho một tho7i2i duyên bình đẳng vô-gián dẫn sanh nhiều tâm sở.

Đáp nghịch là: đã nhận cho mỗi hữu-tình đều có tám thức, cũng nhận cho tám thức đều có duyên bình đẳng vô-gián; nếu lại chẳng nhận cho nhiều thức cũng chuyển, ắt sắc, thanh, hương, vị, xúc, v.v... nhiều cảnh hiện tiền, trong một sát-na, sao chẳng nhận giữ tức khác? Nếu nói, căn, cảnh tuy ngang bằng, nhưng thức có trước sau, ắt chẳng hợp lý.

Lại đã nhận cho nhất thời có nhiều tâm-sở cùng sanh, sao riêng chẳng nhận cho nhất thời có nhiều tâm-vương cùng chuyển?

Lại như nước, gương, chỉ có một, mà sóng, ảnh có thể nhiều, ắt biết Tàng-thức chỉ có một, mà chuyển thức có thể nhiều.

Lại nếu chẳng nhận cho Ý-thức đồng thời cùng khởi với năm thức, ắt lúc ý-thức khởi thì năm thức trước đã diệt, ắt nói giống với ý thức độc đầu duyên theo cảnh đã diệt, làm sao có thể phân biệt rõ ràng được?!

### 3. Hỏi đáp lần thứ ba

**Nghĩa:** Hỏi: Tại sao cùng khởi với năm thức chỉ có một ý-thức, giữ một hoặc cảnh như sắc, v.v...?

Đáp: Cũng như nhãn-thức, v.v..., mỗi thức cũng có giữ một hoặc nhiều tự cảnh, thì ý-thức đối với năm cảnh trần, nó lại cũng giữ một hoặc nhiều cảnh, lại có lỗi gì? Vì hai phần Tướng, Kiến của sáu thức đều có các loại tướng chung-tử.

**Thích:** Tiêu-thừa vọng chấp có năm ý-thức, cho nên vặn hỏi: chỉ có một ý-thức làm sao có thể nhận ngay năm cảnh? Lời giải thích có thể biết được.

Nên lập lượng nói: Một ý-thức đồng thời là có pháp, có thể giữ nhiều cảnh: Tông. Nhân: vì Tướng, Kiến đều có các loại tướng chung-tử. Dụ: như một Nhãn-thức có thể giữ nhiều sắc, v.v...

#### 4. Hỏi đáp lần thứ tư

**Nghĩa:** Hỏi: Vì lý do gì các thức đồng loại chẳng cùng khởi? Đáp: Nói tự cảnh của mỗi thức nương theo, nếu chẳng có thể hiểu rõ thì nhiều thức cũng vô dụng. Nếu có thể hiểu rõ được thì một đã có thể hiểu rõ, còn thừa ra vô dụng.

**Thích:** Thức đồng loại chẳng cùng khởi là: trong một sát-na không có hai nhãn-thức cùng sanh, cho đến không có hai Tàng-thức cùng sanh. Ý của lời giải đáp có thể biết được.

#### 5. Hỏi Đáp lần thứ năm

**Nghĩa:** Hỏi: Nếu vậy, ắt năm thức, mỗi thức đã có thể hiểu rõ tự cảnh, cần gì phải có Ý-thức cùng khởi mới hiểu rõ?

Đáp: Ý-thức cùng khởi với năm thức có thể giúp năm thức, khiến cho chúng khởi, chẳng phải có chuyên làm việc hiểu rõ cảnh của năm thức nương theo mà thôi. Và loại, đối với cảnh của năm thức nương theo, ý-thức có thể giữ sự hiểu rõ minh bạch, khác với năm thức, như nhãn-thức, v.v...; bởi thế, nó chẳng vô dụng. Do đó, Thánh-giáo nói: Ý-thức gọi là “có phân biệt”. Năm thức chẳng như vậy.

**Thích:** Năm thức chẳng như vậy là: năm thức chỉ có tự tánh phân biệt, chẳng đồng với ý-thức có hai loại phân biệt là: tùy niệm và kế-độ phân biệt (theo niệm phân biệt và tính lường phân biệt).

#### 6. Hỏi đáp lần thứ sáu

**Nghĩa:** Hỏi: Nhiều thức cùng chuyên, sao chẳng tương-ung lẫn nhau như tâm-vương, tâm-sở?

Đáp: Vì chẳng đồng cảnh. Giả sử đồng cảnh, nhưng chỗ dựa của đây kia có thể tánh và số lượng khác nhau, dụ như năm căn đối với năm thức tuy cũng đồng cảnh, nhưng chẳng tương-ung lẫn nhau.

**Thích:** Chẳng đồng cảnh là: Nhãn-thức lấy Sắc làm cảnh ... cho đến Thân-thức lấy Xúc làm cảnh. Vặn hỏi: Ý-thức đồng thời cùng với năm thức đã là đồng cảnh, sao chẳng tương-ung?

Giải thích rằng: vì chỗ dựa của đây kia, có thể tánh và số lượng khác nhau: kia là năm thức dựa vào năm sắc-căn; đây là ý-thức dựa vào ý-căn: đó là một chỗ khác.

Mỗi thức có cái thể của Tự-chứng phần, từ chủng-tử của mỗi thức sanh: đó là hai chỗ khác nhau.

Đây là thức thứ sáu đối với 51 món tâm-sở; nó đều được tương-ung. Kia là năm thức trước, chỉ tương-ung với năm món Biến-hành, năm món Biệt-cảnh, 11 món Thiện, ba Căn-bổn phiền não, hai Trung-tùy, tám Đại-tùy: đó là ba chỗ khác vậy.

“Dụ như năm căn đối với năm Thức, tuy cũng đồng cảnh” nhưng Căn thuộc Sắc-pháp. Thức thuộc Tâm-pháp; căn là sở y (chỗ bị dựa), thức là Năng-y (tính hay dựa); Căn là năng-phát (tính hay phát), Thức là Sở-phát (cái bị phát); Căn chỉ soi (chiếu) cảnh, chẳng có thể phân biệt cảnh; Thức hay phân biệt cảnh nhưng không có hình tượng; Căn thuộc tỷ lượng, Thức thuộc hiện lượng; bởi thế, chẳng có thể nói như tâm, tâm-sở, hoà thuận giống như một, để gọi là “tương-ung”.

### C. Kết luận, cho thấy hai đố

**Nghĩa:** Tự tánh của tám thức, chẳng có thể nói “nhất định là một”, vì hành tướng của Kiến phần và Căn của thức dựa, Cảnh của thức nương, các tâm-sở tương-ung: bốn nghĩa đều khác nhau; lại vì lúc một thức diệt, các thức khác chẳng diệt. Lại nữa, bảy thức là năng-huân, thức thứ tám là sở-huân: các tướng như thế đều cũng khác nhau.

Như vậy, nhưng cũng chẳng “nhất định là khác” vì kinh nói: tám thức như các sóng của nước, v.v... không có sai khác. Giải sử nhất định là khác, thì đáng lẽ ra chúng chẳng có tánh “thay nhau làm nhân, quả”. Nên biết: các thức như ảo sự, vì không có “định tánh”.

**Thích:** Đây là kết luận cho thấy Tục-đế. Trước nói rõ nghĩa “chẳng nhất định là một”; kể đến nói rõ nghĩa “chẳng nhất định là khác”.

Thức thứ tám như nước, bảy thức trước như sóng: sóng đối với nước “bất tức bất ly”, “bất nhất bất dị” (chẳng dứt chẳng lia, chẳng một chẳng khác); nhân đối với quả, lại cũng như vậy, cho nên nói chung: lấy tình trạng “giống như ảo sự kết thành vô-tánh”.

Nên biết: Tục-đế nói “vô tánh”, tức Tục-đế chẳng trái ngược với Chân-đế vậy.

Lập lượng nói: tám thức là có pháp, chẳng nhất định là một, hay khác: Tông. Nhân: vì không có định tánh. Dụ: như ảo sự.

**Nghĩa:** Như trước đã nói: ba tướng thức Năng-kiến, sáu vị tâm-sở sai khác là dựa vào lý Thế-tục mà nói, chứ chẳng phải dựa vào Chân thắng-nghĩa, vì trong Chân thắng-nghĩa thì lời nói và Tâm nghĩ tương đều dứt bật.

**Thích:** Đây là kết luận cho thấy Chân-đế. Đường tâm dứt bật nên chẳng có thể nghĩ tưởng. Lời nói dứt bật nên chẳng có thể bàn luận: tất cả tâm nghĩ, lời nói đều vô-tánh, nên gọi là dứt bật (tuyệt), chẳng phải lia tâm nghĩ, lời nói, riêng có một cảnh giới chẳng phải tâm, chẳng phải lời, để làm Chân-đế. Nên biết: Chân-đế vô-tướng, tức Chân-đế chẳng trái ngược với Tục-đế. Bởi vậy, thức thứ tám như nước, bảy thức trước như sóng; Chân thắng-nghĩa ắt như tánh âm-thấp, chẳng phải sóng, chẳng phải nước, cũng chẳng khác với sóng, nước vậy.

Bốn Tục-đế là:

- giả danh vô thực, như: rừng quân, bình, xe, v.v...
- tùy việc sai khác, như: ba khoa, năm uẩn, v.v...
- phương tiện an lập, như: khổ, tập, diệt, đạo, v.v...
- pháp giả danh chẳng an lập, như: Chân-lý hai không.

Bốn Chân-đế là:

- hiển hiện thể dụng, tức Tục-đế thứ hai;
- nhận quả sai khác, tức Tục-đế thứ ba;
- dựa chân hiển tục, tức Tục-đế thứ tư;
- ý-chí bỏ giảng nói, tức một thực Chân-như.

Tục-đế thứ nhất, chỉ có Tục, chẳng phải Chân.

Chân-đế thứ tư, chỉ có Chân, chẳng phải Tục. Ba vị ở khoảng giữa: nhìn về sau gọi là Tục, nhìn về phía trước gọi Chân. Tuy nói tám đế, chỉ có năm vị.

Nay nói rõ tám thức, sáu loại tâm-sở, tức dựa vào Tục-đế “tùy việc sai khác” mà nói, cũng gọi là Chân-đế “hiển hiện thể dụng”, chẳng đồng với ngoại đạo và các thừa chấp Ngã, Pháp, cho

nên gọi là “lý”, chẳng dựa vào pháp tánh bình đẳng “một thực Chân-như”, cho nên gọi là “thế-tục”.

**Nghĩa:** Như Già-tha nói:

*Tâm, Ý, Thức, tám loại,  
Tục nên tướng có khác  
Chân nên tướng có khác  
Tướng Năng, Sở: đều không.*

**Thích:** Đây là kết luận cho thấy: Chân, Tục chẳng hai. “Theo duyên chẳng đổi” như dùng vàng ròng làm đồ nữ trang, nên tướng có khác.

“Chẳng đổi theo duyên” như các đồ nữ trang toàn bằng vàng ròng, nên tướng không khác, bởi Năng-tướng, Sở-tướng, vốn là vô tánh. Có nghĩa là: Năng tức chẳng phải năng; Sở tức chẳng phải sở, cho nên gọi là “vô”, chẳng phải ngoài “năng, sở” ra, lại lập một cái “không năng, không sở” để gọi là Chân-đến.

Nếu hướng về đoạn kết này mà tiến thủ phân minh, ắt biết tánh tướng hai tông, chung riêng đề thông suốt, mà không có hai vế để lại, cho nên Tông-kính duyên nói: Trong bản Sở kinh Tịnh-danh, Đại-sur Trí-giả hỏi rằng: Nay học theo Ngài Long Thọ, vì ý gì mà dùng nghĩa của ngài Thiên-thân? Đáp: Long-thọ, Thiên-thân, há chẳng đồng nhập pháp môn vô-nhi sao? Nay định chấp buông bỏ hay giữ lại cái gì?

Nếu phân biệt cõi ngoài kết hoặc snah tử và danh nghĩa các hạnh thì nên tìm kỹ trong các tác phẩm của Thiên-thân.

Nếu vào môn quán “đuổi buông” (khiển đãng) để an tâm nhập đạo thì làm sao vượt quá Long-thọ?

Bởi vậy, nên biết: Bò-tát tạo luận, mỗi lời, mỗi ý đều có liên quan với Thánh-điền, chứ chẳng phải tự lòng họ phát ra; dẫn kinh rộng, chứng minh rõ, sẽ khiến được nghe biết mà sanh Huệ.

Nếu trước chẳng sáng tỏ luận Duy-thức của các ngài Thiên-thân, Hộ-pháp, v.v... mỗ xẻ phân tách căn-trần, sanh tử vi tế, há lại có thể theo ngài Long-thọ vào môn quán “đuổi buông” như không có gì sai khác sao? Không xem luận thì không thể hoà hợp, thông suốt trong vẹn được! Cũng như trước chẳng thăm dò, xem xét kỹ lưỡng gốc bệnh thì làm sao quyết định được cách chữa trị và cho thuốc thần phương?!

Thời nay, đa số chẳng thành tựu trong việc tự mình suy-tầm kỹ lưỡng, và vạch rộng Thánh-điền; quán tâm và giáp pháp đều mờ mịt, lý hạnh đều thiếu sót; chỉ còn theo lời mà hiểu, một lúc “đuổi buông”, rứt vết mà vết chẳng sạch, về không mà không chẳng mất, chẳng ra khỏi bụi trần mà toàn là ảnh sự; dứt tuyệt chẳng biết tâm-vương, tâm-sở, chủng-tử hiện thì căn chạy theo; căn trần vi tế, chỗ khởi sanh diệt, thấy đều không hay; tâm tâm trôi nổi, hướng theo ngoại cảnh; niệm niệm hiện tiền, như say như mê, u tối chẳng biết; đèn trí đã mới, nước định khô hết, chưa xem xét môn nào có thể được thanh tịnh.

Ôi! bậc trí sáng suốt mãi mãi, đều do nơi tánh tướng dung thông như vậy; mà nay các học giả lại còn “đề chặt phím đàn” (câu nệ không biết thông), chẳng biết gom lại về tự tâm, đáng buồn thay!